

HUỲNH ÁI TÔNG

TẬP TRUYỆN

RỒNG HIÊN

Hiên PHẬT HỌC

HUỲNH ÁI TÔNG

MỤC LỤC

*

Mượn câu Ca dao	4
Rồng Hiện	5
Con sáo tôi nuôi	9
Gợi nhớ chuyện xưa	15
Về quê ngoại	23
Tô canh chua	29
Bác Tư Chăm	35
Người phát thư trong làng	37
Anh Tư Chiêm	41
Thằng Lưu người lính nghĩa quân	45
Vị Hương Cả cuối cùng của làng tôi	51
Định Mệnh	55
Cô Út đi tu	73
Một bước sa chân	85
Một kẻ có lòng	91
Mất chùa	99
Cửa Không sáng dậy	111

Mượn câu Ca dao

*

Không biết phải viết thế nào cho phải phép, Mượn ca dao để vào truyện, hay dở xin gửi một tấm lòng:

Tàu xuôi Nam Hải ngược miền Nam Vang.

Thương hồ chiếc dọc chiếc ngang,

Tiếng rao lãnh lót nhịp nhàngh chèo khua...

Chèo vô núi Sập lựa con khô sặc cho thiệt ngon, lựa trái xoài cho thiệt dòn,

Đem ra Long Xuyên lựa gạo cho thiệt trắng, thiệt thơm.

Em về em dọn một bữa cơm, để người quân tử, hò ơ...

Để người quân tử ăn còn nhớ quê...

Rồng Hiện



"Học Tập Cải Tạo" nhắc lại đoạn đường đã qua, người trong cuộc không khỏi ngậm ngùi cho số kiếp "*tù đầy*". Người Việt Nam ai cũng có cha mẹ, anh em, bạn bè hay họ hàng đã chịu kiếp tù đầy này.

Kẻ bị giam hãm trong những khu vực đặc biệt, kẻ lên miền cao, phá rừng làm rẫy, cuốc đất đầy cỏ tranh làm nương khoai, trồng sắn, trồng bắp, trồng rau để độn vào những bữa cơm không đủ no. Họ chẳng những làm việc nặng nhọc mà còn ăn uống kham khổ, lại còn bị những "*Quản giáo*", tức là cai ngục

nay rầy mai mắng. Những người học tập luôn luôn bị ám ảnh, bị những áp lực đè nặng lên cả thể xác lẫn tinh thần.

Người sống kiếp *"tù đầy"* nghĩ đến cha mẹ, vợ con lấy đó làm mục đích sống và chờ đợi một ngày về gặp lại thân nhân, nhờ vậy mà họ mới có thể vượt qua mọi gian lao, khổ sở.

Trong trại không có báo chí, không có đài phát thanh vì vậy mà có nhiều *"tin tức truyền đi bằng miệng"*, những tin ấy lan truyền nhanh chóng và nó cũng được người ta thêm bớt vài chi tiết, cho đến nỗi khi nó quay trở lại người đã truyền tin, nó đã trở thành một nguồn tin mới lạ, làm cho người ấy tưởng: đó là một nguồn tin khác trùng với tin cũ của mình, như vậy nó tạo cho người ta tin tưởng đó là sự thật, cho nên dù nó là *"tin vịt"*, bị đồn đãi nhiều lần người ta cũng tin là thật, do đó họ sống với hy vọng ấp ủ, mà hy vọng bao giờ cũng tốt, cũng đẹp, nhờ hy vọng nên hàng trăm ngàn người đã trải qua cơn phong ba của Cộng Sản Việt Nam, đảng đã tạo ra một huyền thoại đáng sợ *"Học Tập Cải Tạo"*.

Ngoài những tin nghe ngóng, người ta còn kể cho nhau nghe những chuyện trên trời, chuyện dưới đất, người kể là Bác sĩ, Kỹ sư, Nhà báo, Nhà Văn, Nhà Giáo ... Vào năm 1976, lúc còn ở Trảng lớn (Tây Ninh), tôi đã được anh Thịnh, một nhà giáo, quê ở Tây Ninh kể cho nghe chuyện *"Rồng Hiện"*, thỉnh thoảng nhắc lại, tôi cảm thấy thấm thía về mặt nào đó của kiếp *"tù đầy"* và chuyện Rồng Hiện đích thực là có giá trị cho mọi người trong đời sống hàng ngày, tôi muốn ghi chép lại đây để quý vị cùng thưởng thức.

Truyện kể như vậy : Có một chú tiểu kia chừng 11 hay 12 tuổi, chú được cha mẹ cho vào nương cửa Phật lúc còn nhỏ, đó là Giác Lâm một ngôi chùa cổ danh tiếng trong vùng. Nhà chú ở rất xa, đi bộ cũng mất một vài ngày đường mới đến chùa.

RỒNG HIỆN

Chùa chủ tiểu tu, có một cái ao ở phía trước khá rộng và sâu. Từ lúc tới chùa cho đến giờ chủ chưa từng thấy người lớn hay trẻ em tắm ở ao đó. Chủ còn nghe các bậc Sư huynh hay thiện tín đến viếng chùa, lễ Phật, họ nói với nhau là cái ao trước chùa rất linh thiêng, dưới đáy ao sâu kia chưa từng ai biết có gì.

Có người cho rằng có thể có một con Cá hóa long, một ngày nào đó nó hóa thành Rồng và sẽ từ đáy ao trồi lên mặt nước, để bay lên trời.

*Một ngày nào đó, chủ tiểu các có thực hiện sáng kiến táo bạo, chủ lấy một cây sào, trên đầu sào, gắn một tấm bản gỗ mà chủ lấy từ trong kho chứa những bản gỗ khắc Kinh, chủ viết "**Ngày rằm tháng chạp, rồng sẽ hiện ở đây**", viết xong chờ đêm khuya, chủ lên cắm bản ấy ở bờ ao, vì sợ người ta trông thấy việc mình làm nên chủ lựa chỗ vắng vẻ, u tịch mà cắm tấm bản vào một đêm mưa tháng Bảy.*

Vì chủ tiểu cắm tấm bản nơi vắng vẻ nên không ai phát hiện sớm, rồi chủ cũng quên đi. Một hôm chừng hai tháng sau, có người phát hiện ra tấm bản ấy, tin tức được truyền rao đi nhanh chóng, mới đầu : "Có một tấm bản cắm ở ao thiêng trước chùa Giác Lâm, viết rằng vào ngày rằm tháng chạp sẽ có Rồng hiện", tin ấy lan truyền dần dần được thêm bớt trở thành "Có thần nhân báo tin rằng : Ở ao thiêng trước chùa Giác Lâm, vào ngày rằm tháng Chạp sẽ có Rồng hiện lên để bay về Trời".

Mới đầu người ta bàn tán tin ấy, chủ tiểu chột nhớ tới chuyện mình làm, chủ thấy vui vui. Ngày nọ tháng kia, chủ nghe hoài lại đâm ra ngờ rằng: Có lẽ thần thánh mượn tay mình làm ra việc đó. Cho đến khoảng thượng tuần tháng Chạp, chủ có một sự mừng vui quá đổi, vì bà mẹ già của chủ từ ở làng xa, đã lâu rồi nay mới đến chùa thăm chủ còn cho biết: bà đến đây thăm

HUỲNH ÁI TÔNG

chú và chờ xem Rồng ở ao hiện lên để bay về Trời. Có ai trong đời được xem thấy Rồng, dù tuổi già, sức yếu bà cũng lặn lội đến đây xem một lần cho biết. Rồi lần lượt có nhiều khách thập phương đến chùa, xin Sư cụ trụ trì cho họ tá túc ở chùa vài hôm, để chờ xem Rồng hiện.

Chú tiểu nghĩ rằng có nhiều người tin Rồng sẽ hiện, cả bà mẹ già của mình cũng tin như vậy. Nhìn lại mẹ, răng rụng, má hóp, tóc bạc, bà đã tin rằng Rồng sẽ hiện, vậy thì chắc chắn sẽ có Rồng hiện lên vào ngày Rằm tháng Chạp. Chú bắt đầu tin và chờ trông.

*Đến ngày Rằm, vào buổi sáng tinh mơ đã có đông người kéo đến bờ ao, có người đốt nhang, có người bày quả phẩm nhang đèn cúng vái. Mặt ao vẫn phẳng lặng, mọi người đều sùng kính trang nghiêm, thời gian lặng lẽ trôi qua trong sự im lặng đợi chờ, đúng Ngọ cũng chẳng có gì, qua giờ Mùi, mây đen từ hướng Bắc kéo về báo hiệu một cơn mưa sắp đến, người ta nhìn mặt hồ để đợi Rồng hiện, nhìn lên mây để biết cơn mưa, rồi lúc nào đó, có người chỉ đám mây đen vùn vủ kia và báo :"
- Rồng đã hiện trên mây đó", nhiều người khác nhìn lên mây, kẻ bảo phải, người bảo không.*

Nhưng có nhiều người nhìn hình dạng đám mây đen kia, tin rằng Rồng đã hiện ở trên đó .

Louisville, Feb.11, 1994

Huỳnh Ái Tông

(Bản Tin Liên Lạc số 1, Tháng 3 năm 1994)

Con sáo tôi nuôi



Hồi nhỏ ở nhà quê, tôi thường chơi với thằng Khuyển, hần là con của người chú họ tôi, bà nội hần với bà nội tôi là chị em ruột, nhà hần ở trong Giồng , bên cạnh đất ruộng nhà tôi, mẹ tôi thường làm ruộng làm rẫy ở đó, tôi hay theo mẹ nên thường chơi với hần lúc còn nhỏ. Khi lớn thêm vài tuổi, tôi chán đề còn hần chán bỏ ngày gặp nhau.

Buổi trưa, thả bò thả dê trong cánh đồng, cho chúng tự do tìm cỏ ăn, chúng tôi rảnh rang, có nhiều thì giờ rong chơi, có khi đi lật đất cày lên tìm bắt dế, dế có cánh đen thì gọi là dế mun, dế có cánh vàng gọi là dế lửa, chỉ có dế trống mới gáy và đá với nhau, nói là đá chớ thật ra mỗi con dế có hai cái càng ở miệng, chúng dùng càng cắn với nhau, khi cắn nhau rồi chúng lại dùng chân để đẩy đối thủ, hoặc dùng đôi chân để tung mình lên kéo theo đối thủ, con nào ê càng thì chạy. Nhưng muốn cho nó phục thù, lấy sợi tóc cột vào chân dế rồi quay cho nó năm bảy vòng, bỏ ra, nó lại hăng say đá nữa, có lẽ nó bị say máu ngà chẳng? Còn dế com, thân hình nó to hơn, không biết đá, người ta thường bắt nó lẫn bột chiên ăn, một thứ dế nữa là dế nhũi, thân nó nhỏ không cánh, hai càng ở miệng nhô ra dùng để ủi đất mà đi, như thế nó ủi chết lúa, đậu, bắp những thứ nông dân trồng, nên nông dân ghét nhứt là dế nhũi.

Hết đá dế lại chơi đá gà, mỗi đứa đi tìm cỏ chỉ, cỏ chỉ là một thứ cỏ thân nhỏ bằng cọng chân nhang, có nhiều khúc, mỗi khúc chừng một lòng tay, ở mỗi khúc đều có lá, nó chỉ bò ở dưới đất, dài lắm chừng ba bốn tấc, có những cọng có cái gù

HUỖNH ÁI TÔNG

lớn chừng bằng ngón tay, tìm cho được những cọng cỏ này, rồi mỗi người chơi cầm một cọng cỏ đánh vào nhau, thường là đánh vào chỗ cọng cỏ giáp với gù, chỗ ấy dễ bị đứt, ai bị đứt gù là thua.

Có khi đi hái me nước ăn, me nước là loại cây ở nhà quê người ta thường trồng làm hàng rào vì nó có nhiều gai, dễ trồng, đó là những cây nhỏ, những cây lớn thường người ta không trồng, nó tự nhiên mọc lên, rồi người ta lãng quên. Nó lớn dần lên, thân nó chừng bằng bắp vế, cao độ năm bảy thước là có trái, nói người ta không trồng vì thân nó không thẳng, gỗ nó không tốt, chỉ dùng làm củi mà thôi, trái của nó như cái lò xo hai ba vòng, lúc còn non nó đẹp nhưng khi sinh trưởng nó to ra tròn như ngón tay, có nhiều ngấn, mỗi ngấn gọi là một mắt, trong mỗi mắt ấy, ở giữa là hột xung quanh hột là cơm, khi còn non hột màu xanh đọt chuối, khi chín thì hột màu đen, lúc me nước chín cái vỏ ngoài trở thành đỏ rồi vỏ tự tách ra, nhìn thấy cơm màu trắng, hoặc tím tím. Chim tha hồ ăn me nước chín. Cây me nước có nhiều gai, và nhánh của nó dai, nên chim dòng dọc thường đến những cây me nước làm tổ, chúng tha cỏ về bện ở đầu cành một cái tổ y như một chiếc vớ, rất dầy, miệng tổ luôn luôn nằm phía dưới, nhờ đó mưa không ướt trứng, khi nào người ta đốn me nước có ổ chim dòng dọc, trẻ con thường lấy ổ, xỏ vào chân làm giày đi chơi.

Me nước có hai loại, loại ngọt và loại không ngọt, loại ngọt lúc già cho tới chín ăn đều ngọt loại không ngọt lúc chưa già ăn hơi chát, lúc chín ăn hơi chua, khi me nước khô ăn cũng ngon vì vẫn còn chua chua. Ngoài cách ăn lúc già, lúc chín, lúc khô, người ta còn hái những trái me già rồi đem nấu có bỏ một chút muối, ăn cũng ngon.

Vì là thứ cây không cần trồng, trái không phải là quý hiếm, ăn không phải để no, nên trẻ con hái me nước không ai rầy la.

RỒNG HIỆN

Ngoài chuyện hái me nước để ăn, ăn xong lấy hột chơi đánh bài, ăn chung tính bằng lon sữa bò hay cái mễn vừa.

Nhưng tôi thích nhất vào đầu mùa xuân, trên những hàng rào cây me nước có những cành lá xanh tươi mơn mớn, đó là lúc những con cánh cam xuất hiện, con cánh cam đẹp nhất là hai chiếc cánh nó màu xanh ứng vàng lấp lánh. Tôi bắt được con cánh cam thường bỏ vào hộp giấy, ngắt bỏ vào vài giọt me nước cho nó ăn, đôi khi con cánh cam đẻ, trứng nhỏ hơn hạt tiêu một chút, màu vàng, nhưng tôi chưa bao giờ thấy trứng đó nở ra con.

Có những khi hai đứa chúng tôi đi vào trong những khu vườn, tìm hái trái cơm nguội, trái nhỏ bằng ngón tay út chín màu tím đen, ăn chua chua ngọt ngọt,

Có khi đi tìm bông vò vẽ, nó có nụ tròn bằng ngón tay cái, khi nó nở ra bốn năm cánh, không đẹp nhưng rất thơm, hái được năm sáu bông nở ử vào trong túi áo rất thơm, mùi thơm dịu và ngọt ngào, trái của nó bằng đầu đũa ăn, dài chừng hai ngón tay, ăn bên trong cũng chua chua giòn ngọt, giống như trái nhãn lồng.

Đôi khi chúng tôi đi hái trái bằng lăng ăn chơi, cây bằng lăng trong Nam ít có cây to, cây to ở trên rừng gỗ của nó gọi là thao lao, thường người ta ưa chuộng cất nhà gỗ thao lao, vì dùng được lâu, tốt hơn gỗ dầu, có thể ngang bằng với gỗ sao. Hoa của nó màu tím có chùm, tuy không tím bằng hoa lục bình nhưng một cây bằng lăng có nhiều nhánh, mỗi nhánh đều có hoa, cùng trở nên trông rất đẹp, khi nó có trái thành từng chùm trái, trái to bằng trái nhãn, trong có nhiều múi, lúc giao thời giữa non và già, hái trái ăn những muối bên trong hơi chua chua, khi trái già bên trong cứng không ăn được.

Có khi chúng tôi đi tìm bắt những ỏ chim, săn tìm nhất là những ỏ sáo, ỏ cường, vì dễ nuôi. Sáo với cường thân hình giống nhau, cường lông thân nó màu hơi nâu, lông đốm trắng, đen, còn sáo hoặc vàng hoặc đen. Sáo vàng còn gọi là sáo sậu, khôn hơn sáo đen, sáo đen cũng gọi là sáo trâu.

Năm đó, Khuyến và tôi bắt được một con quạ và một con sáo vàng. Khuyến gan dạ hơn tôi, nên leo trèo nhanh, hấn leo trước, tôi leo theo sau, để khi nào hấn bắt được chim con thì đưa cho tôi đem xuống tiếp với hấn, nhưng năm khi mười họa mới bắt được một con, vì nhiều ỏ trứng chưa nở, nhiều ỏ chim mới nở chưa mọc lông cánh, không thể bắt về nuôi được. Cho nên Khuyến được quyền giữ chim nuôi cho đến lớn rồi mới chia. Hấn nói nuôi sáo chỉ cần lột lưỡi và cho ăn ớt là biết nói, còn quạ theo lời chú năm tôi, ba của Khuyến nói, muốn cho nó nói phải đào hầm nuôi nó dưới hầm, không cho nghe tiếng chim chóc, nó chỉ nghe tiếng người mà thôi, rồi nó sẽ nói theo mình. Do đó khi chia chim, Khuyến nói với tôi, sáo dễ tìm, tôi chia cho anh, còn quạ khó tìm, tôi giữ lại để nuôi thử coi nó có nói được không?

Tôi đem con sáo vàng về nuôi trong cái lồng tre, hằng ngày khi chăn bầy dê ngoài đồng, tôi bắt vài con cào cào, châu chấu hay dế, chiều về cho sáo ăn. Năm mười ngày, tôi hái một trái ớt hiểm nhét vào miệng cho nó ăn, khoảng một tháng tôi lột lưỡi nó một lần, lưỡi của sáo ở đầu lưỡi tách ra làm đôi, phía trong có ngạnh như cái ngòi viết, khi nào tôi thấy cái lưỡi sáo bắt đầu từ ngoài chót vào trong, chừng một phần ba màu đen là tôi lấy móng tay cạo ở phía dưới cái lưỡi, cho nó tróc ra một chút rồi dùng móng tay nắm phần đó kéo ra chót lưỡi, như thế phần đen sẽ bị lột đi, lưỡi sáo còn lại chừng hai phần ba. Tôi nuôi như vậy chừng hơn năm.

RỒNG HIỆN

Tôi có hai người anh, anh lớn ở Sài Gòn, anh kế đi học ở Long Xuyên, còn lại nhà mọi việc cha mẹ tôi đều sai bảo tôi, tôi cũng thường đi chơi, muốn sai bảo chi, cha tôi phải gọi:

- Tông ơi !

Rồi một hôm, vào buổi trưa, ở trong nhà, cha tôi nghe có tiếng đứa nhỏ nào gọi tên tôi ngoài cửa, đó là đều cha tôi rất ghét có ai rủ tôi đi chơi, nhưng một chút cha tôi lại nghe có tiếng gọi tôi, do đó cha tôi bước ra ngoài xem coi bạn tôi là đứa nào cứ gọi tôi hoài vậy. Ra cửa, cha tôi không thấy trẻ con nào cả, tưởng là đứa trẻ con nào đã đi rồi, nên cha tôi đi vào nhà nhưng được một chút lại nghe gọi nữa, cha tôi lại đi ra cửa, vẫn chẳng thấy bóng ai, cha tôi quyết đứng đó để xem coi có ai gọi nữa không. Rồi lại có tiếng gọi nữa, lần này cha tôi mới thấy rõ là con sáo nó gọi tên tôi, cha tôi nghiệm ra, hằng ngày người thường gọi tôi để sai vặt, nên nó bắt chước gọi theo. Thế là nó đã biết nói.

Từ đó, cha tôi dạy cho nó nói, còn tôi thì thấy nó đã biết nói rồi, nên ban ngày tôi mở cửa lồng cho nó thông thả đi ra ngoài, khi nó đi chán, nó lại chui vào lồng, có những hôm nó đi đâu mất cả ngày, nhưng đến chạng vạng tối nó lại bay về chui vào lồng ngủ. Tôi vẫn bắt cào cào, châu chấu mỗi ngày cho nó ăn, tôi rất thích nó, vì nó là con sáo biết nói, chẳng những vậy mà nó cũng không đi hoang, tôi còn hy vọng một ngày nào đó, biết đâu nó lại chẳng dẫn về một con sáo lạ ?

Một hôm vào lúc gần chạng vạng tối, con sáo của tôi từ ngoài bay về lồng của nó, ngay khi đó từ trong góc nhà, con mèo rình sẵn, nhảy lên chụp nó, tôi nghe tiếng con sáo la lên bất thường, tôi chạy tới, con mèo bỏ chạy. Con sáo của tôi từ thế nằm trên sàn, vỗ cánh đứng lên, tôi đưa tay bắt nó, thấy ức nó có vết răng mèo, có chút máu, tôi lấy thuốc đỏ bôi lên vết thương, rồi thả sáo vào lồng, nó đứng trên nhánh cây khô trong lồng như

HUỖNH ÁI TÔNG

mọi hôm, trông nó cũng bình thường, tôi yên chí là nó sẽ không sao.

Vậy mà sáng hôm sau, con sáo vàng biết nói của tôi đã chết. Tôi nghĩ con sáo chết không phải vì vết thương mà vì nọc độc của con mèo. Tôi rất buồn và tiếc thương nó, vì đã bỏ ra nhiều năm tháng, chăm sóc con sáo mới biết nói được tiếng người.

Năm 1978, sau khi đi học tập cải tạo về, tôi thấy có những người ở quê mang lồng sáo đi bán ở đường phố Sài Gòn, thấy vậy, tôi nhớ tới lúc còn nhỏ, tôi đã nuôi được một con sáo vàng và một con sáo trâu biết nói, nên tôi mua một con sáo vàng về nuôi.

Nuôi được vài tuần thì anh tôi ở Long Xuyên lên chơi, thấy tôi nuôi con sáo, anh nhỏ nhẹ nói:

- Chú mày ở tù mấy năm không thấm hay sao mà còn bắt người ta bỏ vào lồng?

Tôi chợt nhớ tới câu : “Cá chậu, chim lồng”, liền mở cửa lồng, thả cho sáo bay đi. Trời rộng bao la, chỉ một chốc là con sáo sổ lồng bay biệt tâm mất tích, nó đã trở lại đời sống thiên nhiên, tôi cảm thấy vui như buổi sáng hôm nào rời khỏi Trại Học Tập Cải Tạo.

11-11-2008

RỒNG HIỆN

Gợi nhớ chuyện xưa



Bến phà Mỹ Thuận phía Mỹ Tho

HUỖNH ÁI TÔNG

Không có một cái móc nào để tôi nhớ được hồi thuở nhỏ, vào năm nào tôi đã được theo mẹ lên Sài Gòn để thăm anh tôi. Có lẽ vào năm 1948, thuở đó muốn đi Sài Gòn, duy nhất chỉ có hãng xe đồ Thành Long chạy đường Sài Gòn-Châu đốc mỗi ngày một chuyến.

Xe phải chạy từ Châu đốc xuống Long Xuyên qua bắc Cần Thơ rồi bắc Mỹ Thuận, sáng sớm xe chạy, không kẹt bắc, kẹt cầu cũng phải ba, bốn giờ chiều mới đến, khi nào kẹt đoàn "công-voa" xe nhà binh Pháp, hai mươi hay ba mươi chiếc "cam-nhông" thì phải lâu hơn, thời đó xe đồ rất ít nên nạn kẹt xe, chỉ tại đám xe nhà binh Pháp mà thôi.

Ở bắc thì chiếc cầu nổi nhỏ xíu, phà thì chỉ lên xuống một chiều, mỗi chiếc phà chỉ chở có hai chiếc xe. Để được an toàn, trên chiếc cầu nổi người ta làm một bàn xoay, xe chạy xuống cầu nổi là nằm gọn trên bàn xoay, có mấy công nhân dùng tay đòn để xoay một cái trụ quay, trụ này sẽ vận chuyển bàn quay làm cho chiếc xe quay đầu lại, rồi tài xế chạy lùi xe xuống bắc để khi sang bên kia bờ, xe chạy thẳng lên bờ dễ dàng. cũng như ngày nay, khi xe qua bắc trên xe chỉ có trẻ con và người già yếu mà thôi. Vì ít xe, nên có khi một, hai giờ mới có một chuyến bắc.

Việc qua bắc gây ấn tượng cho tôi đến ngày nay còn nhớ là tôi ngồi trên xe, mẹ tôi xuống xe qua bắc, khi xe tôi xuống bắc, nhìn tới nhìn lui không thấy mẹ, tôi bỏ xe định chạy lên bờ tìm mẹ, khi chạy lên được nửa nhịp cầu sắt, có một người mặc đồng phục kaki màu vàng đi ngược chiều, chặn tôi lại hỏi:

- Thăng nhỏ! Mày chạy đi đâu vậy?

- Tui đi kiếm má tui!

- Má mày ở đâu mà kiếm?

RỒNG HIỆN

- Má tui đi xe Thành Long, xe xuống mà tui không thấy má tui.

- Má mày đi qua bên kia rồi! Mày phải xuống bắt theo xe, không được chạy lên bờ! Mày lên bờ, bắt sẽ chạy, vậy là mày sẽ lạc má mày! Nghe lời tao, chạy trở lại xuống bắt mau lên.

Nhờ có người đó, chắc là nhân viên ở bến bắc, họ có kinh nghiệm trẻ con hay bị lạc cha mẹ như tôi, nên đã chặn tôi lại, đuổi tôi xuống bắc. Nếu không nhờ người nhân viên đó, xe qua bờ bên kia mà không có tôi, xe không thể chờ chuyển bắc sau đến một, hai tiếng đồng hồ, lúc ấy mẹ tôi phải bỏ xe ở lại tìm tôi, rồi đâu phải như ngày nay có nhiều xe để đi tiếp, nghĩ đến chuyện này làm tôi nhớ đến một người đã đi bộ từ Sài Gòn về đến quê tôi. Người đó là cô sáu Hòa, hàng xóm của tôi. Năm 1945, cô sáu Hòa lên Sài Gòn thăm con, chiến cuộc xảy ra năm đó, không có tàu bè, xe cộ, cô muốn trở về quê, có chết được nằm cạnh ông bà, thế là cô một thân một mình lội bộ về quê. Hồi đó, tôi từng được nghe cô kể về thành tích của mình vượt qua bao nỗi khó khăn trong thời buổi chiến tranh loạn lạc, kẻ đi đường xa lạ có khi bị bên này tình nghi là Việt gian, bên kia là Việt minh thế là mất mạng, biệt tăm, mất tích!

Tôi không hiểu cho đến khi nào thì có tuyến đường Châu đốc - Vàm Cống - Mỹ Thuận - Sài Gòn, năm 1956, khi tôi dự trại Hè học sinh toàn quốc tại Vũng Tàu thì tuyến đường này đã có, đã có bắc 2 chiều, mỗi chiếc chứa đến bốn xe đò, cầu nổi lớn hơn và không có bàn quay nữa.

Hãng xe đò vàng hiệu Thành Long không còn nữa, thay vào đó là hãng xe Công Tạo, xe chạy tốc độ nhanh hơn, ở Sài Gòn đi lúc 6 giờ, về đến Châu đốc có khi 11 hay 12 giờ. Rồi sau này thêm hãng xe Tam Hữu, Thuận Thành. Bến xe Châu đốc nằm bên cạnh Bồ Đề Đạo Tràng.

HUỖNH ÁI TÔNG

Còn bến xe Sài Gòn, lần đầu tiên tôi đến nằm trên đường Nguyễn Thái Học ngày nay, khi tôi đi trại ở Vũng Tàu, bến xe Lục tỉnh đã dời về đường Pétrus Ký, nay là Lê Hồng Phong, cho đến đầu thập niên 70 mới dời ra Xa Cảng Miền Tây.

Tôi không biết thuở nhỏ, lúc tôi đi Sài Gòn bắc có chạy ban đêm không, nhưng từ năm 1956 tôi lên Sài Gòn học thì bắc có chạy ban đêm, khuya bắc ngưng chạy từ 12 giờ cho tới 2 giờ.

Những năm Sài Gòn giới nghiêm ban đêm, quốc lộ 4 không an ninh, ban đêm phải có xe "com-măng-đô-ca" thường xuyên chạy từ Mỹ Tho đến Mỹ Thuận để giữ an ninh. Sau đó có thời gian bắc ngưng chạy từ 10 giờ đêm cho đến 4 giờ sáng.

Những năm thanh bình đi xe đêm từ Sài Gòn về Châu đốc rất thú vị, đi học ra, 7 giờ lên xe, 12 giờ hay trễ lắm là 1 giờ về tới Châu đốc, cái thú là đến bến bắc, lúc chờ đợi, xuống cầu bắc ngồi trên trên cọc sắt dùng để móc giữ chiếc bắc vào cầu nổi, ngồi đó đêm mát lạnh, trên bầu trời xanh thẳm, trắng sáng vắng vặc, dòng nước lững lờ trôi, xa xa bên kia bờ vài bóng đèn đêm leo lét ẩn hiện trong tàng cây, đêm thật êm đềm.

Bắc Mỹ Thuận cũng như Cần Thơ, ngày càng nhiều xe cộ, từ những chiếc bắc nhỏ V-50 họ đóng những chiếc V-100 rồi sau cùng là V-200 chở được mỗi lần chừng 12 chiếc xe tải lớn. Vậy mà trước 1975 vẫn có nạn kẹt bắc thường xuyên ở Mỹ Thuận.

Quốc lộ 4 chỉ được mở mang thêm vào giữa thập niên 60, đường Bắc Mỹ Thuận - Bắc Vàm Cống đang triển khai, đổ đất nửa chừng rồi bỏ dở sau khi Cộng sản chiếm miền Nam, những năm 1980, đường ấy như bị bỏ hoang không tu sửa, ổ gà bằng cái nia, manh đẽm. Xe đồ bị đưa vào quốc doanh, chạy đường Châu đốc, Long Xuyên - Sài Gòn phải qua bắc Cần Thơ, Mỹ Thuận. Dần dần có Công tư hợp doanh hay Hợp tác xã, một số

RỒNG HIỆN

xe Châu đốc, Long Xuyên dùng bắc An Hòa, Cao Lãnh, tránh Cần Thơ, Mỹ Thuận. Đường Tân Châu - Sài Gòn xe chạy Sài Gòn - Hồng Ngự rồi dùng bắc qua Tân Châu.



Cầu Mỹ Thuận

Cầu Mỹ Thuận khởi công ngày 6-7-1997 và hoàn tất cho xe lưu thông ngày 21-5-2000, do Úc viện trợ 66% là 90.66 triệu đô la Úc



Cầu Cần Thơ (Nhìn từ phía Cần Thơ)

HUỖNH ÁI TÔNG

Cầu Cần Thơ khởi công ngày ngày 25-9-2004 thoát đầu dự kiến hoàn tất sau 50 tháng tức vào tháng 12-2008, nhưng trong khi thi công, ngày 26-9-2007 các trụ 13, 14, 15 bên phía Cần Thơ bị sụp đổ gây tử thương 50 công nhân và thương tật 80 công nhân khác, đến 25-8-2008 bắt đầu xây dựng lại các trụ từ 13 đến 15, đến ngày 12-10-2009 dầm thép cuối cùng bề ngang hơn 7m nặng 85 tấn, được lắp ghép thành công, nối liền cầu, nhưng còn những công trình phụ khác sẽ tiếp tục, dự kiến đến 31-3-2010 sẽ thông xe. Công trình này do Nhật viện trợ 85%, vốn dự kiến năm 2001 là 4,832 tỉ đồng VN.



Cầu Cần Thơ ngày 12-10-2009 (bên tay phải là cần cẩu)

RỒNG HIỆN

Rồi đây, những chiếc bắc Cần Thơ không còn sử dụng nữa, nó sẽ chuyển về Vàm Cống hay Cao Lãnh. Người ta nói cầu Cần Thơ sẽ giúp ích cho dân miền Tây, nhưng chắc là hữu dụng cho những tỉnh Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau. Còn người Châu đốc Long Xuyên vẫn sử dụng bắc Vàm Cống hay bắc An Hòa và Cao Lãnh để đi Sài Gòn vẫn phải sử dụng hai chiếc bắc. Chỉ trừ khi nào dân An Giang muốn tham quan cầu Cần Thơ mới đi đường Cần Thơ, Mỹ Thuận.



Phà Cần Thơ E-200

Hơn sáu mươi năm qua, từ Tây cho đến ta, bao nhiêu lần tôi qua bắc Cần Thơ, Mỹ Thuận, hai nơi đó dựng nên cầu, bây giờ tôi phải đi qua hai con bắc khác là Cao Lãnh và An Hòa. Những khi kẹt phà, đợi bắc thời gian dài vô kể, nhưng cũng có đôi khi được nhìn trời, nhìn nước mênh mông, biết bao nhiêu kỷ niệm đã theo sông ra biển.

HUỖNH ÁI TÔNG

Có những hôm đến Vàm Cống, chưa có bắc qua sông, ngồi ăn một tô bún tôm càng nướng với nước mắm và rau sống đậm đà hương vị đồng quê. Lại có những hôm đến đó, chạng vạng tối bắc vừa ra bến, hành khách muốn về sớm, xuống đò ngang, đò chạy máy đuôi tôm, ra sông sóng vỗ vào mạn đò đôi khi ướt cả áo quần, vậy mà vẫn vui.

Sau này, rất nhiều lần tôi đi xe đem, về tới Cần Thơ không còn xe đi Long Xuyên hay Châu Đốc, tôi đi xe Lam từng chặng đường rồi cũng về tới quê, ngã lưng nằm xuống ở nhà mình cảm thấy về tới chốn, không khí gia đình ấm áp lạ thường.

Cho nên nghe tin Cầu Cần Thơ sẽ thông thương, tôi nghĩ nó không giúp ích chi mình, nhưng nó gợi cho tôi biết bao kỷ niệm từ thuở ấu thơ, thanh niên cho tới tuổi bạc đầu. Những địa danh quen thuộc trên đường đi tới Sài Gòn như: Thốt Nốt, Ô Môn, Cần Thơ, Vĩnh Long, Mỹ Thuận, Sa Đéc, Lai Vung, Lấp Vò rồi dần dần sẽ phai mờ trong trí tôi. Sáu mươi năm nhìn lại cuộc đời, vật đổi sao dời, một cuộc bể dâu. Vô thường là vậy!



Bắc An Hòa - Long Xuyên

15-10-2009

Về quê ngoại



*Thăng về Nội
Thối về Ngoại*

Quê ngoại tôi ở Phú Hòa, cách châu thành Long Xuyên chừng sáu , bảy cây số. Hồi nhỏ mỗi lần về quê ngoại cùng với mẹ tôi, thường là bơi xuồng từ sáng tới chiều mới tới, chuyển về mẹ tôi chở lúa đem ra Long Xuyên xay, rồi đem gạo về nhà ăn.

Hồi đó, mỗi lần về quê ngoại, từ má tôi cho đến các chị đều nói là đi Bờ Ao, cái địa danh Bờ Ao ấy sau này chúng tôi không dùng nữa, thay vào đó là Phú Hòa, tôi không hiểu tại sao ? Riêng Phú Hòa là một làng, nằm trên đường xe chạy từ Long Xuyên đi Núi Sập, đường đó có thể đi vô Ba Thê, vô Xà Tôn rồi đi Hà Tiên.

Sông Long Xuyên chảy vào vào Núi Sập, đến Phú Hòa có một con rạch chạy vào trong cánh đồng chừng một cây số thì con rạch này chia làm hai nhánh, tả ngạn chạy về phía kia nay vẫn gọi là Bờ Ao, hữu ngạn chảy trong địa phận Phú Hòa chừng

một cây số rồi vào địa phận làng Vĩnh Chánh. Trước khi tới ngã ba có một cái cầu sắt rất cao, để cho ghe lớn có thể qua lại, vào trong ruộng sâu chở lúa, nay cầu này đã đúc xi-măng. Cầu này là cầu thứ chín hay thứ mười từ Long Xuyên đếm vào, từ cầu đến ngã ba rạch chừng một trăm thước, xưa kia là chợ Phú Hòa, nay chợ dời chỗ khác. Ngay tại ngã ba rạch đối diện với chợ là đình Phú Hòa, từ chợ qua đình ngày xưa có cầu ván, nay có một chiếc cầu khác, xe hơi qua lại dễ dàng.

Quê ngoại tôi nằm ở cuối làng Phú Hòa, giáp với Vĩnh Chánh, đất của ngoại tôi để lại cho Cậu các Di và mẹ tôi, gồm có năm người, chia ra mỗi người hơn một mẫu, đất ấy chạy từ rạch Phú Hòa bên này cho đến rạch Bờ Ao bên kia, cho biết cánh đồng ấy không lớn lắm. Cậu Hai và mẹ tôi được chia phần đất bên rạch Phú Hòa, còn các Di Ba, Di Năm và Di Sáu tôi được chia phần đất bên rạch Bờ Ao. Hồi nhỏ, tôi hay nghe người ta kể chuyện về những bãi tha ma ở cuối làng. Cho nên mỗi lần về ngoại, tôi thường ít dám tới đất của mẹ tôi, ở đó vắng vẻ, không nhà cửa, chỉ có những cây sao, vườn chuối, mấy bụi tre, cây xoài, nó chỉ cách nhà ngoại tôi không đầy trăm thước.

Trước khi mẹ tôi lập gia đình, mẹ tôi có nuôi một người con nuôi. Đến khi cha tôi cưới, mẹ tôi để anh ấy làm con nuôi của Cậu tôi.

Khi tôi có đủ trí nhớ thì ngoại, cậu tôi đã mất rồi, mỗi lần về ngoại, chỉ thấy trên bàn thờ một tấm ảnh phóng to bề ngang chừng sáu tấc, cao khoảng một thước, ngoại tôi mặc áo dài ngồi trên ghế có tay, bên cạnh có cái bàn nhỏ chân cheo, tay phải ngoại tôi để trên bàn, cầm chiếc quạt lông chim, tay, tay trái để trên tay ghế, tuy không xòe ra như những người xưa, nhưng cũng thấy đủ năm ngón, chân ngoại tôi mang giày cườm, gương mặt tròn đầy, miệng hơi móm, nhìn ảnh ngoại tôi thấy một bà ngoại hiền hậu, dễ thương, tôi chỉ biết ngoại tôi qua hình ảnh ấy. Anh lớn của tôi hồi nhỏ học ở trường tỉnh

RỒNG HIỆN

Long Xuyên, mỗi lần theo mẹ vô thăm, ngoại thường cho cả xôi tiên.

Dì sáu tôi mất vào năm 1945 hay 46 gì đó, Dì ấy có ba đứa con, thằng lớn nay có vợ trong Núi Sập, em gái kế có chồng buôn bán gạo, cắm ở chợ Phú Hòa, còn thằng út làm ruộng trên mảnh đất của Dì tôi. Hồi nhỏ chắc tôi có gặp Dì ấy, nhưng nay tôi không thể nhớ được chút nào về Dì từ khuôn mặt cho đến dáng đi.

Dì Ba tôi, có một anh con trai và hai chị gái, chồng Dì mê vợ bé, bỏ cả vợ con, theo vợ bé sống đâu miệt Thới Lai, Cờ Đỏ ở Cần Thơ, Dì ở vậy nuôi con, lúc về già vào buổi sáng mỗi ngày, Dì trịnh trọng nấu cơm cúng Phật, cúng ông bà trước giờ Ngọ, Dì nấu không có hành họ, những thứ kiêng cử ở nhà chùa.

Dì Năm tôi thì ăn trầu luôn miệng, xĩa một cục thuốc to đùng, lúc không xĩa thì Dì nhét thuốc vào môi trên. Dì ít nói mà nói chậm rãi, về già Dì bị tai biến mạch máu não, nằm một chỗ nhiều năm mới mất.

Hai Dì tôi đều mất sau cuộc đổi đời, ngày tôi đi Học Tập Cải Tạo về, anh tôi vái cúng một con heo. Ngày ấy, hai Dì còn đến nhà anh tôi vái cúng trả lễ dùm. Vài năm sau một Dì bị trúng gió một vài hôm rồi mất, Dì kia nằm lâu ngày bệnh mòn mỏi rồi mất.

Hai Dì ấy mất rồi, mỗi lần về quê ngoại, tôi chỉ thăm ông anh con nuôi của Cậu tôi - tuy vậy chúng tôi vẫn xem anh như là con nuôi của má tôi - Chúng tôi gọi anh ấy là anh Hai, anh có vợ con từ lâu, có con gái đầu lòng, đứa con thứ hai là con trai bằng tuổi tôi, từ nhỏ nó vẫn gọi tôi bằng chú, mỗi lần về quê ngoại, hai chú cháu thường đi chơi chung, ban đêm chơi u ấp, cút bắt, ban ngày tắm dưới rạch, vào mùa hè rạch cạn bầy sinh, nó dẫn tôi đi bắt lịch, chỉ đạp chân xuống sinh nơi có lịch, rồi

HUỖNH ÁI TÔNG

lấy tay bắt lên, con lịch giống như con lươn, nhưng nhỏ hơn, cũng như tôm với tép vậy.

Khoảng năm 1949 hay 50, anh chị Hai cất nhà trong đất mẹ tôi, gia đình anh ở chẳng bao lâu thì chị ấy lâm trọng bệnh rồi mất, không hiểu vì vợ mất buồn hay vì vắng vẻ, anh ấy lại dỡ nhà, cất lại chỗ cũ bên cạnh nhà Cậu tôi, tôi lại nghĩ đất ấy vậy mà khó ở.

Con Dì Ba tôi, anh Tư Triều lớn hơn tôi vài tuổi, ngày nhỏ anh cũng hay chơi những trò chơi con nít với chúng tôi, anh cần cù làm ruộng, đất nhà và đất trong kinh Ông Cò, anh không cờ bạc, rượu chè, con cũng chỉ ba, bốn đứa, vậy mà tay làm đủ hàm nhai thối, anh thuộc loại điếc không sợ súng, nên nhức mình, nhức mảy là uống bừa Dextancile, anh nói: “Có gì mà sợ, tao uống bừa vậy mà có thấy gì đâu !”.

Dì năm tôi có, chú Hai Thành là con trưởng Nam, chú ấy lớn hơn tôi cả chục tuổi, cũng làm ruộng đất nhà, đất trong Kinh Ông Cò, gia đình chú khá giả hơn, nhà lợp Fibro xi-măng, vách bồ kho, trong nhà chú sắm tủ cần thờ, có đôi liễn cần xà cừ, chú kết bạn với một người ở Vĩnh Chánh, họ gặp nhau nhậu lai rai nhưng “mút mùa Lệ Thủy”, mấy lần hai tay ấy mời tôi ngồi vào, uống vài tua “xây chường” cho vui anh vui em, rồi tôi cũng phải chào thua, tìm cách lẩn tránh.

Mấy năm gần đây, tôi không có về quê ngoại thăm anh, thăm em, Nghe nói anh Tư Triều bệnh ít nhiều rồi mất, chú Hai Thành cũng bị tai biến mạch máu não vài năm rồi cũng mất. Còn lại có anh Hai Thâm, tuổi đã ngoài chín mươi, tai điếc nặng, trước vài tháng anh còn lên thăm hai đứa con gái ở Sài Gòn, vài năm nay tuổi già sức yếu anh không còn đi lại như xưa. Cho nên lần này tôi muốn về thăm lại bên ngoại mình, tôi nhờ một đứa cháu đưa tôi đi bằng xe Honda.

RỒNG HIỆN

Đến nơi tôi mới biết anh Hai Thâm đã mất rồi, vào nhà nhìn lên bàn thờ, tấm ảnh màu rửa không đẹp, trông anh tiêu tụy hơn xưa. Tôi đốt nhang cho anh, khói hương lan tỏa, tôi nhớ tới anh vừa mới mất, nhớ tới mẹ tôi mất đã hơn nửa thế kỷ qua, cũng làm tôi liên tưởng tới Ba Đăng con của anh, cũng đã mất sau khi đi học tập cải tạo về, bỏ lại vợ con cô cút, nghèo khó dù đương thời hần cũng là Thiếu tá.

Ghé thăm chị Ba Triều, ghé thăm thím Hai Thành, nhìn thấy họ đều già hết, quanh họ là cháu nội, cháu cố, thân tộc tôi những người dân quê vẫn sống ngày ngày bên mái nhà, bên sông, con nước với ruộng đồng.

Trên đường về cháu tôi cho biết, lúa thu hoạch đã xong mà lái không có đến mua, có lái mua thì trả quá thấp, dưới 4 đồng rưỡi không đủ sở hụi, làm sao dám bán. Làm ruộng năm nay có được mùa cũng như không, còn nhiều người nuôi cá, ít vài chục tấn, nhiều cả trăm tấn, cho ăn mỗi ngày vài chục triệu, đến lúa cũng không có thương lái đến mua, tính ra mỗi ký cá lỗ 5 ngàn, chừng 100 tấn là lỗ nửa tỉ đồng. Lúa không người mua còn chứa vào kho vào hầm, cá không ai mua, cho nó ăn thì lỗ thêm, không cho ăn, nó tự ăn bùn sinh trong ao, thịt cá trở thành đen lái lại càng không mua, người ta có thuốc cho cá ăn để tẩy đen, nhưng trong thịt cá có hàm lượng độc chất cao, bán sẽ bị trả về, còn mình ăn cá ấy khác nào ăn thuốc độc ! Vậy mà mới đây, tôi còn nghe trên TV nói nông dân ở Sóc Trăng, thu hoạch xong, đem lúa ra lộ xe, lái trả giá mua chưa tới 3 đồng một ký !

Đi lâu, trở về thăm quê ngoại, những người thân thuộc anh em tôi hoặc đi làm ăn xa, hoặc mất cả rồi, có những đứa cháu gọi tôi bằng bác, bằng chú, bằng cậu, chào tôi, tôi thấy chúng và tôi cách biệt, mặc dù tình ruột thịt có đó, nhưng chúng không cùng thế hệ của tôi. Nhìn bên kia rạch, xóm nhà Cậu Xã Trí, bà con với mẹ tôi, thân phụ của Trần Kiều, phụ tá của Tướng

HUỲNH ÁI TÔNG

Nguyễn Giác Ngộ, nhạc phụ của Viện Trưởng Viện Đại Học An Giang Lê Phước Sang, vẫn là một xóm nhà nền đúc, mái ngói xưa, thời gian đã tô thêm rêu phong, cát bụi.

Ngày nay Viện Đại Học An Giang đã mở lại, nhưng cho đến bao giờ nền giáo dục mới đem được ánh sáng văn minh đến cho người nông dân nghèo khó, rửa sạch được nước phen chua, đã bám chặt vào chân cẳng dân quê, truyền từ đời nọ sang đời kia.

Nhìn vào cánh đồng, ruộng lúa đã thu hoạch, cỏ rạ xác xơ, xa xa chừng một cây số là rừng cây xanh mọc theo con rạch Bờ Ao, ẩn mình trong đám lá xanh kia là mái chùa xưa, một đêm năm mươi tư, trong ngôi chùa đó mẹ tôi đã trút hơi thở cuối cùng, nơi mà mẹ tôi đã quy y thời còn nhỏ, cũng là một cái phước được nghe kinh kệ vào những giờ phút cuối đời.

Người ta thường nói: “Chết cha đeo cẳng Chú, chết mẹ bú vú Dì”, may mà cha tôi mất trước vài tháng, tôi đã đeo cẳng chú, theo nghiệp chú làm Thầy giáo, noi gương chú sống với Đạo. Nếu tôi đeo cẳng Dì, như mấy đứa em con Dì Sáu tôi, ngày nay chắc tôi cũng đã là một anh nông dân, cày sâu, cuốc bẫm, chân lấm, tay bùn.

Làm ruộng, nuôi cá bán không người mua, trách chi những người trẻ không bỏ ruộng nương, không bỏ xóm bỏ làng, bỏ quê ra tỉnh, hoặc lên Sài Gòn tìm những việc làm ở khu công nghiệp, họ kiếm được đồng lương, cũng chỉ đủ tay làm hàm nhai. Có người đi vài năm trở về nhà, tay xách nách mang, trở lại ruộng đồng sống đời dân quê ...

18-9-2008

Tô canh chua



Ông Vinh thức giấc lúc quá nửa đêm, người ông nóng, khắp thân thể đau, đầu vẫn nhức, một lúc ông lăn qua ôm cái mền, một lúc bỏ cái mền qua một bên, lăn trở lại vẫn không thể nào ngủ, trong nhà ông đã điều chỉnh nhiệt độ, mở máy sưởi tự động⁷², năm nay ông đã cẩn thận chích ngừa cúm rất sớm, vậy mà ông vẫn bị trận cúm ác ôn này, đọc tài liệu của Hiệp Hội Y sĩ Hoa Kỳ thì hình như ông bị cúm H1N1.

Tối hôm kia ông bắt đầu bị lạnh run, rồi nóng sốt, đau khắp thân thể, nhức đầu, mũi không nghẹt, không ho. Sáng hôm qua đi bác sĩ, trong khi khám ngực, khám lưng để nghe tim, nghe phổi, bác sĩ cho biết người ông nóng quá, trước đó cô y tá lấy nhiệt độ cho biết còn một độ nữa thì tới 100, ông nhớ mình đã uống hai ngày thuốc với 6 viên trụ sinh và 12 viên Tylenol, bệnh thuyên giảm đôi phần.

HUỲNH ÁI TÔNG

Hai ngày qua không ăn uống được, giờ ông Vinh cảm thấy thèm thức ăn chua chua, làm cho ông liên tưởng đến những ngày còn nhỏ, cứ trong mỗi cơn bệnh mà ông thèm ăn canh chua, đó là bệnh báo hiệu bắt đầu lành.

Mẹ ông sẽ nấu cho ông một tô canh chua cá, có khi là cá lóc, có khi là cá rô đồng hoặc rô biển, ông nhớ có lần vào mùa nước dâng cao, nước lé để sàn nhà bếp, mở cửa sau ra toàn là nước, nước ngập những bụi chuối, bụi tre ở sau hè, nước lên gần đến háng, đi ra sau hè phải chống xuống, khoảng đầu tháng 10 nước trong, có thể nhìn thấy cá bơi lội đi kiếm mồi, cá lòng tong chùng bằng đầu đũa ăn hoặc bằng ngón tay út, cá thiếu mình nó vẩy bạc, đẹp, thân chùng hai ngón tay dài khoảng ngón tay, vài con cá sặc bướm.

Cô hay chị ông thỉnh thoảng bơi xuống ra sau hè, lựa chỗ thích hợp để câu cá thiếu hay cá lòng tong, bằng cái lưỡi câu không nganh. Trước tiên liệng ra một nhúm cám để dụ cá đến, rồi dùng chiếc cần câu liệng lưỡi câu xuống chỗ có cá, cá háu ăn bơi tới đớp dính vào lưỡi câu, dứt lưỡi câu lên cá bị mắc câu nên theo lưỡi câu, trên đà đó người câu hất cá và lưỡi câu vào xuống, cá tự rớt ra khỏi lưỡi câu nằm ngay trong xuống. Cô tôi câu loại này rất quen tay, cô cứ dùng cần liệng lưỡi câu xuống, hất lưỡi câu lên, nhip nhàng và đều đặn dĩ nhiên không phải cái nào cũng có cá, mười lần thì cũng được sáu bảy lần có cá. Khi đó, mẹ tôi nấu canh chua cá thiếu với vài lá rau tần dầy lá xắt nhỏ. Ăn xong, tôi thấy mình đã hết bệnh, có thể chạy đi chơi. Để chấm dứt suy nghĩ mông lung, ông Vinh quyết định sáng mai sẽ nhờ vợ nấu cho mình một tô canh chua thơm.

Ông Vinh vẫn trần trọc khó ngủ, không phải vì ông thèm ăn canh chua mà vì trong người cứ hâm hấp nóng. Đã mấy tiếng trôi qua, ông quyết định dậy sớm ra bếp nấu nước, pha trà uống như mọi hôm, nhưng hôm nay ông không thể ngồi thiền khi cái đầu vẫn còn nhức.

RỒNG HIỆN

Bước vào bếp, ông thấy bà Vinh đã bày biện ngổn ngang những món nấu nướng, một nồi kho bà đã nấu xong, một xoong đồ xào đang trên bếp, còn nắm nắm trên thớt, một hủ măng đã mở nắp, ông nhớ ra hôm bà Vinh đang nấu một “mâm cơm canh” cúng nhạc mẫu của ông. Trong nhà dù khi còn ở Việt Nam hay ra chốn hải ngoại này, giỗ quây khi rảnh rang có điều kiện bà Vinh nấu món nọ, món kia; khi nào bận thì ít ra cũng phải có đủ ba món: món canh, món xào và món kho.

Ông Vinh nghĩ chớ không nói ra, bà đã nấu linh kinh mấy món cúng rồi, cho biết ông muốn ăn canh chua chắc bà cũng vui lòng nấu, nhưng bà cũng bị cúm mới thuyên giảm chớ cũng chưa khỏi hẳn, bày ra chỉ làm bà thêm mệt. Chợt nhớ tới con trai, ông bốc điện thoại lên gọi:

- Cha mẹ vẫn còn bệnh, sợ lây cho mấy đứa nhỏ, chút nữa con sang lấy thức ăn, đừng mang mấy đứa nhỏ theo nghe !

Cúp điện thoại rồi, ông đi nấu nước pha trà. Lấy những viên thuốc uống hàng ngày để riêng ra một chỗ, rửa mấy chén cúng nước trên bàn thờ rồi rót nước mới, công việc hàng ngày của ông mấy chục năm nay khi đi làm cũng như nay đã về hưu. Xong, ông lại đi vo gạo nấu một ít cơm mới để cúng.

Trên bếp, nước đã kêu ầm, ông Vinh lấy cái bình đất nung màu gan gà đã rửa sạch hôm qua, ông chế nước sôi vào bình trà, chờ một vài phút, ông đổ nước ra, mở tủ lấy hộp trà 103, lấy một nắm trà bỏ vào bình, lại đổ nước sôi vào cho ngập hết trà, ngay đó nhanh chóng ông đổ nước ra, cuối cùng ông đổ nước sôi vào đầy tràn mới ngưng, ông đẩy nắp lại đem để bình trà lên bàn.

Bà Vinh đã nấu xong món cuối cùng, món xúp nắm với măng, bà đang chuẩn bị “bắt mâm”. Trong nhà ông, một bàn thờ Phật, bàn thờ Cửu huyền thất tổ, bàn thờ đức Quan Thánh, vậy là ba

mâm cổ, còn thêm một mâm cho “những người khuất mày khuất mặt trong nhà”, một mâm cho em và con ông những “vong yếu tử”, một mâm sau nhà cho “Đất đai viên trạch” và cuối cùng một mâm trước ngõ cho “Cô hồn các đảng”. Vị chi tất cả là 7 mâm cổ mỗi lần cúng giỗ chạp.

Ông Vinh ngồi vào bàn, bắt đầu tuần trà của mình, ông rót trà ra chén nhỏ, thứ chén mắt trâu, nước trà nóng ông uống từng hớp nhỏ, trà đắng nhưng nuốt xong vị ngọt lan ra, ông thông thả từ tốn thưởng thức hương vị trà từng chén, từng chén nhỏ.

Chỉ có bắt mâm, dọn cỗ cúng với những chun nước, bát nhang, chân nến loay quay bà Vinh và ông cũng mất cả tiếng mới xong, ông bắt đầu lên đèn, dâng hương lúc mười giờ. Nhìn khói hương nghi ngút bay, ông tưởng niệm các đảng thiêng liêng, nhớ tới những người đã khuất, ông nghĩ họ vẫn ở gần ông và có một ngày rồi ông cũng tới đó, gọi là chốn hư vô nhưng ông tin nó có thật, càng về già lòng tin ấy ông càng thấy thật hơn.

Cúng xong dọn xuống, bà Vinh than mệt không đựng tới đĩa, còn ông ráng húp nửa chén súp, để có thức ăn trong bao tử còn uống thuốc, ông nói với vợ:

- Hôm nay anh thèm ăn canh chua, chiều em nấu cho anh một tô.

Bà Vinh sốt sắng:

- Sao anh không nói sớm!
- Anh ngại vì thấy em nấu nướng cúng má cũng đủ mệt rồi.

Xế trưa, bà Vinh gọi điện thoại cho con dâu:

RỒNG HIỆN

- Chiều nay, con có đi chợ Việt Hoa không?

Bà ngưng một chốc để nghe con dâu trả lời rồi nói tiếp:

- Cha con bệnh thêm ăn canh chua! Vậy con mua dùm cho mẹ một trái khóm chín nghe.

Bà ngưng để nghe con dâu hỏi rồi lại tiếp:

- Khóm chín là cái vỏ ở ngoài màu vàng đó con!

Gần bữa cơm chiều, nằm trong phòng, ông Vinh nghe con trai nói chuyện với mẹ:

- Vợ con đi chợ Việt Hoa về, nói không có khóm.

Sau khi con trai ông lấy thức ăn ra về rồi, ông Vinh thay quần áo, đi ra phòng khách nói với vợ:

- Để anh đi lại Value Market mua một trái thơm, đem về cho mình nấu canh chua dùm anh.

Bà Vinh hỏi một hơi:

- Anh có khỏe không? Chạy xe có được không? Hay để mai cho nó khỏe rồi hăng đi?
- Không sao! Anh đi được mà!
- Nhớ cẩn thận nghe! Có cái phone trong túi không đó?!
- Có đủ rồi. Yên trí em!

Ông Vinh nói vậy cho vợ yên lòng, chớ thật ra trong người ông cũng còn yếu, chân bước đi không thật vững, tuy nhiên ông cũng muốn ra ngoài để thay đổi không khí.

Đi chợ, ông Vinh lan man nghĩ, cả con và dâu mình đều gần đến bốn mươi, chúng đều thiếu quan tâm đến cha mẹ già, chỉ chuyện cha mẹ muốn ăn thôi, dù món ngon vật lạ con cái có đủ khả năng cũng tìm mua cho cha mẹ ăn, như ông bây giờ càng già càng nhớ thương cha mẹ, muốn tỏ tấm lòng hiếu thảo không biết phải làm sao, vì cha mẹ đều không còn nữa. Khi cha mẹ đau ốm phải chăm nom, thuốc thang, ăn uống. Ông nghĩ mà không dám nói vợ, bởi tách đàn bà hay cần nể, mai kia, một nọ lại than phiền với bạn bè, họ hàng. Dẫu con ông đã trưởng thành rồi, nhưng ông nghĩ hôm nào đó, ông phải dạy thêm cho con biết: “Dù từ cái nhỏ nhất như thế đó, làm được hay không chỉ là sợi tóc phân chia lẫn ranh phải trái của đạo làm con, làm người.”

Bà Vinh thấy ông xách trái khóm vào nhà, bà liền lấy xoong bắt nước, lật rau... ông tiếp bà gọt vỏ rồi bằm trái khóm theo chiều dọc, cắt mấy nhát dao theo chiều ngang trước khi lát thành những lát nhỏ chừng đầu đũa ăn, dài khoảng hai lòng tay, ông lát vào tô những miếng khóm vàng, ông tưởng đến tô canh chua có thơm, có giá, có tàu hũ ky chiên giòn, nêm một đường cho ngọt lại rắc chút muối cho đậm đà.

Nội cái nêm chút đường, rắc chút muối, hay kho với nước mắm mặn lại rắc một chút đường, ông Vinh cho đó là cái triết lý sống của dân tộc Việt. Đọc Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi thì thấy rõ.

Tô canh chua thơm vàng, có vài cọng ngò om xanh, điểm thêm mấy lát ớt đỏ hiện rõ trong trí ông đủ cả mùi vị lẫn màu sắc.

Bác Tư Chăm

Lần cuối cùng Bác Tư Chăm tới nhà tôi đến nay đã lâu lắm rồi. Cũng như mọi năm, bác đến nhà tôi vào ngày cuối năm, ở lại trong nhà ăn Tết, sau đó mẹ tôi biếu một giỏ bánh mứt và tiền xe khi Bác ra về. Năm ấy, vào mừng ba Tết, sau khi đạp xe đi thăm họ hàng về, cha tôi lớn tiếng với Bác Tư, tôi không trợn nhớ cha tôi đã nói gì, ngày ấy tôi còn nhỏ chừng 8 hay 9 tuổi, hơn nữa khoảng 60 năm qua rồi, khó nhớ mọi chi tiết.

Moi tìm trong ký ức, tôi chỉ nhớ cha tôi nói giọng đầy phiền trách, đại ý ngày tư ngày Tết ai cũng muốn đón cái may mắn đến nhà, năm nào Bác ấy cũng ở nhà trong ngày đầu năm, nằm chờ nằm chờ cho đến khi có quà bánh mang về, như Bác chờ đòi món nợ, nhà tôi không thiếu nợ Bác, cha tôi không muốn như vậy nữa!

Mẹ tôi vốn tánh nhân từ, đem lời an ủi bác, mang những bánh ít, bánh tét, bánh phồng nhét đầy cái giỏ bàng cho bác mang về, lại dúai tiền vào túi áo Bác, mặt đầy nước mắt Bác nói với mẹ tôi:

- Chú Ba nói vậy, tôi về lần này chắc không xuống nữa!

Đúng như lời Bác nói, từ đó không bao giờ thấy Bác trở lại nhà tôi. Vài năm sau cha mẹ tôi qua đời, tôi được lên Châu đốc học, mỗi chiều đi tắm ở Cầu Quan, nhìn bên kia sông là xứ Châu Giang, thỉnh thoảng tôi nhớ tới Bác Tư Chăm, tự hỏi không biết bác sống chết ra sao! Muốn tìm thăm bác nhưng không biết nhà bác ở nơi đâu?

Sau này chấp nối những chuyện Cô, Chú tôi kể lại thì Bác Tư Chăm là người Chăm ở Châu Giang, mỗi năm vào mùa khô, vợ

HUỲNH ÁI TÔNG

chồng Bác Tư và hai cậu con trai Ali, Ama dồn nhau xuống một chiếc ghe nhỏ che vòm mái lá, theo sông Hậu giang xuống vùng quê tôi chài, bán cá nhất là những con cá hô to gần bằng cái sàng thóc, mỗi miếng vảy bằng hai, ba ngón tay, cá này nấu canh chua ăn rất ngon.

Mỗi buổi chiều sau khi chài, bán cá xong, bác Tư ghé bến sông nhà tôi thổi cơm chiều, ăn uống nghỉ ngơi qua ngày, do đó dần dần quen với gia đình cha mẹ tôi. Sau cuộc cách mạng mùa thu năm Ất Dậu một thời gian, Bác Tư trai mất, gia đình Bác Tư không còn xuống vùng tôi chài lưới nữa, nhưng hàng năm bác Tư gái vẫn xuống nhà tôi vào dịp Tết.

Trước năm 1954, Tết thường thì người ta đi lại thăm hỏi chúc Tết nhau, ăn uống, giải trí và cờ bạc vui chơi trong mấy ngày xuân, xe đồ cũng như mọi ngành nghề đều đóng cửa nghỉ ngơi, chờ cho tới mùng ba cúng ra nghề, người ta mới bắt đầu hành nghề, xe đồ mới chạy lại chở khách. Do vậy, Bác Tư hàng năm đến nhà tôi vào ngày cuối năm và chờ tới mùng ba Tết mới có xe ra về.

Chuyện xảy ra trên nửa thế kỷ rồi, mỗi lần nhớ tới lúc Bác Tư khóc, nghẹn ngào nói với mẹ tôi khi từ già, lòng tôi đầy cảm xúc, thương người đàn bà khốn khó đó, liên tưởng có khi ngày xưa Bác từng bồng ẵm nâng nui tôi, dẫn tôi những bước đi đầu đời. Tôi biết cha tôi là người đầy lòng nhân ái nên không dám trách cha mình đã làm tổn thương lòng tự trọng của Bác. Nếu là tôi, trong hoàn cảnh này cũng phải làm như vậy, cho nên tôi chỉ trách những tin tưởng hên xui, may rủi, phước họa đã in sâu vào đời sống con người, lắm khi làm cho người ta trở nên ác cảm trong tình người.

13-10-2010

Người phát thư làng tôi



Hồi đó khoảng năm 1952, 1953 tôi được 11, 12 tuổi thường đến nhà anh Ba Cũ để nhận báo Thần Chung về đọc. Báo này anh tôi đặt mua trả trước 1 năm, báo được gửi từ Sài Gòn theo đường Bru Điện, người phát thư mang đến nhà tôi mất 3 ngày. Lúc đó nhật báo Thần Chung đang đăng tiểu thuyết Châu Về Hiệp Phố của nhà văn Phú Đức, tôi mê đọc, nên thường chạy xe đạp tới nhà anh phát thư, chờ anh đi lãnh thư ở Long Xuyên về tới là lấy báo mang về cho cha tôi xé niêm ra, nằm trên võng đọc tin tức chiến trận Điện Biên Phủ ... xong, người buồng tờ báo ra tôi mới đọc, nhiều hôm có thằng em con ông chú cùng tôi, ngồi chờ châu chực bên cạnh võng, cha tôi đọc mặt nọ, chúng tôi đọc mặt kia, nào là nhắn tin, nào là xe cán chó ...

HUỲNH ÁI TÔNG

Hai nguồn tin quan trọng nhứt trong năm 1953, mà cho đến nay tôi vẫn còn nhớ là tin cô Quờn vì ghen đốt chồng chết và đồng bạc Đông Dương sụt giá so với đồng Phậ Lắ (France).

Năm 1953, báo tăng giá gấp đôi, họ có thông báo cho ai mua báo năm phải trả thêm tiền, hoặc thay vì mỗi ngày mỗi gửi báo, nay hai ngày họ gửi 1 tờ. Anh tôi lúc ấy đã trốn lính đi sang Pháp, cha tôi ở nhà quê có báo thì đọc tin tức, không thì thôi, nên không đóng thêm tiền, do đó mỗi tuần chỉ nhận ba số báo mà thôi.

Người phát thư trong làng tôi, đó là anh Ba Cũ, đúng như tên của anh, anh làm việc từ thời còn Ban Hội Tề, cho đến thời Ngô Đình Diệm vẫn là anh phát thư mặc bộ bà ba đen, đội nón lá, chạy xe đạp cộc cạch, máng một giỏ bàng thư trước ghi đồng xe, chạy đi khắp làng phát thư.

Anh Ba Cũ cũng họ hàng xa với tôi, cũng như tôi, thuộc dòng dõi của ông tiền hiền đã lập làng Bình Thủy, nhà anh dưới Đình làng vài trăm thước, gần con đường đi vào chùa Bình Phước.

Anh là một trong ba người hiếm hoi còn tiếp tục làm việc sau khi cả Ban Hội Tề đồng loạt từ chức, đó là Hương Quản Nguyễn Văn Bồn, Chánh Lục Bộ Kiên và anh là Người phát thư.

Khi Ban Hội Tề còn đương thời, anh Ba Cũ giữ chức Cai tuần kiêm luôn việc phát thư. Với chức Cai tuần anh cất đặt dân canh, đặt dưới quyền sai khiến của Hương Hào, anh cũng trách nhiệm đánh trống sang canh hàng đêm.

Dĩ nhiên vào những năm 1950, thư từ gửi qua bưu điện cũng ít, có những hôm tôi đến nhận báo thì anh Ba Cũ lấy trong túi bàng đưa cho tôi cái thư báo đem về cho cha tôi, hoặc có lúc anh đang ăn cơm báo tôi:

RỒNG HIỆN

- Tao đang ăn lỡ bữa, chờ chút tao lấy thư của anh mày gửi cho chú Ba.

Khi ăn cơm xong, anh lấy thư và tờ báo đưa cho tôi đem về, cầm lá thư biết ngay là thư của anh tôi vì anh ấy viết chữ nhỏ và đẹp, lại có dán con tem nước Pháp.

Có người cho biết, một hai ngày anh phải đạp xe đạp xuống Long Xuyên cách xa 20 cây số để lấy thư, tôi cũng nghĩ là như vậy, nên không hỏi anh xem có đúng hay không.

Có hôm tôi đi chơi, thấy anh đang dừng xe trước cửa nhà người hàng xóm của tôi, anh cầm thư hỏi thăm cho biết người nhận thư ở nhà nào, vì trong làng có những nhà cổ cụt, nhưng có những nhà của vài người ở tứ xứ tản cư đến, thành ra anh Ba Cũ không biết hết mọi người, vả lại nhà quê không có sổ nhà, thư gửi chỉ có họ tên người nhận, ấp, làng, quận và tỉnh, đôi khi chỉ có tên làng và tỉnh.

Một hôm tôi đang đi ngoài đường lộ, bị anh Ba Cũ dừng xe chặn lại, móc từ trong giỏ bàng, lấy ra lá thư hỏi:

- Chú mày có biết thư này của ai không ?

Cầm bức thư đọc tên và địa chỉ người nhận:

- Kính gửi Thầy giáo Chính
Trường học Năng gù
Long Xuyên

Tôi thắc mắc hỏi :

- Bộ anh không biết thư này gửi cho ai hả ?

HUỖNH ÁI TÔNG

- Không biết nên mới hỏi chú mày! Làm ơn chỉ cho tao cái coi!

Tôi nghĩ chẳng lẽ anh này lại đùa với mình, nên hỏi lại cho chắc ăn:

- Hỏi thiệt nghe anh Ba! Bộ anh không biết chữ hả ?
- Bộ chú mày tưởng tao biết chữ hả ? Biết tao hỏi chú mày làm gì ?

Nghe anh nói, tôi đứng ngẩn ngơ, vì anh “không biết chữ nhưt một” mà làm người phát thư hàng chục năm, cần cù đi nhận thư, phát cho người nhận những tin vui buồn.

Nhớ lại mỗi lần anh đưa thư cho gia đình tôi đều đúng, do anh thuộc mặt chữ, chớ anh không biết chữ, người ta biết những người dốt thường sáng dạ, nhớ dai.

Trên 50 năm đã qua, nhớ lại anh Ba Cũ người dân quê chất phát, không biết chữ lại làm công tác văn hóa, thông tin. Thời đó một thời kỳ khó khăn trong lịch sử nước ta, nhờ anh tôi được đọc say mê tiểu thuyết Châu Về Hiệp Phố.

Ngày 6-2-2011

Anh Tư Chiêm



Tôi không hiểu phải viết tên anh là Chiêm hay Chim, theo chữ nghĩa phải viết tên anh là Chiêm mới đúng, nhưng theo anh thì là Chim bởi vì đứa con gái lớn anh đặt tên Cò, con trai kế anh đặt tên là Diệc. Nếu đặt tên cho đúng chữ nghĩa, phải viết là Chiêm, Cò, Việt. Nhưng theo như cách đặt tên ấy thì là Chim, Cò, Diệc.

HUỖNH ÁI TÔNG

Tôi gọi bằng anh vì có họ hàng, chuyện tôi muốn nhắc lại, nó đã xảy ra khoảng năm 1950, ở làng tôi, trong vùng Hòa Hảo cai trị, lúc đó anh Chiêm khoảng 50, thằng Diệc ngoài 20 và con Cò đã có chồng vừa mới sanh con.

Anh Tư Chiêm là em anh Ba Cũ, vợ chết đã lâu, nhà anh ở phía dưới đình làng, cất sát mé sông một gian cột tre, mái lá, vách lá, thằng Diệc chưa có vợ ở nhà làm mướn làm thuê, anh Chiêm lên chợ Cái Dầu, ngôi chợ ở làng Bình Long, được Phó Tư Lệnh Lực Lượng Hòa Hảo, Tướng Lâm Thành Nguyên tự Hai Ngoán đóng đại bản doanh, biến chợ làng thành chợ quận, nhà lồng chợ cất dài thêm, hai bên nối dài thêm hai dải phố, cuối chợ là một tòa dinh quận. Chợ Cái Dầu trở nên thị tứ từ đó.

Một ngày nào đó, có tin về làng, anh Tư Chiêm lấy vợ người ta trên chợ Quận, bị quan chức quận xử tội phạm thuần phong mỹ tục. bắt anh phải đi từ làng nọ đến làng kia, vừa đi vừa khai tên họ, hài tội xấu đã phạm.

Ai nghe tin ấy cũng đều bắt nắn, mọi người nghĩ có tội thì bị tù đầy, có sao lại làm nhục người ta quá đáng, họ nghĩ chỉ có những người Hòa Hảo mới có những hình thức xử phạt như vậy mà thôi.

Rồi cái ngày anh Chiêm bị dẫn về làng, thân anh gầy gò, đen đui chỉ mặc độc chiếc quần xà-lồn đen, mặt bôi đen, bày đôi mắt trắng dã, ngực và lưng bị vẽ màu bầy bạ, anh thất tha thất thiêu đi trước, một người lính tuổi ngoài 20, mặc quân phục màu xanh lá mạ, chân mang giày bố, đầu đội kết vải cùng màu, vai mang súng thị uy đi theo.

Anh Chiêm vừa đi vừa hô to khàn cả tiếng: “Tôi tên Lê Văn Chiêm, 49 tuổi, người ấp Bình Thới, làng Bình Thủy, phạm tội

lấy vợ người ta”, chỉ bấy nhiêu lời đó, anh phải lập đi lập lại, từ làng nọ đến làng kia.

Con gái anh, tôi không nhớ có phải vì chuyện của anh hay không mà bị chồng ruồng bỏ, thời gian đó cô Cò phải sống tạm với người bạn gái cùng cảnh ngộ, tá túc nơi phòng bỏ hoang của trường học.

Mấy hôm trước, tôi nghe má với cô tôi bàn tính:

- Tội nghiệp con Cò, nó mới sanh còn non ngày, non tháng, rui mà nó biết ba nó như vậy, buồn khổ máu sản hậu chận nó chết thì làm sao !?

- Mình phải tìm cách, để thằng Chiêm không rao om xòm, con Cò sẽ không nghe thấy, như vậy sẽ không sao.

Không biết người ta đã dàn xếp thế nào, vào buổi trưa khi anh Chiêm đi ngang qua nhà tôi, còn cách trường học trên 50 thước, anh được im lặng đi qua, nhờ vậy con gái anh không nghe thấy gì.

Sau khi đi hết các làng thuộc lãnh thổ của Tướng Hai Ngoán, trong một phần thuộc tỉnh Châu đốc, anh Tư Chiêm được thả về. Tôi thấy ngày ngày anh nằm trên chiếc võng, đơn độc đưa kéo kịt trong ngôi nhà nhỏ vắng lặng của anh, rồi vài tháng sau anh tàn tạ qua đời.

Thời ấy, trong những vùng không có chính quyền quốc gia, không có luật pháp, chẳng khác nào như thời kỳ Cộng sản vừa mới chiếm đoạt miền Nam, có những người ít học, thuộc thành phần vô sản, ngồi ghế xử kiện tùy tiện phán án cho người dân vô tội vạ.

HUỲNH ÁI TÔNG

Chuyện gian phu, dâm phụ xã hội đặt ra để có kỷ cương, làm nên thuần phong mỹ tục, nhưng trường hợp xử phạt anh Tư Chiêm, oan hay ung không rõ. Người đàn bà Iran bị xử tội ngoại tình theo luật Hồi giáo, đem ra ném đá cho đến chết, cả hai trường hợp đều không phải là xã hội có văn hóa, trong tình yêu, con tim nó có lý lẽ riêng của nó, đâu đáng phải xử phạt chết người hay làm mất nhân phẩm của họ.

Thằng Lư

người lính nghĩa quân



Hồi tôi còn nhỏ, tôi biết thằng Lư anh con Chón là con của cô Sáu Hòa. Thằng Lư lớn hơn tôi vài tuổi, con Chón bằng hoặc nhỏ hơn tôi chừng một tuổi, nhà thằng Lư cách xa nhà tôi tới sáu căn nhà khác.

Tôi nhớ phía dưới cạnh nhà tôi là nhà bà Chín Giỏi, kế nhà bà Chín là căn nhà ngói âm dương của ông Bảy Đe, anh của bà Chín, ông ông tên thật là Nguyễn Bá Thế làm thầy giáo, đã về hưu sau khi dạy học ở trường tỉnh Sa Đéc, Long Xuyên, bên cạnh đó là ông Năm, Đại Hương Cả Phạm Tứ Thế, cạnh đó là căn gạch, lợp ngói móc của ông Tư Hương Sư Trì Phạm Trọng Trì anh của ông Năm, nhà này không rõ vì sao xây gạch nhưng chưa tô lớp ngoài, để bày ra lớp gạch đỏ, kế đó là nhà chú Năm Trinh, Cô Hai Nhi, Chú Tư Kịch thợ bạc, kế nữa là nhà chú Bảy Hà, đó là nhà bốn anh em, còn một người nữa là chú Sáu Nguyên cũng làm thợ bạc, nghe đâu chú theo bên vợ, hành nghề ở miệt dưới, kế đó là nhà thằng Lưu, ba mẹ con ở trong căn nhà một gian, cột tre lợp lá, vách lá. nhà cất tạm trong đất chú Bảy Hà.

Phía trên nhà tôi là nhà anh Hai Phòng, kế đó là nhà ông Chín Tri, cột thao lao, lợp ngói âm dương, vách bồ kho, cạnh nhà ông Chín Tri là nhà ông Bảy Quynh, nhà ba gian lợp lá, cạnh nhà ông Bảy là cái mương.

Chủ những căn nhà đó đều là anh em ruột, hoặc có họ hàng xa, gia đình tôi và anh Hai Phòng có ông bà là con nuôi quan phủ, bà Chín Giỏi, ông Bảy Đe, ông Bảy Quynh, ông Chín Tri gọi ông Phủ là ông nội.

Thằng Lưu có người cậu ruột không ở cùng xóm là chú Năm Để ở trong Giồng, mở trường tư tại nhà dạy vỡ lòng trẻ con.

Xóm đó không ai có ruộng mẫu, mỗi nhà có năm bảy công ruộng, nhà tôi có một đôi công đất giồng xấu, làm không đủ ăn nhờ mẹ tôi có ruộng ở Phú Hòa đắp đổi, anh chị Hai Phòng chỉ làm mướn sống qua ngày, về sau anh phải dời nhà sang làng

RỒNG HIỆN

Bình Mỹ bên kia sông sinh sống. Còn cô Sáu Hòa làm bà mụ, ba mẹ con sống lây lất qua ngày. Đó là cái xóm ở quê miền Nam sống an bình trước Cuộc cách mạng mùa thu.

Về sau tôi mới biết, cô Sáu Hòa còn một người con gái, chị thằng Lư thứ hai tên Lồng, chị theo bạn bè lư lạc lên Sài Gòn, rồi lập gia đình với một anh con của điền chủ ở Rạch giá, anh ấy làm quan thuế.

Năm 1945, cô Sáu Hòa lên Sài Gòn thăm con, chẳng may Cuộc cách mạng mùa thu xảy ra, đường giao thông không có, hai đứa con nhỏ của cô là thằng Lư với em gái nó còn nhỏ gửi cho người chị dâu.

Dầu giặc giả trộm cướp khắp nơi, giao thông thủy bộ không có, lo cho hai con nhỏ, cũng muốn dù cho có chết, cũng được chết nơi quê nhà, cô phải lợi bộ từ Sài Gòn về tới quê nhà trên hai trăm cây số, phải qua biết bao chặn đường bị xét hỏi, gần trót tháng cô mới về tới nhà, có ai hỏi cô cho biết như mình đã chết đi vừa sống lại. Hồi đó, tôi chỉ mới bốn năm tuổi, sau nghe người ta kể lại chuyện của cô.

Thập niên 60, tôi đã rời xa làng từ trước, nghe nói thằng Lư vào Nghĩa quân, đơn vị hấn đóng ở Nhà Việc của làng, tôi không rõ là cấp Trung đội hay Tiểu đội, chỉ biết Nhà việc xưa vừa là trụ sở của Hội Đồng Xã vừa là Đồn Nghĩa quân, nên phía sau Nhà việc được xây cất thêm, mới có đủ chỗ cho nghĩa quân đồn trú.

Dù làng tôi rất an ninh, vì nó là cù lao nhỏ không có chỗ cho Việt Minh, Cộng sản trú ẩn, nhưng để bảo đảm an toàn, xung quanh Nhà việc đều có hàng rào dây kẽm gai kiên cố, ngày

đêm đều có lính nghĩa quân túc trực canh gác nơi cửa ra vào. Nhà việc nằm sát đường, qua khỏi con đường là con sông nhỏ nên được gọi là Xép, vì nó là phụ lưu của sông Hậu Giang, chạy bọc quanh cù lao Năng gù, nên nó có tên là Xép Năng gù.

Vào một đêm đầu thập niên 70, nhiều công việc bận rộn nên Đại diện xã cũng như Ủy viên tài chánh, đều phải làm thêm nên cùng ngủ lại tại Nhà việc, Đại diện xã có nhà ở thị xã Long Xuyên, còn Ủy viên tài chánh nhà ở Ấp Bình An, bên kia Xép đi bộ thì chỉ mất trên nửa tiếng là về tới nhà.

Đêm ấy tới phiên thằng Lưu gác, từ 0 giờ tới 2 giờ sáng, là khoảng thời gian ngủ ngon giấc. Mặt sông im lặng, trời trong, cảnh vật thật yên tĩnh như mọi đêm. Đột nhiên thằng Lưu thấy một bóng đen từ bờ sông nhô lên, phản ứng cấp thời hấn mở khoá an toàn, miệng hô to “ai đó”, bóng đen chỉ cách hấn có sáu thước phóng nhanh về phía hấn, thằng Lưu siết cò súng, quay mình chạy ngay vào Đồn không kịp đóng cổng.

Tràng đạn của thằng Lưu đánh thức đồng đội, mọi người nghĩa quân nhanh chóng vào vị trí chiến đấu, quyết tử chiến với kẻ thù đang vây bên ngoài.

Du kích quân bên ngoài cũng quyết tử, để triệt hạ Đồn Nghĩa quân, chẳng những vậy mà còn có thể giết hay bắt sống được Đại diện xã cùng Ủy viên tài chánh xã đang ngủ đêm ở trong đồn.

Trận chiến quyết liệt, tiếng súng nổ dòn tay, tiếng lựu đạn, tiếng hô “xung phong” của Cộng quân để mong áp đảo tinh thần nghĩa quân, nhưng nghĩa quân vẫn không nao núng tinh thần chống trả quyết liệt, cuối cùng Việt cộng phải rút quân.

RỒNG HIỆN

Sau trận chiến, nghĩa quân không bị thiệt hại gì, sáng ngày quan sát trận địa, có dấu máu ở vài nơi bên ngoài rào kẽm gai và một xác chết của tên cảm tử đã bị Lưu hạ ngay phút đầu tiên, xác nằm trên lộ ngay trước cổng Đồn, nên Việt cộng không thể lấy xác.

Người ta hỏi Ủy viên tài chánh, là một Trung úy giải ngũ, người công giáo, anh ta cho biết:

- Trận chiến vừa qua, nếu không có bàn tay của bê trên che chở thì ngay tên cảm tử, tung lựu đạn vào đồn cũng có một số chết và bị thương, ngoài ra còn trái mìn bọn chúng cột vào cây sào, đưa qua hàng rào kẽm gai, đưa ngay phòng ông Đại diện, không biết vì sao nó chưa nổ, nếu nó nổ chẳng chết cũng bị thương, vậy mà tất cả an toàn.



Người dân xung quanh đó, đóng góp mua một cái hòm, đem chôn tên Việt Cộng trong nghĩa địa ở đầu làng, vài đêm sau đồng bọn mới bốc mộ đem xác tên ấy đi. Chúng còn nói lời cảm ơn dân làng đã có lòng tốt với người Cách Mạng.

Đơn vị nghĩa quân làng Bình Thủy, chiến thắng Việt Cộng được chánh quyền khen tặng, riêng thằng Lưu được Thiếu Tá quận trưởng quận Châu Thành tỉnh Long Xuyên, gấn huy chương và tặng thưởng chiếc đồng hồ đeo tay của Nhật.

Chiến công của thằng Lưu làm cho nhiều người mến mộ, trai trẻ khâm phục, đương nhiên nó trở thành mục tiêu để trả thù, do đó hơn năm sau, thằng Lưu đã bị Việt Cộng sát hại. Tuy nó mất, nhưng tên nó vẫn còn, được người ta nhắc đến trận chiến có một không hai trên đất Cù Lao Năng gù, làng Bình Thủy. Thằng Lưu là người tiêu biểu cho chiến thắng đó.

Vị Hương Cả cuối cùng làng tôi



Ở trong Nam, thời Pháp thuộc, mỗi làng đều có một Ban Hội Tề. Đứng đầu Ban Hội Tề là ông Hương Cả. Hồi tôi còn nhỏ, nhà ông Hương Cả Phạm Tứ Thề cách nhà tôi hai căn nhà khác, nhà ông ba căn một chái, lợp lá, vách gỗ nền lát gạch tàu, ở hàng ba là một dải song gỗ, trước sân nhà có những chậu kiểng.

Cô tôi có dắt tôi đến nhà ông một lần, chỉ bước qua bậc thềm cửa, thưa chuyện với ông điều chi đó, rồi cô cháu tôi ra về, lần

ấy tôi còn quá bé mới bốn hay năm tuổi nên không thể nhớ được trong căn nhà của ông.

Rồi cha tôi dời nhà xa đi một chút, cách nhà ông Hương Cả chừng năm, sáu trăm thước, là lúc cách mạng mùa Thu đang xảy ra, Hương chức làng không còn làm việc nữa, tuy nhiên người ta vẫn kính trọng và gọi ông là ông Cả, ông vẫn được mời ăn trên, ngồi trước trong những đám tiệc. Mỗi khi có chuyện nhắc tới ông, cha hay cô tôi gọi ông là Cậu Tư, chắc chỉ là quen biết chòm xóm với nhau chứ không có họ hàng gì.

Khoảng năm 1950, tôi lên mười tuổi thì ông Cả đã già, râu tóc đã bạc trắng, vóc người nhỏ nhả, dáng ông nghiêm nghị, thường mặc bộ bà ba trắng, cỡi xe đạp đi lên chợ hay xuống đình. Chắc ông là người thông thạo chữ Nho và quốc ngữ nên mới làm làng đến chức Hương Cả, Ông biết xem mạch chẩn đoán bệnh và cho toa hốt thuốc, nhưng ông không hành nghề Thầy thuốc, ông chỉ bắt mạch và trị bệnh cho những người thân mà thôi.

Em của ông thứ Năm là ông Phạm Trọng Trì, nhà ở bên cạnh nhà ông Cả, làm đến chức Hương sư, ở nhà ngói, tường xây gạch, nền đúc, tôi có vào nhà ông này mấy lần nên còn nhớ, trong nhà có hai bộ ván gỗ ở hai bên, gian giữa có bàn chân quỳ, có ghế trường kỷ bằng gỗ mun, lau chùi thường xuyên nên lên nước bóng láng, tôi đoán chừng nhà ông Cả bàn ghế, ván ngựa chắc cũng như vậy.

Cô tôi có kể một câu chuyện, hồi ông đã làm hương Cả, có một người cháu họ, vợ mới sanh được đưa con gái. Vài hôm sau, một buổi tối, ông Cả khăn đóng áo dài đem theo một khay trầu rượu, đi tới nhà người cháu vừa mới có con.

Người cháu thấy ông Cả, đến nhà ăn mặc nghiêm chỉnh lại có đem theo khay trầu rượu, tưởng là ông Cả ghé nhà nhờ anh ta

RỒNG HIỆN

bưng khai trầu rượu đi đâu đó. Nhưng không ngờ ông Cả lại trịnh trọng nói với anh ta:

- Cậu có chuyện muốn nói với cháu, nhưng cháu phải ngồi vào bàn cậu mới nói được.

Người cháu thấy là chuyện quan trọng, nên đáp:

- Dạ ! Cháu là phận con cháu, đâu có dám ngồi, vô phép như vậy cậu!

- Nhưng cháu phải ngồi, phép phải như vậy cháu.

Anh ta không biết phải làm sao, đành phải ngồi vào ghế. Ông lấy nhạo rót rượu vào chun, rồi nói với người cháu họ:

- Mời cháu uống chun rượu này, đây là rượu lễ, để cậu xin cháu một việc.

Anh ta không biết chuyện chi sẽ xảy ra, vì ông Hương Cả chỉ nói một tiếng là hương chức phải răm rắp tuân theo, ông nói một tiếng là cha mẹ anh ta cũng phải nghe theo, bây giờ ông lại rót rượu cho anh ta uống, thì chuyện quá lớn rồi, nên anh ta đứng dậy, cung kính đáp:

- Thưa cậu ! Cậu sai bảo chi cháu cũng làm, chớ chun rượu này thật cháu không dám uống, nếu cháu có sơ thất điều chi, xin cậu chỉ bảo, dạy cho.

Bấy giờ ông Cả mới nói :

- Cháu vừa mới có đứa con gái, đã đặt tên, tên ấy là tên bà thân của cậu, cậu biết cháu không biết nên mới đặt tên như vậy, cậu mang khai trầu rượu đến đây, mục đích là để xin hai vợ chồng cháu đặt lại tên khác cho cháu bé.

HUỖNH ÁI TÔNG

Thê là người cháu qui xuống lạy lạy lại để ông Hương Cả, hứa là ngày mai sẽ đặt tên lại.

Ngày hôm sau, chẳng những anh ta nấu chè cúng “mười hai mụ bà, mười ba đức thầy” mà anh ta mang khai trầu rượu đi cùng với cha mẹ, đến nhà ông Hương Cả để tạ lỗi phạm thượng, đặt trùng tên “kẻ trên người trước”.

Ông Cả có một người con dâu bị bạo bệnh rồi mất, trên quan tài người con dâu của ông có để một cái khăn tang, đó là khăn tang người chết để tang cho cha chồng còn sống và ông đã đánh trên quan tài con dâu ông ba roi về tội bất hiếu, dâu con không phụng dưỡng cha mẹ. Không phải ông ghét bỏ gì người dâu ấy, nhưng ông muốn giữ giềng mối của thánh hiền, phong tục của ta.

Trong làng, tôi còn nghe người ta nhắc đến tên ông Cả Nhứt, ông Cả Linh, cả hai ông cả này tôi đều không biết mặt, mặc dù tôi có biết nhà cửa của họ, ông Cả Nhứt mất khi tôi cha sanh ra đời, còn ông Cả Linh, những năm lộn xộn Nhật đảo chánh Tây, Tây đảo chánh Nhứt, ông bỏ nhà xuống tỉnh ở, nên tôi chưa lần nào gặp ông.

Ông Cả Phạm Tứ Thê mất sau con dâu ông vài năm, là ông Hương Cả cuối cùng ở làng tôi, bởi vì sau khi ông mất, chánh thể đã thay đổi, Ban Hội Tề không còn nữa và trong làng tôi cũng không còn ông Hương Cả nào. Tất cả đều bị vùi chôn, đẩy lùi vào chốn lãng quên của thời gian.

Định Mệnh

*Nam Vang đi dễ khó về,
Trai đi có vợ, gái về có con.*

Tại thủ đô Nam Vang năm 1970, tôi làm việc cho Sở Công Chánh, trong sở làm, Suôn và tôi là đôi bạn tâm đầu ý hiệp, chúng tôi cùng đi xem ciné cùng đi ăn chung ở nhà hàng, đôi khi còn cùng đi tán tỉnh mấy cô gái đẹp. Nhà Suôn ở cây số 7, còn tôi từ Châu Đốc sang, học hết trung học, lên đại học mấy năm ở trường Y rồi bỏ, nhảy sang học kỹ sư, chúng tôi tuổi trẻ cùng hoàn cảnh, cùng sở thích, trở nên thân giao.

HUỖNH ÁI TÔNG

Một hôm sau bữa cơm chiều, chúng tôi đi uống cà-phê nghe nhạc, một lúc dẫn đo Suôn mới kể cho tôi nghe:

- Tôi có quen biết một bà người Việt Nam, bà ta lên đây đã lâu, trước kia nấu ăn cho sĩ quan người Pháp, một hôm bà bị tên sĩ quan này cho uống rượu mạnh nên say, tên sĩ quan ấy ngủ với bà ta, rồi bà ta mang thai, về sau sanh một cô gái hai giòong máu Việt – Pháp, sanh con rồi bà ta không có điều kiện nuôi con, phải cho vào viện mồ côi của các nữ tu, cô ấy được các dì phước dạy học chữ Pháp và chữ Khmer, nay đã được 16 tuổi, thứ bảy chủ nhật hoặc ngày lễ nghỉ học, cô ấy được phép về sống với mẹ. Bà mẹ cô ta năm nay đã ngoài 50, vất vả buôn bán ở chợ Nam Vang đủ nuôi thân, nay bà bị bệnh phổi, không tiền chữa chạy thuốc thang để trị bệnh.

Chiều hôm sau chủ nhật, bạn tôi rủ đi đến nhà người đàn bà đó, tôi theo bạn đến gặp bà ta và gặp cô gái lai, bạn tôi cao 1,60m, cô ta cao hơn một chút có lẽ chừng 1,65m vì cô ta thấp hơn tôi, tôi cao 1,77m, mặt mũi cô ta như người Pháp, thân hình tuyệt đẹp của cô gái tuổi tròn trăng.

Bà mẹ cô ta nói cho bạn tôi biết, có một đại gia người Tàu tuổi chừng bốn mươi lăm, muốn mua con gái của bà với giá hai mươi ngàn riels, bà ta còn đang tính nhưng muốn để cho bạn tôi lấy làm vợ, nếu bạn tôi có đủ tiền.

Ngay khi ấy bạn tôi trao đổi, nói cho tôi biết anh ta chỉ có mười hai ngàn, tôi cho anh ta biết, tôi có ba ngàn, tôi sẽ lấy hai bánh xe trong sở làm bán được chừng một ngàn ba trăm, trả trước mười sáu ngàn ba trăm, số còn lại xin trả sau.

Bạn tôi đề nghị với mẹ cô gái như vậy, nhưng bà ta không chịu, có thể bà ta không tin bạn tôi.

RỒNG HIỆN

Tôi đang đeo trong tay chiếc đồng hồ Omega của ba tôi cho, tôi liền đi cầm được một ngàn riels. Gom tất cả lại, chúng tôi có được mười bảy ngàn ba trăm riels.

Cầm tiền mặt trong tay, chúng tôi trở lại gặp bà mẹ cô gái, đưa hết tiền cho bà ta và hẹn số còn lại hai ngàn bảy trăm, xin trả vào tuần sau. Bà ta nhất định không chịu.

Tôi nghĩ, đúng là một cuộc mua bán, “tiền trao cháo múc”, một người bán hàng thì làm như vậy là đúng, còn đây bà ta cần tiền, để cho con mình làm vợ người ta, đâu phải làm như vậy. Tôi lại nghĩ rằng dù cho có ghét ông Tây kia đã dùng kế hãm hại bà, thì cô con gái cũng là máu thịt của bà ta, hoặc là bà ta không thương bạn tôi người Khmer ? Tôi đâm ra giận bà ta thật tình.

Tôi nghĩ lương mình mỗi tháng bảy ngàn hai, bạn tôi và tôi vào sở mượn lương trước, mỗi đứa chỉ cần mượn một ngàn rưỡi là đủ. Nghĩ là làm, chúng tôi mượn lương được ba ngàn, thế là chúng tôi chồng đủ tiền cho bà ta.

Khi cầm đủ tiền, bà ta nói với bạn tôi:

- Thứ bảy tới, con gái tôi về, cháu muốn dẫn nó đi đâu cũng được.

*

* *

Như đã hẹn vào khoảng hơn 4 giờ chiều, chúng tôi đến nhà bà ta, đã thấy con gái bà đứng chờ ở cửa, cô ta nhìn tôi và nói:

- Tôi sẵn sàng hết rồi, để đi theo anh.

Suôn biết cô ta hiểu lầm nên đính chánh ngay:

HUỖNH ÁI TÔNG

- Cô đi theo tôi chứ không phải anh này, anh ta là bạn thân của tôi.

Tôi thấy cô gái sững sờ tôi rồi nhìn Suon, tôi cũng cảm thấy như mình vừa hụt hẫng. Bạn tôi đề nghị:

- Chúng ta đi Nam Vang, ăn mừng kỷ niệm ngày hôm nay.

Rồi ba chúng tôi đi Nam Vang, tìm một nhà hàng để ăn uống, vui chơi mừng cho bạn tôi đã có được người vợ đẹp. Chúng tôi gọi món ăn ngon, uống Champagne. Trong lúc ăn uống, tôi bắt gặp nhiều lần Susane nhìn tôi với ánh mắt triu mến. Tôi xin phép hai người đi Restroom.

Vào Restroom nhìn vào kính, tôi thấy mắt mình ứa lệ, tôi rửa mặt và lau khô mắt nhưng không thể tẩy xóa đôi mắt đỏ, lúc trở ra ngồi lại bàn, Suon hỏi tôi:

- Sao mắt anh đỏ vậy ?

Tôi trả lời lắp liếm cho qua chuyện:

- Lúc này tôi ăn nhầm miếng ớt cay quá!

Rồi chúng tôi tiếp tục vui chơi cho đến 11 giờ đêm mới chia tay nhau. Về đến nhà, tôi trần trọc khó ngủ, hình ảnh người con gái trẻ đẹp của Susane, thân phận của Susane cứ lờn vờn trong đầu óc tôi, đêm dài đi qua tôi không hề chớp mắt, có khi dòng lệ chảy, tôi tự hỏi vì thương cho Susane hay cho tôi ?!!

Suon không hề biết chuyện gì đã xảy ra trong tôi, từ đó Suon mời tôi đi với vợ chồng anh ta ăn cơm chiều 3, 4 lần mỗi tuần.

Hai tháng sau, mẹ của Susane trở về Việt Nam, từ đó tôi không nghe Suon hay Susane nhắc tới bà ta nữa. Chắc bà ta đã thấy

RỒNG HIỆN

và yên chí con mình được hạnh phúc gia đình, nên an tâm trở về ở hẻm Việt Nam. Bà ấy một thân đến đây để lập nghiệp rồi cũng một thân trở về, nhưng đã để lại xứ Chùa Tháp một giọt máu rơi, hồng nhan truân chiến.

Cuộc lưu đày của Khmer đỏ

Năm 1974, chúng tôi bị động viên phải nhập ngũ, rồi được gửi đi huấn luyện quân sự ở Trung tâm huấn luyện Chi Lăng, thuộc tỉnh Châu Đốc ở Việt Nam.

Suôn và tôi cùng chung đơn vị, nằm gần nhau, Suôn kể lại cho tôi nghe đêm tân hôn của anh ta với Susane, một cô gái mới lớn thân hình nàng tuyệt đẹp “trong như ngọc, trắng như ngà”, lại ở với các dì phước, nên không hề biết một chút chuyện yêu đương, Suôn dạn dày kinh nghiệm phải hướng dẫn cho cô ta, tôi cảm thấy bị tổn thương. Không muốn nghe, Suôn nói:

- Chúng ta là bạn chí thân, tôi không muốn dấu diếm chuyện riêng tư, thời buổi chiến tranh này, sống nay chết mai biết đâu chừng! Rủi mà tôi chết, anh hãy xem vợ tôi như vợ anh, thay tôi chăm sóc nàng.

Tôi nói để Suôn đừng tiếp tục xoáy vào vết thương tâm của tôi:

- Thôi đi ! Đừng nói nhảm nữa!

Sau ba tháng huấn luyện, chúng tôi trở về Nam Vang, rồi tôi được đi sang Malaysia huấn luyện thêm mấy tháng nữa, mãn khóa về tôi phục vụ ngành Công binh trong quân đội. Chiến tranh tại Kampuchea mỗi ngày càng ác liệt hơn.

Đến ngày 12 tháng 4 năm 1975, Tòa đại sứ Mỹ di tản thường dân, viên chức của họ, ông Đại sứ John Gunther Dean có viết thư mời những nhân vật trong nội các cùng di tản, nhưng ông

HUỖNH ÁI TÔNG

hoàng Sisowath Sirik Matak, Long Boreth, Lon Non (em trai Lon Nol) và một số lớn khước từ lời mời này, ông hoàng Sirik Matak viết thư cho đại sứ Mỹ rất cảm động và đáng lưu danh:

Nam Vang ngày 16 tháng 4 năm 1975.

Thưa Ngài và Bạn,

Tôi thành thật cảm tạ ngài đã viết thư và còn đề nghị giúp tôi phương tiện đi tìm tự do.

Than ôi ! Tôi không thể bỏ đi một cách hèn nhát như vậy !

Với Ngài (đại sứ John Gunther Dean) và nhất là với xứ sở vĩ đại của Ngài, không bao giờ tôi lại tin rằng quý vị đã nhẫn tâm bỏ rơi một dân tộc đã lựa chọn tự do.

Quý vị từ chối bảo vệ chúng tôi và chúng tôi chẳng thể làm được gì hết.

Ngài ra đi, tôi cầu chúc Ngài và xứ sở của Ngài được hạnh phúc dưới bầu trời này..

Nhưng xin Ngài nhớ cho rằng nếu tôi phải chết ở đây và ở lại đất nước tôi yêu dấu thì tuy đó là điều tệ hại , nhưng tất cả chúng ta đều sinh ra và cũng sẽ chết vào một ngày nào đó.

Tôi chỉ ân hận một điều là đã quá tin và chót tin ở nơi quý vị, những người bạn

Hoa Kỳ !

Xin Ngài nhận những cảm nghĩ chân thành và thân hữu của tôi

RỒNG HIỆN

Sirik Matak

Ngày 15-4-1975, phòng tuyến cuối cùng của thủ đô Nam Vang thất thủ, sáng ngày 17-4-1975 Hội đồng tối cao quyết định di chuyển trụ sở chính phủ tới tỉnh Oddar Meanchay vùng Tây Bắc, tới 10 giờ sáng, tướng Mey Si Chan của Bộ Tổng Tham Mưu tuyên bố trên đài phát thanh, hạ lệnh cho tất cả lực lượng vũ trang quốc gia Khmer (*Forces Armees Nationales Khmeres* hay FANK) ngừng bắn, vì "thương lượng đang diễn ra" về việc Phnom Penh đầu hàng. Ngày đó cuộc chiến đã kết thúc, nhưng cơn ác mộng Khmer đỏ mới chỉ bắt đầu. Khmer đỏ tiến hành cưỡng bức, dụ dỗ dân chúng di tản khỏi thủ đô ngay lập tức về vùng nông thôn, chúng tuyên truyền di tản để tránh máy bay B52 Mỹ dội bom thủ đô, di tản vài hôm rồi trở về. Ở bảo sanh viện, bệnh viện, họ đuổi sản phụ, người bệnh ra khỏi đó. Chỉ trong ba ngày thủ đô Nam Vang không còn một người dân.

Không ai dám mang theo đồ lính, tôi mang theo một ít thuốc tây, 2 lượng vàng, 350 đô-la, còn bạn tôi mang theo nữ trang, 6 lượng vàng, 1200 đô-la. Mọi người bồng bế, dắt dìu nhau đi một tuần lễ tới khu vực thuộc tỉnh Pursat, cách biên giới Thái-lan chừng 100 cây số. Họ chia những người di tản nay là kẻ bị lưu đày, ra thành nhiều làng, mỗi làng có từ 50 tới 85 gia đình, mỗi gia đình phải tự kiếm cây, lá để dựng nhà ở, mỗi nhà rộng chừng 15 thước vuông, cách nhau khoảng 5 thước. Mỗi làng có một chủ làng trông coi, chủ làng chọn vài phụ nữ nấu bếp cho cả làng ăn, những người khác phải đi lao động. Susane được chủ làng chọn nấu bếp, nhờ vậy Susane lén lúc nấu cơm cho chúng tôi ăn thêm vào buổi tối, cơm ăn theo khẩu phần mọi người đều không đủ no.

Sáng sớm 5 giờ dậy, hát những "bài hát cách mạng" rồi đi ra đồng làm ruộng, cuốc đất trồng rau, trưa về ăn cơm nghỉ một chút rồi ra đồng làm tiếp, chiều về phải học tập rồi mọi người được phát một tờ giấy khai rỗ, trong thời Lon Nol đã làm nghề

gì? Viết xong nộp cho họ, hôm sau lại được phát giấy viết tiếp, nếu viết không giống nhau sẽ bị họ điều tra.

Suôn khai bán bánh mì, còn tôi khai sửa xe gắn máy và sửa chữa xe hơi chút đỉnh chứ không có garage sửa xe.

Đầu năm 1976, tôi thấy bọn Khmer đỏ dẫn hiệu người đi vô núi, nhưng không thấy họ trở về. Khi đi làm ruộng hay cuộc đất, tôi nghe nói bọn Khmer đỏ đang tìm kiếm những người làm việc dưới trào Lon Nol đem đi, tôi hỏi họ bị đem đi đâu? Mọi người đều không ai biết. Tôi bàn với Suôn là phải tìm cách vượt biên giới qua Thái-lan, nếu ở lại trước sau gì chúng cũng tìm ra tông tích mình, chẳng những làm việc mà còn là sĩ quan của Lon Nol, thì sẽ bị giết chết.

Cái giá phải trả cho sự Tự Do

Một ngày nọ, có một người trong làng lại nói chuyện với chúng tôi, anh ta nói nếu chúng tôi muốn trốn, anh ta có biết người ở làng bên cạnh biết đường dẫn đi, trả công cho họ 6 lượng vàng. Chúng tôi không dám trả lời cho anh ta vì sợ bọn Khmer đỏ gài bẫy.

Sau đó tôi suy nghĩ ở lại thì chết, nếu đi may ra có thể sống. Suôn và tôi cuối cùng đồng ý quyết định ra đi. Susane lén dầu cõm và cá khô chừng 5 kg, bỏ vào trong mấy cái bọc nylon, chuẩn bị cho chuyến đào thoát của chúng tôi.

Chúng tôi đi một nhóm chín người, gồm có hai người dẫn đường, hai cặp vợ chồng người Tàu, vợ chồng Suôn và tôi. Ban đêm chúng tôi đi ban ngày nghỉ, người dẫn đường trang bị súng hơi (air pistol) và địa bàn (compass), nhờ súng hơi bắn được chim hay chuột nên có thịt sống ăn, chúng tôi đi đến ngày thứ tám mới thấy biên giới Thái-lan cách chừng 5 cây số ngàn.

RỒNG HIỆN

Dọc biên giới có nhiều nhà lá của người Khmer hay Thái cách nhau chừng 3 hay 4km. Trước khi tới biên giới, còn chừng 2km, chúng tôi chia thành hai toán, một toán hai cặp vợ chồng người Tàu, toán còn lại là vợ chồng Suôn và tôi.

Khi đến trước một căn nhà ở biên giới, chúng tôi thanh toán tiền cho người dẫn đường. Trong khi đó, có ba người trong nhà đi ra chào, người dẫn đường và chúng tôi chia tay, tôi nghĩ cuộc đào thoát đã thành công, nhưng chưa phải vậy.

Chúng tôi vào nhà, căn nhà rộng chừng 20 thước vuông, phần trước là một cái bàn gỗ tạp với sáu cái ghế, tiếp đó mỗi bên một cái giường cây, giường không có nệm, chỉ có một chiếc chiếu và một cái gối. Chúng tôi ngồi nghỉ chừng một tiếng đồng hồ, được một người trong họ chỉ cho biết đi tắm ở con kinh nhỏ phía sau nhà.

Sau khi tắm rửa sạch sẽ, chủ nhà cho chúng tôi ăn uống, ăn xong chủ nhà nói bây giờ đi qua trại tị nạn chừng 6 km. Muốn vô trại, mỗi người phải đóng 2 lượng vàng. Tôi nói với ông ta:

- Chúng tôi trả tiền để được đi tới trại tị nạn.

Ông ta trả lời cho chúng tôi:

- Các người trả tiền, đó là tiền dẫn đường đến đây mà thôi. Muốn qua biên giới vào trại tị nạn phải trả thêm tiền.

Tôi nói với ông ta:

- Thật tình chúng tôi đã trả hết tiền cho người dẫn đường, nay chỉ còn lại có 320 dollars mà thôi.

Trong khi trao đổi với người chủ nhà, hẳn chính là đại ca, người cao chừng 1,6m, khoảng 49, 50 tuổi, thân hình mập

HUỖNH ÁI TÔNG

mạp, gương mặt hung dữ, mang một khẩu súng ngắn không bao ở bên hông, đôi lúc hắt liếc nhìn Susane. Hắt ta nói tiếng Khmer giọng Thái, trong khi hai đồng bạn nhìn vợ của bạn tôi:

- Hai đứa mày không có đủ tiền, tao mượn con vợ tui bây giờ rồi tính tiếp. Tao thích ngủ với con gái trẻ, tao thấy con nhỏ này giống Tây tao thích nên muốn thử xem!

Nghe vậy, Suôn nói:

- Chúng tôi đồng ý trả tiền để tới trại tị nạn, không phải tới biên giới đâu.

Tên đại ca trả lời:

- Nhưng muốn vào trại tị nạn, phải trả cho bọn lính Thái 500 dollars mỗi người, có như vậy bọn chúng mới đưa vô trại.

Susane đồng ý với tên đại ca:

- Tôi đồng ý cho anh ngủ, xong xuôi phải đưa chúng tôi vào trại.

Tên đại ca nói:

- Được!

Suôn và tôi đứng lớ ngớ không biết nói gì trong trường hợp này, tên đại ca bảo đàn em lấy xà bông và một cái Sarong cho Susane tắm rửa.

Susane đi ra con kinh tắm, tên đại ca ngồi ghế uống bia, hai đứa chúng tôi ngồi trên nền đất. Khi Susane tắm xong đi vào, tên đại ca chỉ bảo ngồi kê bên tay phải của hắn, tay trái hắn cầm lon bia, tay phải hắn ôm Susane bắt đầu hun hít, rờ rẫm

RỒNG HIỆN

khấp thân thể nàng, tôi thấy Susane không chống cự rồi hấn dẫn nàng lên giường, Susane yêu cầu đưa chúng tôi ra ngoài, hấn ra lệnh cho hai đàn em trói tay chúng tôi, đem ra trước nhà.

Căn nhà trống trải, chúng tôi nhìn vào thấy tên đại ca đang ngủ với Susane, nghe tiếng giường kêu, nghe cả tiếng rên rỉ của Susane, tôi nhìn thấy nét mặt đau khổ của bạn mình.

Chừng hai tiếng đồng hồ sau, chúng cho hai đứa tôi vào nhà, tôi thấy Suôn khóc những giọt nước mắt đau khổ của một người chồng, không thể bảo vệ cho vợ mình được. Tên đại ca bảo Susane đi tắm, rồi cho mượn một bộ quần áo khác mặc.

Chừng 5 giờ chiều, tên đại ca cho biết, hấn dẫn Susane đi vào trại tị nạn, hấn đi rồi chúng tôi chờ đợi giờ nọ qua giờ kia không thấy ai về hết, chúng tôi lo sợ cho số phận của Susane và cho cả mình nữa.

Sáng sớm hôm sau mới thấy hai người trở về, tôi thấy vợ bạn tôi đi không muốn nổi, mặt tái xanh, hai chân run, vô tới nhà chẳng nói chẳng rằng, Susane lăn trên giường ngủ vùi. Tôi suy nghĩ không biết bọn này có giết chúng tôi hay không ? Chừng nào chúng giết ? Tại sao Susane đi lại về ? Trong đầu tôi bao nhiêu câu hỏi về việc được sống hay bị giết, giờ phút đó không nghĩ đến tự do hay lưu đày. Tội nghiệp Suôn chắc cũng vậy, nhưng hấn bị đau khổ nhiều hơn vì Susane.

Cho đến hơn 2 giờ chiều, tên đại ca ra lệnh cho chúng tôi:

- Gọi nó dậy ! Bây giờ chúng tao đem mấy đứa mày vô trại.

Suôn đứng lên, đến giường gọi Susane dậy. Rồi tên đại ca đi trước, chúng tôi đi sau, tim tôi đập thình thịch, vì nghĩ rằng có thể hấn dẫn chúng tôi đi đến địa điểm hình xử. Cho đến khi

thấy được hàng rào trại tị nạn, biết mình đã thoát chết, đến được bến bờ tự do. Tôi mừng hết sức.

Vào trại tị nạn của Liên Hiệp Quốc, chúng tôi được xếp đặt ở chung với gia đình của người Khmer. Khi đã ổn định chỗ ở rồi, Suôn hỏi vợ chuyện gì đã xảy ra ở đầu mà đi suốt đêm sáng mới về, phải chừng 5 phút sau, Susane mới kể, cô phải ngủ với 13 thằng lính Thái liên tục không ngừng, hết thằng này tới thằng kia, chúng thay nhau hãm hiếp nàng, nhiều lúc bất tỉnh, nhiều lần chúng tạt nước vào mặt cho tỉnh lại, rồi hãm tiếp.

Suôn nghe vợ kể không cầm được nước mắt, tôi cũng ứa lệ thương cảm vì mạng sống, vì tự do mà Susane đã hy sinh, chịu quá nhiều khổ đau, tủi nhục. Suôn lấy khăn nhỏ thấm nước ẩm để vợ đắp lên chỗ kín bị sưng, tôi đi nấu cháo, Susane ăn rồi ngủ thiếp đi cho đến sáng.

Đến nước tạm dung

Sáng hôm sau, chúng tôi đi lãnh thực phẩm của Hồng Thập Tự phân phát, có cá mè, đường, gạo. Chúng tôi đi làm giấy tờ đề xin đi định cư ở Pháp, vì chúng tôi có học chương trình Pháp, chịu ảnh hưởng văn hóa Pháp.

Ở trại tôi viết và nói được Pháp văn, nên giúp những người tị nạn làm hồ sơ chữ Pháp.

Sau hai tuần ở trại tị nạn, một ngày kia có một người Thái hỏi Susane có muốn đi làm ở ngoài trại kiếm tiền không ? Một ngày được 30 baths (kháng chừng 4 dollars). Suôn hỏi ý kiến tôi có tin được họ không ? Tôi chưa có ý kiến thì Susane trả lời:

- Không sao đâu! Em đi làm đặng có tiền mua thêm thức ăn, uống trong trại.

RỒNG HIỆN

Ngày hôm sau Susane đi làm, 6 giờ chiều đi về, cô nói:

- Hôm nay làm được gần 100 baths.

Tôi để ý, nhìn thấy nét mặt Susane buồn, cô không nói chi, nhưng tôi sinh nghi trong lòng, tự hỏi không biết có chuyện gì đã xảy ra với Susane ?!

Một ngày kia Suôn bỗng đau bụng dữ dội, tôi đem Suôn vào bệnh viện dã chiến trong trại để điều trị.

Trong trại chúng tôi ở là một căn nhà lá, có một gia đình kia người Khmer và ba chúng tôi, nhà được ngăn làm hai bằng một tấm màn vải.

Vì bạn tôi phải nằm ở bệnh viện điều trị nên đêm đó Susane mới kể chuyện nàng đi làm cho tôi nghe.

- Nơi đó là một quán com, ông chủ thấy tôi đồng ý thuê liền, ông tỏ ý muốn ngủ với tôi, ông sẽ cho tôi tiền. Tôi nhớ mình đã bị hãm hiếp nhiều lần rồi, hồi còn ở Pursat, tôi phải ngủ với chủ làng để bảo toàn mạng sống cho chúng ta, một lần trước rồi, lần sau cũng giống nhau, nên tôi chịu cho ông ngủ với tôi. Rồi sau đó chủ nhà kêu khách tới nữa, tôi đã lỡ bước sa chân, như vậy tôi là gái mãi dâm.

Susane ngưng một chút rồi nói tiếp:

- Anh tôi mới đem hết tâm sự mình ra nói, xin anh giữ kín chuyện này, đừng có nói cho Suôn biết, tội nghiệp anh. Hồi đó, tôi tưởng anh là người bỏ tiền ra trả cho má tôi, tôi bằng lòng vì thương anh, không ngờ tôi bị thất vọng vì người đó là Suôn, tôi đành phó mặc cho cuộc đời.

Tôi thương cảm cho Susane, tôi biết nàng vẫn thương tôi, đêm ấy nàng cho tôi tận hưởng ái ân, Susane cũng vậy, đạt được niềm khát vọng của nàng ở sáu năm về trước.

Suôn nằm trong bệnh viện trọn tuần rồi mới được về, bác sĩ điều trị cho biết anh ta bị đau ruột, không cho ăn rau sống, phải luộc chín.

Ba tháng ở trại, chúng tôi làm hồ sơ đi Pháp sắp sửa được đi. Một hôm Susane không trở về trại, một ngày, hai ngày rồi biệt tích luôn.

Trong khi đi hỏi thăm tin tức Susane, chúng tôi được biết chỉ có đàn bà mới được ra khỏi trại tị nạn đi làm, nhưng muốn ra khỏi trại phải cho tiền lính Thái.

Hồ sơ đã hoàn tất, chờ lấy vé máy bay. Chúng tôi càng dò la tin tức, nhờ những người đàn bà quen biết, được đi ra ngoài tìm kiếm dùm nhưng Susane vẫn “biệt vô âm tín”. Suôn không muốn đi, một lòng muốn ở lại chờ đợi, tìm kiếm Susane.

Biết Suôn vì hoàn cảnh chưa muốn đi, viên Đại sứ Pháp gặp Suôn cho biết, nếu không đi, xem như là từ chối, sau này không thể xin đi lại.

Thế là Suôn phải ra đi. Đêm trước khi Bangkok, Suôn trần trọc mãi không ngủ được, tôi cũng nhớ tới Susane, nghĩ không biết có ngày nào gặp lại.

Chúng tôi rời Bangkok vào buổi chiều, sáng hôm sau mới đến Paris, đặt chân xuống phi trường Charles de Gaulle, nơi đây mới thật là chúng tôi được hưởng tự do. Tôi xin đi học thêm, Suôn vì trước kia chỉ có bằng cấp Trung học, nên anh tìm việc làm ở xa Paris, từ đó chúng tôi xa nhau, mỗi người sống một nơi, ba, bốn tháng mới gặp nhau một lần ở Paris.

Rồi 28 năm sau

Năm 1978, chúng tôi lấy vé khứ hồi đi Bangkok để tìm kiếm Susane, cầm theo mấy tấm ảnh cũ, chúng tôi đi đến những quán rượu, những khiêu vũ trường đưa ảnh cho người ta xem, mong được chút tin tức của Susane. Một tuần lặn lội, dò la tin tức ở Bangkok, không có ai gặp nằng. Lần đó chúng tôi già từ Bangkok, lòng buồn vô hạn, tôi mất hết niềm tin có ngày còn gặp lại Susane. Nhưng Suôn thì vẫn cầu nguyện Phật, Trời cho có ngày gặp lại.

Khi học đại học ở Paris, tôi có cô bạn gái người Pháp, tôi kể lại chuyện vợ chồng của Suôn cho cô ta nghe, nhất là Suôn luôn luôn tưởng nhớ tới Susane, cô bạn tôi thấy tội nghiệp cho Suôn. Một lần chúng tôi gặp nhau, Suôn thích cô bạn tôi, tôi nói cho nằng biết Suôn thích được ngủ với nằng, tôi hỏi nằng có chịu không ? Nằng ta trả lời : “Đừng có ghen nghe!”. Tôi thật tình đáp lại: “Không”.

Nửa giờ sau, tôi đưa cô bạn của tôi và Suôn đi ăn, cô ta cười vui thích, kê miệng nói nhỏ cho tôi nghe: “ C’est un pekinois” – Đó là con chó con – Tôi cười, hôm đó tôi thấy vui lòng vì được “ăn miếng trả miếng” cho người bạn thân tôi.

Từ khi không tìm thấy Susane ở Bangkok trở về, bạn tôi bắt đầu dùng rượu giải sầu. Ba năm sau, Suôn quen một người đàn bà góa chồng, không con, hai người sống chung với nhau tới năm 1998, người đàn bà ấy tìm được bà con, muốn Suôn theo bà ta trở về nước sống bên nhau, nhưng Suôn không chịu đi theo, vẫn sống ở Pháp.

Còn tôi, sau này khi ra trường đi làm việc, không còn sống ở Paris nữa, năm 2005, Suôn gọi điện thoại hẹn gặp nhau ở Paris. Gặp Suôn, bạn tôi cho biết vừa nhận được thư của Susane từ Indonesia nhờ Toà Đại Sứ Pháp chuyển, nơi đây chuyển tới tổ

chức “Terre des hommes”, hơn hai tháng sau mới tới tay bạn tôi.

Bạn tôi nói:

- Anh không tin Trời, Phật nhưng tôi tin là có, tôi cầu nguyện luôn, nên nay đã được gặp lại Susane.

Suôn thuật lại cho tôi biết:

- Theo thư của Susan cho biết, hồi đó trước tiên nàng đi làm cho quán ăn, chủ quán thương cô, ngủ với cô mỗi ngày, cho cô thêm tiền, do đó bà chủ quán ghen.

Một ngày kia, chủ quán đi mua hàng, bà chủ kêu một người Thái dụ đưa Susane đi chơi một vòng, nhưng bà chủ quán đã lập tâm bán Susan cho một nhà chứa gái mãi dâm ở ngoại ô Bangkok. Đó chính là ngày mà Susane không trở về trại tị nạn nữa.

Ở nhà chứa, chủ nhà chứa nói đã mua nàng với giá 1200 dollars, bây giờ nàng phải rước khách để trả nợ. Chủ nhà chứa giữ riêng để ngủ với Susane một tuần lễ, sau đó mới cho rước khách.

Chủ nhà chứa quảng cáo có gái Tây phương, đẹp và hiếm có nên nhiều người khách ưa thích, mỗi ngày trung bình nàng phải tiếp từ 15 tới 20 người. Sáng từ 10 giờ tới 1 giờ, chiều từ 5 giờ tới nửa đêm, mỗi lần đi khách nàng được 10 dollars.

Chừng sáu tháng sau, chủ nhà chứa này bán nàng chuyển tay cho một nhà chứa khác, gần thủ đô Bangkok. Nơi đây có nhiều khách ngoại quốc, phần nhiều là người Hàn Quốc, Mã-Lai, Indonesia ... Susane đẹp hơn các cô gái khác, gương mặt là gái Châu Âu, chủ nhà chứa cho nàng ăn mặc y phục Âu châu,

RỒNG HIỂN

khách tưởng nàng là người Ý hay Tây Ban Nha nên được nhiều khách ưa thích. Bảy năm, Susane phải sống với nghề này.

Một ngày kia có 5 người khách Indonesia, trong đó có một người khoảng 50 tuổi, thấy Susane ông vừa ý, bằng lòng chuộc nàng ra làm vợ. Từ đó nàng về Indonesia sống với chồng, ông vốn là chủ một tàu đánh cá. Ông có một mẹ già và một em trai.

Năm 2003, ông chủ tàu đánh cá qua đời, theo phong tục người Indonesia, người anh mất, người em chưa có gia đình, có thể lấy chị dâu.

Sau khi nhận được thư, Suôn đã bay qua Inonesia tìm gặp lại Susane, Suôn đã đề nghị với Susane:

- Mọi chuyện gian khổ đã qua, nay gặp lại nhau sau 28 năm xa cách, chúng mình chấp nối lại duyên xưa nghe Susane.

Susane nói qua đôi dòng lệ:

- Suôn ơi ! Muộn quá rồi anh! Anh thông cảm cho em, em đã trải qua vô vàn tủi nhục, em đã thọ ân người chồng Indonesia này, không có ông, em biết có ngày nay không ? Ông đã chết nhưng mẹ ông còn, em muốn sống thay ông ấy phụng dưỡng mẹ già. mặc dù mẹ chồng em bằng lòng cho em tự do theo anh, nhưng đâu sao em cũng sống trong gia đình này hơn hai mươi năm rồi, đầy tình đầy nghĩa, làm sao mình lại vong ân người, nếu có chuyện chấp nối lại, xin hãy chờ cho mẹ chồng em trăm tuổi.

Susane ghen ngào nói tiếp:

- Hôm nay gặp lại anh em đã mãn nguyện lắm rồi! Bởi vì chúng ta kẻ chân trời, người góc biển vẫn còn gặp lại nhau, vẫn còn thương yêu nhau.

HUỲNH ÁI TÔNG

Suôn đưa cho tôi xem ảnh của Susane, nàng mới 50 mà trông già như một người đàn bà ngoài 60, biết bao nhiêu chuyện phong ba dồn dập, đẩy đưa nàng, sắc đẹp tàn phai, nhưng tâm hồn cao cả, hy sinh để cứu người, phong ba chỉ có mình gánh chịu, giữ vẹn chữ ân tình.

Jackson TN Mar. 7th. 2011

Kim Ny - Huỳnh Ái Tông

Cô út đi tu

tâm không

Cô Út cất nhà lá một căn, ở giữa cánh đồng hiu quạnh đề tu, người ta không hiểu do cô bị tình duyên trắc trở hay vì tình cảnh của một cô gái lỡ thời đêm đêm lạnh lùng với gối chăn, nên cô dùng bộ áo nâu sòng che thân, đem tâm nương tựa vào đức Phật Tổ, hoặc cô đã sớm giác ngộ.

Căn nhà của cô Út nền đất, cột gỗ, mái lợp và xung quanh che bằng lá dừa nước, phía trước nhà có một cái sân nhỏ, được quét dọn sạch sẽ, giữa sân có một bàn thông thiên, bàn thông thiên này cô dùng một khúc gòn, một đầu chôn xuống đất, phần còn lại ngang tầm với vai người trung bình, trên ấy đặt một miếng gạch tàu, trên mặt gạch tàu đặt một lư hương bằng sành trắng men trắng, có vẽ nguệch ngoạc hoa lá màu xanh dương, sản phẩm của các lò chén ở Lái thiêu, lư hương cắm những bông chân nhang đã phai màu đỏ, bên trái lư hương là bình hoa bằng thủy tinh, cắm những hoa điệp màu vàng chanh, phía trước lư hương có cái đĩa nhỏ bằng sành, trên đĩa đựng bốn chén chung nước, khúc cây gòn ấy vẫn còn sống, nên đâm ra mấy nhánh bọ miếng gạch tàu rồi vươn lên với lá xanh, trông có vẻ u tịch.

Xung quanh bàn thông thiên, cô trồng một bụi điệp ta, một bụi bông trang màu vàng, kế đó là những bụi bạc hà tươi tốt, bên ngoài cùng là những bụi xả và hai cây xoài cát, cô dọn cỏ và luôn quét tước sạch sẽ, giữ được sự tôn nghiêm nơi thờ phượng.

Mặt trước căn nhà về phía tay trái, có một cánh cửa ra vào đan bằng tre, ở giữ căn nhà có tấm vách ván tạp ngăn phần trước làm nơi thờ cúng, phần sau là chỗ ngủ nghỉ, thông nhau bằng một lối đi ở phía tay phải.

Bàn thờ là một cái bàn bằng gỗ, có bốn chân cao chừng một thước rưỡi, treo trên vách ngay chính giữa bàn thờ là một khung kính ngang bốn tấc, cao sáu tấc, lộng ảnh in màu đức Phật Tổ đang ngồi thiền định dưới gốc cây Bồ Đề, ở chính giữa phía trước bàn thờ, đặt một lư hương to bằng hai gang tay, phía bên tay phải, gần sát vách cô đặt một bình hoa bằng thủy tinh cao chừng một gang tay rưỡi, bằng thủy tinh màu đỏ có hoa lá nổi không màu, cô Út thích cắm hoa sen, cô hái từ cái đầm cách nhà không xa, bên tay trái đối diện có một đĩa đặt trên chân gỗ cho cao thêm, trong đĩa thường chưng chuỗi đề từ

lúc còn xanh cho tới khi chín rục, hoặc đu đủ mới chín tới mủ vọt cho tới khi chín vàng ngoài vỏ. Một khúc ống tre gai dùng để đựng nhang đặt cạnh bình hoa đựng sát vách, hai góc ngoài của bàn, ngang hàng với lư hương là hai chân đèn bằng gỗ cắm lại, lâu ngày lên nước nâu sậm và vàng, trên chân đèn có hai cây đèn cây đỏ đã cháy dở, còn lại một khúc ngắn lâu ngày chẳng dùng tới, giữa chân đèn và lư hương phía bình hoa còn có một cây đèn chong, cháy ngọn thấp leo lét suốt ngày đêm.

Ở dưới đất, sát với chân bàn phía trước trái một chiếc chiếu nhỏ, trên đó để một cái bàn thấp lè tè và nhỏ, trên mặt bàn đặt một quyển kinh chữ quốc ngữ, giấy ngà vàng, chữ mờ vì đọc đã nhiều lần, trên quyển kinh có một xâu chuỗi lên nước bóng láng với 108 hạt bồ đề, bên phải đặt cái chuông miệng hai gang tay, bên trái đặt một cái mõ bằng gỗ bình linh lớn tương xứng với chuông, nơi đây cô Út thường tụng kinh, lẩn tránh chuỗi hạt vào những thời công phu.

Sau bàn thờ, một chiếc tủ đứng nhỏ đặt sát vách ván, kê bên là chiếc giường gỗ kê dọc theo vách hông nhà. Giữa lối đi và chiếc giường nằm còn có chiếc võng đan bằng vỏ cây bô, muốn đến giường nằm phải bước qua chiếc võng. Phía vách sau lại có một cái chòi làm nơi bếp núc.

Đất chung quanh nhà là một miếng đất giồng, mỗi cạnh ước chừng trên năm mươi thước. Trên miếng đất này theo mùa cô Út trồng bí đỏ, dưa leo, cà tím, đậu đũa, cải bẹ xanh, bắp, cô cũng có mấy giàn mướp, bầu và khổ qua. Xung quanh miếng đất cô Út cho đào muơng, lấy đất đắp thành vòng, trên vòng cô trồng mần cầu Xiêm, dưa Xiêm, chuối Sứ, ổi, đu đủ nhờ vậy cô có rau cải để ăn, trái cây để chưng cúng Phật.

Thời giờ của cô Út là những buổi công phu sớm, trưa, chiều, tối. Sáng sớm vào lúc nông phu dẫn trâu bò ra đồng làm ruộng, cô Út cũng dậy dâng hương cúng Phật, cô thỉnh sáu tiếng

chuông, lạy ba lạy ở bàn Phật, xong cô ra bàn thông thiên dâng hương rồi lạy bốn phương, mỗi phương bốn lạy, xong cô lại trở vào chỗ bàn Phật, ngồi kiết già hai tay lần chuỗi hạt, miệng niệm sáu chữ Di Đà, cô niệm Phật cho đến hừng đông mới dứt thời công phu, cô lại quét dọn chung quanh nhà rồi vào ăn một chén cơm nguội trước khi bắt đầu làm rầy, có khi cô tưới nước, có khi cô vỗ phân, có khi cô làm sạch cỏ dại, làm như vậy cho tới giữa buổi, cô trở vào nhà lo nấu cơm cúng Phật.

Khi cơm đã chín, cô xới ra ba thố cơm nhỏ rồi đem để lên bàn Phật, cô dâng hương và tụng một thời kinh Phổ môn, sau đó ăn cơm với những thứ rau cải cô trồng, những thứ nào dư cô bán để mua dầu ăn, nước tương, đường, muối. Những lúc đầu mùa, cuối mùa cô cũng phải ăn cơm với muối xả, mùa nước ăn cơm với rau muống luộc, bông súng, bông điên điển mọc hoang ngoài ruộng.

Cơm trưa xong cô nằm nghỉ một lát rồi đi làm rầy, sau đó cô đi thay nước cúng, bỏ hoa cũ thay hoa mới ở bàn Phật và bàn thông thiên rồi tụng một thời kinh A Di Đà trước khi trời nhá nhem tối, như vậy cô không phải tốn dầu đèn.

Sau thời kinh, cô ăn cơm rồi đi nằm nghỉ một lát, chừng canh hai cô lại dậy dâng hương rồi vào trong phòng, ngồi niệm Phật để tránh bị muỗi đốt khi ở ngoài, niệm Phật xong cô mới đi ngủ.

Nơi đó vốn vắng vẻ, chòm xóm chẳng có ai ngồi lê đôi mách với cô, thỉnh thoảng mới có bà con tới thăm hay anh chị ruột mang tới cho cô ít gạo hay bánh trái, việc tu hành của cô nhờ đó cũng được thuận lợi.

Có người hỏi sao không vô chùa tu, cô giải thích:

- Hòa Thượng Quang Minh dạy : Vì chùa chưa có nhiều người phái nữ đi tu, cho nên cô phải cất cái am này để tu, ngài đã đặt cho nó cái tên là Thanh Tịnh Am.

Cô cũng chẳng đi đâu trừ khi có giỗ quây cúng ở ngôi từ đường, hoặc ngày Tết ngày Rằm hay lễ lớn của Phật Giáo, cô đi lễ Phật ở chùa Quang Minh, nơi cô đã quy y với Hòa Thượng trụ trì, thỉnh thoảng cô cũng đến đó, làm công quả đôi ba ngày khi mùa màng rảnh rỗi.

Ngày lại qua ngày, tháng nọ đến năm kia, cô Út tu như vậy được vài năm thì cô bị bệnh, cô ho có máu, anh chị của cô phải đưa cô đi bệnh viện để chữa trị, cô phải nằm lại bệnh viện hơn một tháng, Bác sĩ cho về nhà nhưng cấm không cho cô ăn chay nữa, Bác Sĩ nói rằng ăn chay thiếu thịt, cá, thiếu chất bổ mới sanh bệnh, anh của cô rước về rồi giữ tại nhà mình, tiếp tục săn sóc thuốc men, cho ăn uống bổ dưỡng theo lời dạy của Bác sĩ. Cái am của cô thì mượn một người ở giữ dùm.

Bác sĩ nói ăn chay nên bệnh, cô không dám cãi lại, nhưng cô hiểu người ăn chay kham khổ như cô mới bệnh, chớ ăn chay mà ăn uống đầy đủ sẽ khoẻ mạnh, nhiều vị Tăng ăn chay trường từ nhỏ về già vẫn mập mạp, người ăn mặn mà kham khổ thì cũng bệnh như cô mà thôi.

Người giữ cái am dùm cho cô Út là một người đàn ông, không rõ gốc gác, tên họ là chi, người ta chỉ gọi ông bằng biệt danh là Sáu Ong. Biệt danh ấy bởi ông là người ở miệt dưới, làm bạn cho một chiếc ghe thương hồ lên miệt trên buôn bán. Thuở đó, trên sông Tiền Giang, Hậu Giang hay các sông miệt dưới, nhiều chiếc ghe cột nối nhau làm thành cái đuôi dài thườn thượt, ở trước có một chiếc tàu kéo đoàn ghe, người trên ghe vẫn phải điều khiển bánh lái khi chạy qua những khúc sông quanh co, hôm đó ngồi trên mũi ghe để bẻ lái, không rõ ông ta ngủ gục hay tay lái chưa kinh nghiệm, chiếc ghe bị tập vào một

cây Cà na có nhánh de ra sông, nhánh cây ấy lại có một ổ ong Vò vè, ghe chạm vào nó, bầy ong bị vỡ ổ, thế là chúng tủa ra tìm người mà chích, ông ta bị nhiều con ong bu lại tấn công, đau nhức quá ông ta phải nhảy xuống sông, lặn dưới nước mà trốn. Trong khi đó, chiếc tàu vẫn kéo ghe chạy, vô tình bỏ ông lại, khắp người bị đau nhức ông phải ráng lội vào bờ, người ta lo cứu chữa ông, đêm khắp thân thể có sáu vết ong chích, ông ta bị hành nóng lạnh, mình mẩy sưng lên khắp nơi, nhứt là cái mặt của ông, sưng to như mặt nạ của ông Địa, ông ta nằm rên hì hì, không ăn uống, ai hỏi chi cũng không trả lời được, người ta không biết ông ta tên chi, có người nhớ tới sáu vết ong chích, nên đặt cho biệt danh Sáu Ong từ đó. Có người nói :

- May quá ! Thằng cha này bị sáu vết, chớ bị thêm một vết nữa thành "*nam thất, nữ cửu*" thì ngẫm cù đèo rồi !

Lại có người khác phụ họa :

- Ong Vò vè làm ổ ở dưới hang, gọi là ông lỗ, trâu bò đi ăn vô tình bị nó chích cũng chết chớ đừng nói là người.

Sáu Ong từ ngày ở am của cô Út, không ai nghe ông nhắc tới cha mẹ còn mất, anh em làm gì, mà cũng chẳng nghe ông buồn nhắc tới chuyện trở về, hình như ông ta không có quê hương, không cần nhớ tới dĩ vãng, mà cũng chẳng biết đến tương lai. Ông ta cũng chẳng biết tu hành gì hết, mỗi ngày vào buổi chiều ông ta thay nước, thay hoa đốt và cắm lên lư hương mỗi nơi một cây nhang, ông ta làm theo lời dạy của anh cô Út, nhưng chẳng xá chẳng quỳ, chắc ông ta cũng chẳng có lòng tin nơi tôn giáo.

Ban đầu anh cô Út cung cấp gạo, muối, nước mắm cho Sáu Ong, lần lần ông ta đi làm thuê, làm mướn để mua gạo, mua thức ăn, ai gọi ông ta giã gạo, xay lúa, chèo ghe, đào đất, đồn

RỒNG HIỆN

cây việc nào ông ta cũng làm, họ trả công cho ông bằng gạo hay bằng tiền cũng được, nhờ đó ông ta sống qua ngày.

Nhà ai có đám cưới, đám hỏi, ma chay hay đám giỗ, Sáu Ong đều đến giúp những công việc nặng nhọc như gánh nước, bửa củi, giã gạo, che rạp, dọn bàn, khiêng ghế việc nào ông cũng làm, ai cũng mến thương ông điểm này, đôi khi người ta bình phẩm lúc trà dư tửu hậu :

- Sáu Ong như thế mà cũng được, hẳn vui vẻ giúp đỡ mọi người, tánh tình hiền từ như cục đất !

Một người khác cãi lý :

- Coi vậy chớ cục đất ác lắm nghe, có khi đi vấp phải bị sứt móng chân chảy máu, có khi bị té lăn cù.

Lại có ý kiến của người khác :

- Người ta bảo tu hiền ! Mà hiền như Sáu Ong thì còn cần gì phải tu ?

Một người sành sỏi giải thích :

- Tu hiền đâu phải vậy nè ! Người ta muốn nói người tu phải ăn ở hiền lành, và tu tâm sửa tánh để thành Phật, chớ hiền như Sáu Ong mà không tu, thì chỉ thành cục đất ở ngoài nghĩa địa mà thôi.

Người ưa cãi lý tiếp lời :

- Vậy để tôi làm cục đất cho mấy cha coi, sướng thấy mô !

Người kia hỏi lại :

- Sướng cái nỗi gì ?

Anh ta trả lời :

- Cục đất có khi người ta nắn thành cái chũm nhang, cắm cây nhang lên đó, mình lạy sỏi trán chớ phải chơi đâu !

Mọi người cười xòa.

Thật ra Sáu Ong là người không biết *chữ nhứt một* , ông ta chẳng thông minh mà cũng chẳng ra người đàn độn, tuổi tuy ngoài bốn mươi nhưng chẳng thấy ông chọc ghẹo đàn bà con gái, tánh khí ông hay nóng nảy cộc cằn đối với trẻ nhỏ chần trầu, chần bò ngoài đồng; cho nên chúng thường khuấy phá, chọc ghẹo, có khi chúng biết ông đang ngủ trưa bèn lấy đất ném vào nhà, gây thành tiếng động làm cho ông ta không ngủ được, có khi chúng thấy ông đi vắng, vào trong am lấy com, thức ăn ra, chúng ăn hết lại đem nồi niêu bỏ trên giường nằm của ông ta.

Bị phá giấc ngủ, Sáu Ong thường rượt bọn trẻ con, vừa rượt vừa nguyên rủa : “ -*Bớ ông Tà ! Hãy bẻ tay, bẻ chân mấy thằng ôn dịch vật nầy dùm tôi cái ông tà!*”

Bị bọn trẻ ăn hết com, trái cây hay phá phách đồ đạc lung tung trong nhà, ông thường nói: “ - *Vái Bà Chúa Xứ ! Bà có linh thiêng xin bà hãy vắn họng, bẻ cổ mấy thằng phá phách nầy, Bà cho tôi bắt được chúng tôi cúng bà con gà*”, vái van và chửi rủa như vậy nhưng ông ta chưa hề bắt được đứa nào, còn bọn chúng là mục đồng nào có biết sợ ông Tà. Với chúng, ông Tà chỉ là cục đá có quân miêng vải đỏ, đặt trong cái miễu nhỏ lợp lá có lọ chao hay vỏ hộp lon, đựng đất để cắm nhang, thỉnh thoảng có người đốt nhang, cúng nải chuối hay cái bánh, người cúng vừa đi khỏi là bọn chúng lấy chia nhau ăn hết.

Am của cô Út là nơi để tu, Sáu Ong ở đó chẳng biết tu hành, người ta thường nói : “ *Phật tức tâm* ” hay “ *Phật tại tâm* ” . Sáu Ông chẳng phải là kẻ hung ác, ông ta chẳng đâm heo thuốc chó, nhưng con nít chọc ghẹo thì ông ta nổi tam bành lục tặc lên rồi nguyên rửa, lời lẽ độc địa, cho nên tâm ông ta đâu có Phật, tượng Phật mà cô Út thờ chỉ là tờ giấy có hình, cái am của cô Út chỉ là cái nhà bình thường để ông ta ở, có khi nó lại là địa ngục mỗi lần ông ta *nổi khí xung thiên*.

Theo cô Út, Sáu Ong đã làm biến chất cái am của cô, ngày còn ở đó, cô đã cho bọn trẻ khi trái chuối, lúc miếng đu đủ chín xẻ ba, xẻ tư, cho nên chúng nó mền cô. Những lúc rảnh rỗi chúng còn theo cô xách nước tưới rau, cuốc đất lên vồng, tĩa bắp, tĩa đậu, đào lỗ trồng cây, cô thương chúng như con cháu trong nhà, trái lại Sáu Ong xem bọn chúng như kẻ thù.

Cho nên mấy tháng sau khi lành bệnh, cô Út không trở lại am tranh của mình nữa. Người ta nghĩ, có lẽ cô lên vùng Thất sơn, vào một ngôi chùa nào đó để tu. Nhưng vài năm sau, có người đi Hà Tiên về cho biết, đã gặp cô xuống tóc làm cô Vãi, theo tu với một Ni sư và vài cô Vãi khác trong một ngôi chùa ngoài đó.

Mấy năm sau, không rõ ai cho cô biết, cô trở về để chịu tang khi Hòa Thượng Minh Quang viên tịch, người ta thấy cô mặc áo nhật bình màu lam, đầu đội khăn lam, cô có da có thịt hơn xưa, bên má phải lại có cả một vết sẹo to, tuy nó không làm cho gương mặt cô khó coi, nhưng nó cũng làm biến đổi đôi chút.

Đến đêm cô Út về nhà người anh nghĩ, chị dâu cô mới hỏi :

- Cô Út à ! Cô đi tu ở chùa, vậy mà có gì khó lắm không ?

Cô Út có vẻ suy nghĩ một chút mới trả lời :

HUỲNH ÁI TÔNG

- Chị Ba à ! Tu thì không khó, nhưng có những cái nghiệp, những thử thách mới là khó.

- Khó như thế nào ? Cô Út nói thử cho chị nghe coi.

- Chẳng hạn đi tu thì ăn chay, em ăn chay đã bốn năm, cuộc chay lạt vẫn bình thường. Lần đó Ni sư có việc đi vắng, giao chùa cho em trông nom, bỗng nhiên em thèm ăn giò heo hầm măng, thèm đến nỗi đêm còn nằm chiêm bao, thấy có người bung cho một tô canh giò heo, sáng ra đang ngồi sàng gạo ở ngạch cửa, thấy một con heo hàng xóm đi ngang, thấy cái giò sau con heo ấy ngon nà lại thèm hơn, thèm thiếu đều muốn nhảy ra chụp lấy nó, cắn cái đuôi ăn liền.

Người chị dâu bị kích thích vì điều bí mật bất ngờ này, nên chặn lời cô Út, hỏi ngay :

- Rồi cô Út giải quyết làm sao ?

- Em chưa được ăn nên em càng thèm quá, em cũng chưa biết giải quyết ra sao hết, Ni sư lại đi vắng. Bỗng nhiên may quá ! Trưa hôm đó có một đoàn Sư khát thực đi ngang qua, em thỉnh vào chùa trình bày tự sự. Vị sư trưởng bảo đó là cái nghiệp của em, sư nhận ở lại tụng kinh giải nghiệp cho em ba đêm, từ đó em không còn thèm giò heo hay thịt cá gì nữa.

Chị dâu của cô Út muốn biết thêm nên hỏi :

- Khi Ni sư về, cô có trình lại cho Ni sư biết để dạy chi không ?

- Có chứ chị ! Ni sư nói với em rằng : Hồi đó Ni sư khoảng ba mươi tuổi, đi tu đã được mười năm, đã làm trụ trì ngôi chùa hiện nay. Một hôm Ni sư bỗng thèm ăn canh chua cá bông lau, thèm đến chảy nước miếng, thèm không thể chịu đựng được, Ni sư bèn đi sang nhà thím Tư bên cạnh chùa, Ni sư thú thật và

nhờ thím ấy ra chợ mua một con cá bông lau chừng một ký, mua bạc hà, rau thơm, cần nhút là lựa ớt nào thật cay mua cho Ni sư chừng một chén, nhưng dặn giữ kín đừng cho ai biết.

Thím Tư cũng sốt sắng đi chợ và về sớm, Ni sư nhờ thím Tư ở lại nấu với Ni sư, trong khi thím Tư nấu canh chua, Ni sư xắt hết ớt, lúc thím Tư múc tô canh chua bốc khói, đặt lên mâm cơm bưng để lên bàn trước mặt Ni sư, Ni sư nghe mùi ngon vô cùng, rồi Ni sư lẹ làng hốt hết ớt bỏ vào tô canh chua, lấy đũa quấy cho đều, rồi lấy muống múc canh chua đưa lên miệng để húp. Ni sư rán húp lẹ làng, liên tục hai ba muống, nước canh đang nóng lại thêm ớt cay, thiếu điều nổ con mắt, Ni sư nói thôi thì nước mồm, nước mũi, nước mắt chảy choàng ngoàm, thím Tư kinh hãi, thương hại cho Ni sư, thím chạy đi lấy nước, lấy đường cho Ni sư uống, lấy khăn lau nước mắt lau mặt cho Ni sư, từ đó cái miệng của Ni sư không còn dám thềm thịt cá nữa.

Người chị dâu ngập ngừng lại hỏi thêm :

- Còn cái sẹo trên mặt của cô ?

- Cái sẹo này em xứt nghệ nên mới được như vậy, chị biết không, người ta lấy nguyên một bó nhang dụi vào mặt em, cũng may mà nó chỉ ở nơi gò má.

- Tại sao chuyện xảy ra dữ vậy cô Út ?

- Nghiệp chướng mà chị Ba, người ta chọc ghẹo em, còn em quyết chí tu hành mà, đêm đó vào lúc đầu hôm, em cầm nguyên bó nhang đã đốt cháy, đem ra ngoài sân chùa cúng, có người rình sẵn, từ trong bụi kiểng nhảy ra ôm em, em la lên, người đó lấy một tay chụp tay em đang cầm bó nhang dụi vào mặt em, em né sang nên trúng vào má, rồi người đó buông em ra mà chạy thoát thân. Người trong chùa, người hàng xóm nghe

tiếng em la, họ chạy tới tiếp cứu em, nhưng không bắt được tên kia.

Người ta bàn với Ni sư và dạy em nên đi thưa với làng xã để lòng bắt tên bất nhân ấy. Khi mọi người ra về hết, Ni sư mới dạy em: “Đã đi tu phải hiểu mọi chuyện đều có nguyên nhân, quả báo của nó. Có thưa đến cửa quan, bắt được kẻ kia làm tù tội hấn, thì oán càng chồng chất, bao giờ mới giải được mối oan khiên, rồi bắt làm một kẻ khác, làm cho họ bị tù tội, tự mình gieo nghiệp ác, phải trả quả mai sau. Cho nên đi tu rồi, biết đâu là thiện, đâu là ác, thiện nghiệp bọc Bồ Tát còn chẳng làm, huống chi là ác nghiệp. Ni sư khuyên thêm : Vậy thì con nghĩ cho kỹ đi, muốn đi thưa hay không tùy ở nơi con!” Đêm đó em suy nghĩ, em quyết định làm theo lời dạy của Ni sư, em không thưa kiện mà cũng không oán hận gì hết.

- Tội nghiệp cô quá !

- Có chi mà tội nghiệp chị Ba ! Em coi đó là nghiệp, tu để giải nghiệp, nên vui lòng được trả quả mà.

Lời cô Út như kết luận câu chuyện, hai người im lặng, phía cây cột cái ở vách hướng đông, nổi lên mấy tiếng con thăng lẳng chắt lưởi, rồi bốn bề yên lặng, đêm thật là yên tĩnh, cô Út như nghe rõ được chiếc lá rụng vừa chạm mặt đất bên ngoài, cô muốn được hưởng cái yên tĩnh đó dài lâu.

Oct. 6th, 1997

Một lược sa chân



Lương Hà, một nho sinh nổi tiếng ở Thanh Châu, văn hay chữ tốt, cha mất sớm, mẹ già tàn tật nuôi con cho ăn học, năm Lương được hai mươi tuổi, quan Huyện sở tại yêu chuộng văn tài, cho mời Phan thị, mẹ Lương đến nhà, để bàn chuyện hôn nhân, ông gả con gái cho Lương, mong sau này khi Lương đỗ đạt thành tài, con gái mình được nhờ tấm thân.

Vợ Lương, Hàng thị, con gái quan Huyện được giáo dục từ nhỏ, về nhà chồng giữ nề nếp gia phong, kính mẹ, thương chồng, nòng cũng vất vả, tảo tần buôn bán sớm hôm.

Ngày lun, tháng qua nàng dành dụm được một số tiền, đến khoa thi Hàng thị trao tiền cho chồng, thết một bữa tiệc tiễn chân, chúc chàng được công thành danh toại, nàng hứa sẽ hết lòng phụng dưỡng mẹ chồng.

Khi Lương lều chông lên đường, Phan thị đưa con ra tận cổng, lòng đầy tin tưởng dặn con :

- Lên Kinh lần này ráng mà chiếm bảng vàng, vinh quy bái tổ làm cho rạng rỡ tông môn dòng họ Lương của con.

Lương sinh kính cẩn nghe mẹ dạy, xong chàng chấp tay vái mẹ, chào từ giã vợ rồi lên đường.

Ngày đi, đêm nghỉ hơn một tháng Lương mới đến Kinh đô, quả thật là chốn nghìn năm văn vật, đường xá, nhà cửa, quán trọ đều đẹp đẽ, những văn nhân, tài tử dạo chơi ở kinh thành, làm

cho Lương càng thêm quyết chí phải thi đỗ phen này. Được vua ban áo mão và yến tiệc, chàng sẽ mặc áo gấm, đội mão, mang hia, cỡi ngựa dạo chơi khắp kinh thành, rồi mới trở về vinh quy bái tổ, mẹ và vợ chàng sẽ được hân diện với khắp mọi người.

Vào trảng thi, Lương đem hết văn hay, chữ tốt ra đua tài, phen này chàng nắm chắc không Trạng Nguyên thì cũng Thám hoa, chứ không chỉ là anh Tiến Sĩ uống công đèn sách bấy lâu, khỏi tủi thân cho vợ hiền tảo tần năm tháng.

Gần đến giờ nộp quyển, bỗng một cơn trót mạnh, hốt bài Lương đi, chàng vội vàng chụp lại, cầm được văn bài trong tay nhưng bị mất đà, chàng đã đè văn bài vào trong nghiên mực, do đó quyển của chàng chữ còn, chữ đã bị mực lem, chàng không đủ thì giờ để chép lại, đành nộp quyển ấy cho quan trường.

Đến ngày yết bảng, không có tên Lương, chàng nản chí lên đường về quê, dọc đường Lương bị một bọn cướp đánh đập lấy hết tiền của, chàng được chúng thả ra, lại bị trận mưa to ở giữa cánh rừng, phải đi trong cơn mưa, ráng vượt qua chỗ vắng, đến xóm nhà kia thì Lương ngã quỵ vì một cơn bệnh.

Lúc tỉnh lại, Lương thấy mình nằm trong một căn phòng xa lạ, đơn sơ và cũ kỹ, chàng cảm thấy ê ẩm khắp thân mình, tay chân không thể cử động được. Một bàn tay sờ vào trán Lương, khi người ấy lấy bàn tay đi, Lương nhìn thấy đó là một nhà sư, vui mừng thấy Lương đã tỉnh lại, ông ta nói :

- Mô Phật, Phật tử đã tỉnh lại, ráng nằm tịnh dưỡng, mọi việc có nhà chùa lo cho.

Rồi vị sư ấy rước một Đại phu đến xem mạch, bốc thuốc chữa bệnh cho Lương, hơn một tuần nhứt, chàng mới có thể ngồi

RỒNG HIỆN

dậy, rồi lần hồi bình phục, sức còn yếu lại không có tiền bạc nên Lương phải xin sư trụ trì cho tạm ở qua ngày.

Để gánh vác việc chùa, từ khi đi lại được, chàng bắt đầu công việc chép kinh Kim Cang, thỉnh chuông công phu mỗi tối, để đỡ dần tay chân cho sư trụ trì và tập theo nếp sống thiền môn.

Có một đêm Lương sinh nằm mơ thấy một vị đường quan, mặc hồng bào, đội mũ, mang hia trông người rất oai nghiêm và nhân hậu, từ ngoài đi vào chùa, đến chỗ Lương sinh ngồi chép kinh, ông ta vỗ vai chàng thân mật nói :

- Lương sinh, người ở chùa chép kinh, thỉnh chuông công phu, đã hiểu được những gì của giáo lý nhà Phật, nói thử cho ta nghe với.

Chàng bắt đầu nói về Kinh Kim Cang, theo lời chàng nói, có những vì sao bay ra, toả ánh sáng khắp một vùng, ánh sáng bao trùm khắp chùa, làm cho chàng cảm thấy tươi mát, an lạc vô cùng, vị quan ấy nghe rất hài lòng và dường như cũng cảm thấy hoan hỷ, an lạc do ánh sáng của những vì sao toả ra. Ông ta khen ngợi : " Lành thay! Lành thay ! " rồi rời khỏi chùa, Lương sinh chợt tỉnh, còn cảm thấy dư vị của niềm an lạc vừa qua.

Những lúc rảnh rang, Lương nhớ đến mẹ già và vợ hiền, họ đang trông đợi chàng về, hơn ba tháng sức khỏe chàng đã gần bình phục, nhưng chàng vẫn không có tiền, lấy đâu làm lộ phí trở về, chàng vẫn còn cảm tức bực cướp, vì chúng đã lấy hết tiền của, còn đánh đập và giữ chàng cho nên mới bị cơn mưa rồi lâm trọng bệnh.

Bỗng một hôm, sư trụ trì ngã bệnh, gọi Lương đến bên giường, trời trăng giao thừa cho Lương làm Thủ Tự rồi người viên tịch.

Những người quanh vùng nghe tin sư trụ trì tịch, họ đến giúp chùa lo ma chay, chôn cất người và đương nhiên xem Lương là thủ tự từ đó, bởi vì chùa chỉ có một mình chàng mà thôi. Người ta kính trọng thủ tự, chuyện chi liên quan tới chùa cũng hỏi ý kiến chàng, Lương thấy mình là người quan trọng, do đó chàng bắt đầu tự đại, tự cao.

Lương ở chùa nhưng không phải người xuất gia đầu Phật, nên chàng không thuộc giáo lý, không rành kinh kệ, chàng cũng không quan tâm lắm về việc này. Phật tử quanh vùng đi chùa vào những ngày Sóc, ngày Vọng, đem tới chùa cúng hương đèn, hoa quả, gạo nếp, đường muối những thứ ấy cũng đủ cho Lương tạm sống qua ngày.

Lương nghĩ một mai có người khác đến chùa đi tu, chàng sẽ giao chùa cho người ấy làm trụ trì hay thủ tự, lúc đó chàng phải có tiền để làm lộ phí về quê. Chùa không có huê lợi, không có những Đàn na, tín thí giàu có giúp cho, thôi thì chàng đem kinh Dịch ra, mượn khoa bói toán làm phương tiện, xem gia đạo cho mọi người, để có thể kiếm được tiền dành dụm về quê. Nhờ chịu khó học hỏi, dần dần chàng nổi tiếng, cũng kiếm được và dành dụm khá tiền.

Một hôm lại có người đến nhờ chàng viết đơn, thưa người khác vì nghi người ấy là kẻ trộm cắp, Lương nào có thẩm nhuần giáo lý đạo Phật, lại vốn căm ghét bọn cướp xưa kia, Lương đã đem hết văn tài của mình ra để làm tờ cáo trạng, dùng mọi mưu chước để buộc tội cho người, lời lẽ nặng nề thâm độc, viết xong chàng hết sức vừa lòng toại ý, mãn nguyện chẳng khác nào đã ngồi trên ngựa đi dạo ở kinh kỳ, vinh quy bái tổ như chàng đã từng mơ tưởng.

Vào một buổi trưa, Lương sinh nằm nghỉ ở hậu Tổ, bỗng thấy có một đại nhân tướng tá dữ dằn, râu ria xồm xàm, đầu đội mũ, chân đi hia, hông đeo trường kiếm, hiên ngang từ ngoài

RỒNG HIỆN

cửa đi vào chùa, kiếm gặp chàng đang ngồi xem sách Tượng, Lương chưa kịp chào hỏi, ông ta tự nhiên kéo ghế, ngồi ghé bên phải bàn thờ Sơ tổ đức Bồ Đề Đạt Ma, ngay trước mặt chàng rồi nói :

- Nay Lương sinh, lâu nay người đã làm thủ tục, tâm đắc những gì nói cho ta nghe với !

Lương tự đắc mở miệng khoe khoang, theo lời nói của chàng, từ trong miệng tự dung có những con vật nhảy ra nào là rắn, rết, bò cạp, cào cào, châu chấu bao vây chàng, chúng trợn mắt, phùng mang, nhe răng làm như muốn ăn tươi nuốt sống chàng vậy, nhưng chúng nhìn đến vị đường quan lại tỏ ra sợ sệt, rồi một số con đi đàng này, chạy đàng kia để tìm kiếm miếng mồi ngon, Lương sinh quá sợ, muốn im lặng để khỏi có thêm những con vật ác nghiệt kia nhưng nào có được, tự chúng tuôn ra từ trong miệng chàng. Lương sinh cầu cứu với vị đại nhân :

- Đại nhân ơi ! Xin ngài mở lượng hải hà tìm cách cứu tôi với, nếu không những con vật này nó sẽ giết hại tôi.

Vị ấy nói :

- Lương sinh ơi ! Ta rất thương nhà ngươi, ta muốn ra tay cứu độ ngươi, nhưng ta làm sao cứu được, bởi vì những con vật ác độc kia, nó được sanh ra và lớn lên với nhiều nọc độc, do chính ngươi hàng ngày đã nuôi dưỡng nó trong tâm. Nó sẽ đi khắp nơi, sẽ giết hại nhiều người khác nữa, chúng cũng sẽ phá hoại mùa màng, ruộng nương ngươi đâu có thể biết hết được !

Lương bắt đầu nghe những tiếng kêu la, rên siết của nhiều người vì sợ hãi, vì bị những con vật kia cắn, chích nọc độc. Chàng cũng khóc lóc van xin vị đại nhân cứu giúp, để ra khỏi chỗ bị bao vây của những con vật ác độc kia.

Vị ấy nói :

- Nay Lương sinh, ngươi là Không môn hậu học, đừng quên câu " Nhân giả, nhân giả " của cửa Không sân Trình. Ở chùa nhà ngươi phải biết, đây là nơi đem vui cứu khổ đến cho mọi người, ngươi ở chùa dù là Thủ Tự tạm bợ qua ngày, không thể không gìn giữ thiền qui. Sao không học theo Hoa Đà, Biển Thước để cứu nhân, độ thế; học chi theo lão Trần Đoàn.

Ngươi đã dùng môn bói toán, làm mê hoặc lòng người để kiếm tiền, đó là do lòng Tham tiền bạc của ngươi, nó lại làm cho đạo Phật bị mang tiếng là mê tín, dị đoan; không xiển dương thì thôi, có đâu lại làm hại giáo lý đạo Phật.

Còn chuyện ghét người này, ngươi làm để trả thù kẻ khác, đem lòng thù hận phơi bày trên lá đơn gửi cho huyện quan sở tại, đó là ngươi đã Sân, Si. Trích cú tâm chương, chuyện không ngươi dám nói có, chuyện có ngươi nói không, đó là phạm vào giới cấm Vọng ngữ. Những điều ngươi đã làm do tâm mà ra. Tâm đó, chính nó đã sinh những con vật ác độc này.

Dù một ngày ở trong chùa, ăn một hột cơm của đàn na, tín thí, hưởng một chút lộc Phật ngươi cũng phải ăn hiền, ở lành, tu nhân, tích đức thì tự nhiên những con vật kia sẽ không còn nữa.

Nói xong ông ta bỏ đi, những con rắn, rết, bò cạp ấy bắt đầu bò tới chàng, Lương sinh sợ hãi hét lên, tiếng hét ấy làm chàng chợt tỉnh, khắp người Lương ướt đầm mồ hôi, biết mình vừa trải qua một giấc mơ kinh khủng, nhớ lại vị đại nhân kia, chàng tự hỏi : " Ông ta là ông Thiện hay ông Ác vậy ? "

Nov. 22,96

Một kẻ có lòng

Tâm Không

Đây là chuyện có thật, tác giả đã thay đổi tên tuổi của các nhân vật, nếu có ai bị trùng tên trong chuyện, chỉ là sự ngẫu nhiên.

Người ta gọi ông ta là Thầy thuốc Dững, ông thầy thuốc Dững ở trong ngành Thú y, hình như xưa kia ông tốt nghiệp ngành thú y sĩ, ông làm Trưởng Ty ở Tỉnh này lâu lắm rồi, cho đến khi ông về hưu mấy năm trước, hiện nay có lẽ ông đã ngoài sáu mươi, người ông cao lớn, da mặt ông ửng hồng, tóc bạc trắng phều, thoát trông qua, ai cũng đoán biết ông ta là người có tiền của, sống an nhàn và nhân đức. Bà thầy thuốc tuổi cũng xấp xỉ bằng ông, thuộc lớp người xưa, tóc dài để búi, tướng tá cao ráo, mặt tròn, nước da trắng, trông bà rất phúc hậu và đoan trang, tiệc tùng trong nhà một tay bà nấu ăn, làm bánh, cách dọn đãi khách rất tươm tất, lịch sự và thân mật .

Ông với bà thầy thuốc không có con cái, của chìm không biết có bao nhiêu, nhưng mà của nổi, ngoài căn phố cho mướn ở trung tâm tỉnh lỵ, hai ông bà đang ở một biệt thự, trong khu vực yên tĩnh có nhiều biệt thự khác, với tường rào chung quanh, với cây cảnh bên trong, chứng tỏ những gia đình ấy sống phong lưu.

Trong nhà, có một cậu thanh niên đó là cháu trai của bà thầy thuốc, một chị người làm ngót ba mươi tuổi, giúp việc nấu ăn và giặt giũ quần áo.

Ông bà thầy thuốc đều là những người có học, hồi còn nhỏ gia đình đã cho ông quy y với sư Huệ Minh, lớn lên ông bà thầy thuốc theo đạo Hòa Hảo, họ ăn chay thập trai nên người cháu và người làm cũng phải ăn theo. Ông bà thường hay bố thí cho những người nghèo, giúp tiền bạc để xây cất chùa, miếu, cúng đình, ông bà rất sẵn lòng, không bao giờ từ chối khi có người ngửa tay ra kêu gọi tới lòng hảo tâm của hai ông bà.

Hai ông bà thầy thuốc nghĩ đến việc hậu tự hay là công đức, một hôm ông đích thân đến nhà ông Hội Trưởng Tỉnh Hội Phật Học, mời Ban Trị Sự đến nhà ông dùng bữa cơm chay, chỗ quen biết nhau nên Ban Trị Sự Hội Phật Học nhận lời mời, không cần tìm hiểu lý do, bởi vì họ biết hai ông bà thầy thuốc là gia đình khá giả và đạo đức.

Bữa cơm thân mật tại nhà ông bà thầy thuốc, có năm vị trong Ban Trị Sự Tỉnh Hội Phật Giáo, bà thầy thuốc nấu các món chay rất cầu kỳ, làm cho thực khách ăn rất ngon miệng, gia chủ lại bãi buổi nên bữa ăn rất thân mật. Bữa ăn chính chấm dứt, phân tráng miệng, có hồng và trái vải khô, uống trà ướp sen. Đến đây ông thầy thuốc mới trình trọng báo cho Ban Trị Sự biết, hai ông bà đã làm xong giấy tờ, hiến căn phố ở trung tâm tỉnh lỵ, để Tỉnh Hội bán căn phố ấy lấy tiền xây ngôi chùa làm trụ sở.

Hầu hết mọi người trong Ban Trị Sự rất ngạc nhiên, bởi vì họ chưa bao giờ nghĩ đến chuyện có thể xảy ra, nay chẳng ngờ lại có hai ông bà thầy thuốc phát tâm như thế. Riêng chỉ có ông Hội Trường luôn luôn nghĩ rằng làm việc Phật sự cho thẳng ngay, làm đúng theo lời Phật dạy, đạo tự nhiên hưng thịnh và Phật sự sẽ viên thành.

Ở tỉnh nhỏ, nằm ven biên giới, rừng tuy không sâu, núi tuy không cao nhưng mà địa linh, đạo vượng, người người hình như sống trong không khí đạo giáo nơi đây. Mấy thầy, cô giáo là những nhà mô phạm, đâu đâu cũng được mọi người kính nể, ở đây họ lại càng được kính nể hơn, vì mấy thầy cô thường thỉnh những bậc danh tăng ở thủ đô về thuyết pháp, họ không có chùa nên thuê rạp chiếu bóng làm giảng đường, mỗi lần như vậy đều có đông đảo Phật Tử đến nghe, họ ngồi dẹt chật ních cả rạp chiếu bóng.

Rồi dần dần, theo ý kiến của quý tăng, họ thành lập Hội Phật Học của Tỉnh, quy tụ những thầy thông, thầy ký mà nhiều nhất lại là thầy cô giáo, một thầy giáo tự nguyện cho mượn nhà mình làm trụ sở Tỉnh Hội. Đầu được vài năm sau, Ban Cúng Tế miếu Cô hồn tặng cho Tỉnh Hội khu đất của miếu để cất chùa làm trụ sở.

Miếu không biết cất từ thời nào, nay chỉ còn những hàng cột siêu vẹo, mái lợp ngói âm dương lỗ chỗ trống trơn, đã nhiên năm không người tu bổ, trong miếu cũng còn có chỗ thờ, chiếc bàn chỉ có ba chân lỏng chỏng, còn chân thứ tư đã mất, được thay bằng miếng gỗ dát, trên mặt bàn đặt một lư hương, những người thợ mộc ngày ngày vẫn thấp hương cắm lên đó. Họ đã nhiều năm mượn nơi này, biến thành trại mộc, đóng hòm bán. Miếu có ba gian, gian giữa họ để hòm, gian bên phải để gỗ, chỗ nằm nghỉ, gian bên trái để cửa, xẻ bào gỗ đóng hòm, cũng làm nơi nhà bếp để nấu ăn uống. Dăm bào nằm khắp nơi trên

nền miếu lát gạch tàu hai mươi, không còn được miếng nào nguyên vẹn.

Miếu xây mặt ra đường tráng nhựa chạy dọc theo con kinh đào, cửa sau miếu là con đường khác, bên kia đường là bãi cỏ rộng, ở giữ có xây một ngôi nhà gạch hình lục giác, nơi đó người ta gọi là Bồn Kèn. Tương truyền ngày xưa, mỗi chiều Thứ Bảy có ban nhạc trình diễn, để giải khuây cho bọn lính Pháp xa xứ, nhớ nhà.

Ông Hội Trưởng nhớ lại, Hội đã có miếu Cô Hồn mấy năm nay rồi mà Hội viên thì ít, nên chưa có tiền để phá miếu cất chùa. Nhiều người hình như họ kính nể những Hội viên là thầy cô của con cháu mình, nên họ không vào Hội, không muốn ngồi ngang hàng với những bậc đáng kính đó, vì vậy Hội khó phát triển Hội viên, do đó không có quỹ để bắt đầu xây cất chùa, ông cũng ngại việc đi quyên góp, phòng ngừa người ta cho rằng lợi dụng danh nghĩa thầy cô giáo để xin tiền của phụ huynh, nay được ông bà thầy thuốc Dững hiến một ngôi phố để làm quỹ kiến thiết chùa, ông nghĩ quả thật là Phật độ.

Trước khi ra về, ông Hội Trưởng đứng lên thay mặt Tỉnh Hội tán thán công đức hai ông bà thầy thuốc Dững, ông đề cao hai ông bà là đại thí chủ và xin cho chùa được vinh hạnh hậu tự ông bà thầy thuốc về sau này, chủ khách chia tay trong niềm hoan hỉ.

Khi khách đã về hết rồi, bà thầy thuốc lo chỉ bảo người làm và đưa cháu dọn dẹp nhà cửa, ông thầy thuốc đến ngồi vào ghế tràng kỷ khảm xà cừ đặt ở giữa phòng khách, ông nhớ lại những việc mấy mươi năm về trước khi ông còn làm một nhân viên.

Hàng tháng ông phải đến một nơi nằm dưới chân núi, nơi đó người ta đem trâu bò về để bán cho nên gọi là ? chợ trâu bò ?, một số người mua trâu bò về để cày bừa ruộng nương của họ,

một số trâu bò không được ai mua, người ta bán cho lái chở về thủ đô làm thịt, ông có bốn phen khám những con trâu bò nào đã già nua mới cấp giấy phép được xẻ thịt, những con nào còn khoẻ mạnh, phải giữ lại để người ta dùng vào nghề nông.

Ông nhớ rõ chuyện ấy như mới xảy ra hôm qua, nó luôn luôn ám ảnh ông hàng chục năm rồi, mỗi con trâu bò hình như chúng có linh tính, tất cả đều không muốn đi ngang qua cái bàn của ông ngồi, nhiều con đi ngang qua sắc mặt buồn hiu, chậm chạp bước, chúng nhìn ông với hai hàng nước mắt chảy dài, bởi vì chúng qua đó rồi sẽ được người ta chở đến lò sát sanh, một kiếp trâu bò khổ cực, cuối cùng còn phải chịu cực hình, bị người ta đập đầu thọc huyết, lần nào nhớ tới ông cũng đều bắt nắn cho việc làm của con người.

Ông thầy thuốc không giết nó, nhưng chính tay ông đặt bút xuống ký, cho phép người ta chở đi giết mổ nó, chẳng khác nào ông đã ký cho nó bản án tử hình. Có những đêm ngủ, ông bị ám ảnh nên nằm chiêm bao thấy chính tay ông cầm con dao nhọn, máu nóng hồi còn đang chảy dài từ trên cánh tay ông xuống con dao. Cho nên hồi đó, ông đã tìm cách xin cấp trên cho một người khác thay thế. Nay ông quyết cúng dường Tam bảo để vun công, bồi đức, việc hậu tự ông nào đã nghĩ tới.

*

Hai năm sau, Ban Trị Sự Tỉnh Hội Phật Học đã hoàn tất được ngôi chùa, phỏng theo những ngôi chùa mới kiến thiết thời đó, chùa có hai tầng, tầng trên là chánh điện, tầng dưới là giảng đường, chánh điện chỉ tôn tượng đức Thế Tôn ngồi thiền định trên tòa sen, phía sau đắp nổi cây bồ đề với cành lá xum xê. Chùa được đặt tên là Đức Quang Tự, mặt tiền quay mặt ra phía bên kèn, hàng tuần đều có khóa lễ vào buổi sáng Chủ nhật, sau đó Hội viên thay nhau thuyết Pháp, tối nào cũng có thời tịnh độ, lại thêm có Gia Đình Phật Tử Chánh Hạnh hàng

tuần hội họp, chùa dần dần đi vào nề nếp sinh động, nhưng vẫn còn thiếu bóng dáng của Tăng Già, hình như Ban Trị Sự còn đang chọn lựa để cung thỉnh một vị trú trì.

Rồi vận nước đổi thay, Tỉnh Hội Phật Học bị giải tán, chùa Đức Quang đã bị sung công vào mục đích khác, một phần cũng vì không có Tăng, Ni trú trì.

Ông Hội Trưởng đứng ra xây cất chùa đã qua đời từ lâu, cô Lan con gái ông ta, mỗi lần có dịp đi ngang qua chùa đều bồi hồi xúc động, buồn vì không còn chùa để mỗi tối cô tới đó tụng kinh, niệm Phật, còn vì lẽ cô nhớ tới phụ thân mình đã đích thân ngày ngày đứng ra trông coi việc xây cất, chùa cất xong lại lo mua sắm, trang hoàng.

Thình thoảng có một câu hỏi thoảng hiện trong trí cô Lan : *Làm sao lấy lại chùa !?* Một hôm cô lại thoảng có giải đáp : Hay là mình đi tìm bà thầy thuốc Dững, thử xem bà có cách gì không, ông ấy đã mất nhưng bà vẫn còn mạnh khỏe.

Một hôm cô Lan đến thăm bà thầy thuốc Dững, cô tâm tình với bà để xin bà tìm cách lấy lại ngôi chùa Đức Quang, bà thầy thuốc nghe qua, ôn tồn nói :

- Cháu Lan à ! Hồi châu xưa ông nhà tôi hiến căn phố cho Hội, mấy đứa cháu của ông cũng như của tôi đều trách phiền chúng tôi, tại sao không chia cho chúng chút đỉnh làm vốn, sau này chúng tôi có mất phần, chúng nó sẽ nhớ ơn mà giỗ quảy hàng năm, chúng nó còn nói bị thân phụ cô rù quấy, bán căn phố đó được nhiều tiền, một phần cất chùa, một phần bỏ túi riêng, nhà tôi khi nghe nói lại, thường mỉm cười giải thích, cất chùa được phước chớ đưa tiền cho con cháu làm điều thất đức bất nhơn lại phải mang tội.

Từ khi chúng tôi hiến cho Hội, chúng tôi không bao giờ nghĩ chùa của chúng tôi, để mai một rảnh, tôi xem giấy tờ cũ, có gì khiếu nại được, chúng ta sẽ hiệp lực với nhau lấy chùa lại cho Phật tử có nơi tu học.

Đúng một tuần lễ sau, bà thầy thuốc tìm tới nhà cô Lan báo tin bà tìm thấy một tờ giấy quan trọng, đó là giấy hai ông bà hiến căn phố, có chương khê ký và trong đó Ban Trị Sự Tỉnh Hội Phật Học có ghi thêm : *Trong bất kỳ trường hợp nào Tỉnh Hội Phật Học không cắt chùa được, hoặc Hội giải tán, thì tiền bán căn phố hay chùa đã cắt dành để cho ông bà Nguyễn Thành Dũng hoặc người thừa hưởng gia tài có toàn quyền quyết định số tiền hay chỉ định người Thủ tự.*

Không hiểu do đâu, ông Hội Trưởng ngày đó đã ghi chú thêm những điều đó, hồi đó chắc ai cũng nghĩ hoặc quá cẩn thận hay lắm cảm đã ghi thêm, nhiều lần soạn giấy tờ cũ, bà định vát nó đi nhưng lại nghĩ để dành làm kỷ niệm những di vật của chồng, ngày nay bà thầy thuốc và cô Lan thấy nó có giá trị vô cùng, thật là hữu dụng.

Nhờ đó, bà thầy thuốc đứng đơn khiếu nại khắp các nơi, chỗ gần thì bà cầm đơn đích thân đem nộp, chỗ xa bà gửi thư, ngày nọ, tháng kia, bà thầy thuốc Dũng kiên nhẫn dầm mưa, dãi nắng chẳng ngại với tuổi già. Bà lặn lội kêu ca chỗ chỗ năm lần bảy lượt, chỗ hỏi cái nọ, chỗ vặn cái kia, chỗ đây, chỗ đó, chỗ dọa, chỗ nạt, bà vẫn chịu đựng, cuối cùng họ phải trả lại ngôi chùa cho bà.

Ngay sau khi nhận lại chùa, bà thầy thuốc Dũng cùng cô Lan đi thỉnh một vị Tăng khất sĩ về trú trì ngôi Đức Quang Tự. Ngày làm lễ nhập tự của sư Minh Thành, bà thầy thuốc Dũng xin phép Ban Hộ Trì chùa Đức Quang cho bà được vinh dự bưng khai lễ, rước sư từ cổng đi lên Chánh điện.

HUỲNH ÁI TÔNG

Bà thầy thuốc Dũng mặc áo tràng nâu, cổ mang xâu chuỗi tràng mã não, hai tay bưng khai lễ, trong khay đặt nào hương, hoa, quả. Bà bước đi trong khi chuông trống bát nhã đồ liên hồi, chân bà bước lên những bậc thang không muốn vững, vì tuổi bà đã ngoài bảy mươi, nhưng bà vẫn cứ từng bước, bước lên với cả một tấm lòng hoan hỉ vì đạo.

Ngày Vía Đức Quán Thế Âm PL 2541

Mất chùa

Tâm Không

Mấy hôm bà Ngọc không đến chùa, có người cho biết bà ta bị cúm, có kẻ nói bà ta đi khỏi, có kẻ lại nói bà ta buồn vì thế thái nhân tình nên ở tại gia tụng kinh, niệm Phật.

Ai cũng có lý do bệnh vực lời nói của mình, cho rằng cúm vì đang lúc thời tiết thay đổi, nhiều người bị cúm do một loại siêu vi khuẩn mới, cho nên có nhiều người đã chích ngừa mà vẫn bị cúm.

Cho rằng bà ta đi khỏi cũng đúng, vì bà ta có ở nhà thì chẳng ngày nào không đến chùa, bà ta đến để dâng hương, lễ Phật, để cắm bình hoa mới, hoặc thay nước bình hoa cũ, lau dọn bàn thờ Phật, bàn thờ Tổ. Trong khi bà ta làm việc chùa, nhiều người chưa biết hoặc nghe chưa rõ, thấy bà ta vừa làm vừa hát nho nhỏ, tưởng chừng như bà ta yêu đời lắm; Thật ra bà ta vừa làm vừa niệm Phật ngân nga.

Cho rằng bà ta buồn vì thể thái nhân tình, bởi trước kia bà ta là Trưởng Ban Kiến Thiết chùa, nay thành lập Hội Phật Giáo, bà ta được đề cử làm Cố vấn. Ông Trần Đại Lãm được bầu làm Hội Trưởng, ông ta thì mới bắt đầu đi chùa, sau khi chùa đã chỉnh trang xong, việc tu hành ông ta mới bước đầu, nhưng ông ta lại có tài ăn nói, nên nhiều người nghe theo.

Tên thật của bà ta ít người biết, bà ta có pháp danh là Diệu Ngọc, mà nhiều người chỉ gọi bà ta là bà Ngọc. Thật ra thì bà Ngọc bị uất ức, rồi bị cảm mạo, người bị rã rời, bà có đi khám bệnh, Bác sĩ cho biết là bị cúm nên cho toa mua vài thứ thuốc uống, đúng ra thì bà có thể đi lại trong nhà, nhưng do bà bị ứ uất trong lòng, nên tâm bệnh làm cho trận cúm của bà nặng hơn. Bà nằm trong phòng và dặn các con, có ai đến thăm thì nói bà bị bệnh, không thể tiếp khách.

Không phải bà sợ người ta thấy tình trạng rũ rượi vì thân xác bệnh hoạn, làm cho họ có một ấn tượng không tốt về bà. Chính ra, bà không muốn tiếp nhiều người, bà cho họ là những người không tốt, vì có những việc họ tưởng làm như thế là tốt, nhưng đôi khi có hại cho đạo Phật hơn là có lợi. Chẳng hạn như họ nói khích để có kẻ mua sắm cúng chùa món nọ, vật kia, họ tưởng như vậy là tốt, nhưng theo bà, vì lời nói khích, có khi người ta đã cúng cho chùa rồi, nhưng sau đó nghĩ lại vì tiếc

tiền của, lòng họ lại căm giận những kẻ xúi biếu. Làm một việc lành mà tâm không hoan hỷ, mang chứa sầu muộn thì việc ấy tuy có phước báo, nhưng không có chút nào công đức, do đó bà Ngọc kết luận họ hành đạo mà chưa hiểu đạo.

Có người cho rằng việc cúng dường tam bảo như xây chùa, đúc tượng, đúc chuông, ấn tống kinh điển, cúng trai tăng là những việc làm tạo phước đức nhưng có nhiều người chưa biết, chưa quen, chưa có lòng bố thí, cho nên những việc này cần phải có người khuyến khích, động viên, để dần dần cho người ta có thói quen, có tấm lòng từ quảng đại và luôn luôn hoan hỷ. Bà Ngọc cho rằng làm như vậy mới đúng, như ngày xưa đức Phật thường đi khát thực, nhờ vậy có nhiều người vun bón ruộng phước của mình.

Nằm trên giường, mỗi khi nhớ tới chùa, nhớ tượng Phật, nét mặt từ bi, an nhiên tịch tĩnh ngồi trên toà sen, bà Ngọc ứa nước mắt. Bà buồn tủi vì nghĩ rằng có một nhóm người đã muốn giết chùa, kết luận như vậy thì cũng quá đáng, nhưng chẳng phải như vậy thì thế nào ?

Hồi tưởng lại, ngày bà đến đây, một nơi không có chùa chiền, những ngày chủ nhật, ngày lễ sau khi đi chôn nọ chỗ kia, bà thấy thiếu thốn một ngôi chùa. Phải có chôn tôn nghiêm để mọi người đến lễ Phật, tưởng nhớ đến đức Phật, sẽ có những buổi thuyết pháp, những buổi thọ bát quan trai, mọi người sẽ cùng nhau tu học, nơi đó sẽ luận đạo để tinh tấn, gạn lọc để tâm được thanh tịnh.

Nghĩ như vậy bà mới bỏ một số tiền lớn ra để mua đất cát chùa, nhưng mà tiền của bà cũng chẳng được bao nhiêu. Bà mới nghĩ ra cách làm, rồi thực hành ngay là đi mời vài người

có đạo tâm, có uy tín tham gia vào Ban Kiến Thiết Chùa, mấy người đã bầu bà làm Trưởng Ban, rồi Ban này đi kêu gọi mọi người đóng góp để xây dựng chùa. Lời kêu gọi của họ đã được mọi người hưởng ứng, có người đóng góp chỉ được vài đồng, có người đóng bạc trăm, bạc nghìn, đều là tịnh tài, vì đó là tiền lương của những người công nhân, tiền dành dụm của người già và không ai bị phiền muộn, tất cả đều hoan hỉ đóng góp.

Những người đóng góp ít tiền, lại làm cho bà nhớ đến mẫu chuyện đạo. Khi đức Phật còn tại thế, có một bà lão ăn xin, thấy cảnh vua chúa và những người khác cúng dường Phật và chư tăng, bà ta rất hoan hỉ cho nên liền đi xin để có tiền mua dầu đốt đèn cúng Phật.

Trọn ngày, bà chỉ xin được có một vài xu, đến hiệu tạp hóa bà bỏ tiền ra mua dầu, người chủ tiệm tạp hóa thấy chỉ có vài xu không đủ trả tiền dầu, liền hỏi bà mua dầu để làm chi, sau khi biết mục đích cúng dường Phật, người chủ tiệm tạp hóa liền cho thêm số dầu để bà đủ dâng cúng.

Sau khi có dầu, bà đem đến tịnh xá của Phật, đốt ngọn đèn ấy lên bên cạnh đèn của những người khác, rồi bà chí tâm cầu nguyện : Con không có chi cúng dường Phật, ngoại trừ cây đèn nhỏ này, mong cho con đời sau sẽ có trí huệ, mong cho con giải thoát khỏi mọi ràng buộc khổ đau, con cũng cầu mong cho những người khác khỏi bị những chướng ngại, đều được giải thoát.

Đêm ấy, tất cả các ngọn đèn khác đều cháy hết dầu rồi tắt, riêng ngọn đèn của bà lão ăn xin vẫn cháy cho đến sáng. Sáng ra, tôn giả Mục Kiền Liên đi thăm đèn lại, thấy chỉ có một ngọn đèn còn cháy, ông tìm đủ mọi cách làm tắt nhưng nó vẫn cứ

RỒNG HIỆN

cháy. Đức Phật theo dõi việc làm của Mục Kiền Liên, nên Ngài đến gần bảo : “Có phải ông muốn dập tắt ngọn đèn này không? Ông không thể làm được, dù ông có múc tất cả nước của đại dương tưới lên nó. Vì ngọn đèn này đốt lên để dâng cúng với tất cả lòng thành, với tất cả sự thanh tịnh. Chính động cơ đó, nó đã tạo ra công đức thật là vô lượng”.

Khi đức Phật nói xong thì bà lão ăn xin đến lễ Phật, ngài đã thọ ký cho bà trong tương lai, sẽ thành Phật hiệu là Minh Đăng Vô Biên Quang Như Lai.

Bà Ngọc nghĩ, đó là một bài học khi làm Phật sự, khi cúng dường tam bảo, kết quả không do vật cúng nhiều hay ít, cúng nhiều thì phước báu nhiều, nhưng cúng ít hay nhiều mà thành tâm và thanh tịnh thì mới có công đức vô lượng.

Có một số tiền rồi, Ban Kiến Thiết mới mua một miếng đất, rồi cất lên ngôi chùa nho nhỏ, khi đặt tên chùa, người này đề nghị tên này, người kia đề nghị tên nọ, bàn qua, tính lại vẫn chưa vừa ý, sau rốt bà đề nghị để tên là : ' Liên Tông Tự '. Bà đã giải thích, có người theo tu theo ngôi thiên, đó là Thiên tông; có người tu chỉ niệm lục tự Di Đà, đó là Tịnh độ tông; có người chỉ trì chú theo Mật tông; có người chỉ tụng kinh, bây giờ mọi người cùng quy tụ lại ngôi chùa này, cho nên Liên Tông tự là ngôi chùa liên kết tất cả các tông phái Phật Giáo, mọi người nghe qua vừa ý nên chấp nhận, đặt chùa tên là Liên Tông Tự.

Tuần tự chùa đã an vị Phật, ở chánh điện chỉ thờ có tượng đức bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, tượng này có người hỷ cúng, tượng bằng thạch cao, sơn màu và thếp vàng, đức Phật ngồi thiền định trên toà sen, tượng cao đến hơn một thước, sau bức

tượng vẽ cây bồ đề với cành lá xanh tươi, hậu tổ chùa tôn trí tượng đức Bồ Đề Đạt Ma.

Đến hơn một năm chùa mới hoàn tất được như thế, nên đã thỉnh chư Tăng về làm lễ khánh thành, đông đảo người tham dự, có những người ở gần, cũng có những người ở xa, nghe tin bạn hữu báo cho biết nên đến, trước lễ Phật, sau cúng dường chư Tăng, mọi người đều hoan hỷ, mà hoan hỷ nhất là bà Ngọc, thật là vui như ngày hội ở xứ này, mọi việc thành tựu ngoài sự tin tưởng ban đầu của bà. Thấy bà làm được việc, quán xuyến mọi việc trong ngoài, nên nhiều người đồng ý cử bà làm Thủ tự.

Thấy chùa đã khang trang, thấy còn thiếu hình bóng uy nghi của Tăng già, nên nhiều người đề nghị thỉnh một vị Tăng hay Ni về trú trì, nhưng vẫn chưa đủ nhân duyên, nên đã có thỉnh mà chưa được.

Công việc chùa vẫn một tay bà Ngọc quán xuyến, hàng ngày bà đến chùa dâng hương, lễ Phật, tụng một thời kinh rồi quét dọn các nơi, mọi thứ trong chùa đều thân thiết với bà, lại nữa người ta hay quen miệng gọi chùa là chùa bà Ngọc, những thứ ấy dần dần bà quen đi, thành ra bà đã nhập tâm chùa của bà cũng như nhà của bà vậy.

Chùa Liên Tông ngày càng có đông người đến lễ Phật vào sáng Chủ Nhật, hay mỗi khi có chư Tăng về làm lễ vào những dịp lễ lớn như kỷ niệm ngày Phật Xuất Gia, Phật Đản, Vu Lan, Phật Nhập Niết Bàn, rồi những người Phật tử đi chùa thường xuyên, họ mới bàn tính và lập ra Hội Phật Giáo, họ còn bảo để Hội điều hành chùa thì đúng hơn, nhiều người tán thành và đã tổ chức bầu Ban Trị Sự Hội Phật Giáo.

Đến khi bầu cử, vài người đề nghị bầu bà làm Hội Trưởng, có người cho rằng bà rất có công nên bầu bà làm cố vấn, còn chức Hội Trưởng nên bầu cho một ông tháo vác, rồi người ta bầu cho ông Lãm làm Hội Trưởng và bầu một số chức vụ khác.

Ban đầu ông Lãm mỗi khi có việc còn hỏi bà Ngọc, khi ông đã hiểu tất cả, ông ta tự quyết mọi việc, đôi khi bà thấy có việc làm không đúng, bà yêu cầu làm theo ý bà, ông Lãm trả lời Ban Trị Sự đã quyết định làm như thế, ông ta không thể làm theo lời bà được.

Hai tháng đã trôi qua, Hội điều hành chùa, bà Ngọc vẫn hàng ngày đến chùa dâng hương, lễ Phật, tụng kinh và làm những việc của Thủ tự, việc hai năm qua bà vẫn làm. Tuần trước ông Lãm cho biết, Hội yêu cầu bà đừng tự ý làm bất cứ việc gì nếu không cho Hội biết trước, bà nghĩ chắc đó là ý kiến riêng của ông Lãm khi ông ta đã là Hội Trưởng, muốn có quyền hành, nhưng trong buổi họp của Ban Trị Sự vào đầu tháng hôm cuối tuần vừa qua, bà đã hỏi lại việc ấy, mọi người đều xác nhận đó là ý kiến của Ban Trị Sự. Ông Võ Hữu Hảo, Tổng Thư Ký còn nói rõ thêm là Hội quản trị chùa, vậy mọi việc của chùa do Hội quyết định, bà không có quyền như xưa nữa, mọi người khác im lặng đồng tình.

Bà Ngọc bỏ buổi họp ra về, bà hiểu ra, nay người ta đã hất cẳng bà ra khỏi chùa, người ta chẳng coi công lao bà ra gì hết. Bây giờ bà mới nhớ ra, gần đây có vài người nói với bà là Hội có thái độ hơi khác với bà đó, bà trả lời việc Phật sự mà, ai làm công quả nhiều thì phước đức nhiều, đừng nghĩ không tốt cho người khác, nay bà mới biết ra, người ta đã lập tâm lấy chùa từ trên tay của bà.

Bà nghĩ tâm người ta đã không tốt, đã làm chuyện như vậy thì họ còn làm những chuyện khác nữa cũng không tốt, bà cũng tự hỏi chùa là nơi để tu tâm, sửa tánh, tại sao người ta lại lấy chỗ đó để hơn thua, tranh quyền, đoạt chùa để làm gì ?

Sự việc xảy ra, trước tiên bà muốn nói cho mọi người biết, nhưng bà nghĩ lại, nói ra rồi người bàng quan sẽ cho rằng đạo của mình là xấu, chớ họ không cần phân biệt ông Ất hay bà Giáp làm việc xấu đó, cho nên bà im lặng, cam chịu.

Có những lúc bà nghĩ, việc Phật sự, ai làm được chi hãy để cho họ làm, nhưng rồi nghĩ miên man bà vẫn không vượt qua nỗi bức tường thành cố chấp của bà, bà nghĩ họ đã dám lấy chùa, thì họ sẽ còn dám làm những điều xằng bậy khác, nghĩ đến đây bà không thể hỷ xả cho họ, nhất là ông Hảo đã dám trắng trợn nói với bà như vậy, làm sao bà tha thứ cho họ được ?

Bà Ngọc cuối cùng đi đến kết luận là đã “mất chùa”. Chính niềm cay đắng mất chùa đó, làm cho bệnh bà nặng hơn.

Bệnh của bà Ngọc đến ngày thứ tư vẫn chưa thuyên giảm, chiều hôm đó có Ni sư Tịnh Tâm du hóa đến chùa Liên Tông, trước đây Ni sư đã từng ghé chùa vài lần nên biết bà Ngọc, nay nghe bà ta bệnh, Ni sư liền đến nhà thăm hỏi.

Bà Ngọc một dạ chí thành tôn kính tam bảo, nghe Ni Sư đến thăm, sức yếu bà cũng cố gắng ngồi dậy, chải gở tóc tai, sửa sang y phục rồi ra phòng khách chào Ni sư, Ni sư Tịnh Tâm hỏi về bệnh tình, bà Ngọc được dịp trút gánh tâm tư, nên đã kể cho Ni sư mọi việc rồi kết luận bà đã bị mất chùa. Ni sư muốn giúp cho tâm bà Ngọc được thanh tịnh liền hỏi :

RỒNG HIỆN

- Tôi muốn hỏi cô Diệu Ngọc, chùa ấy có phải do chính cô bỏ tiền ra xây hay không ?

- Thừa Ni sư, con bỏ ra một số tiền lớn, phần còn lại do nhiều người đóng góp.

- Như vậy là chùa của bá tánh, chứ đâu phải chùa của cô mà cô kêu là đã mất chùa!

Bà Ngọc có vẻ suy nghĩ rồi nói thêm :

- Nhưng trước đây người ta đã giao cho con làm Thủ Tự, nay họ lại không cho con được làm gì cả. Thừa Ni sư ! có phải họ đã giật chùa không ?

- Cô Diệu Ngọc à ! Hãy nghe tôi nói đây, đừng bị điên đảo nữa. Cô đã hiểu giáo lý nhiều hơn họ, cô Có tụng kinh Kim Cang chứ ?

- Dạ thưa Ni sư có.

- Như thế cô nhớ lại đi, Phật dạy cuộc đời là giả tạm, mọi thứ đều là huyễn hóa mà, hãy thương yêu mọi người để mà tha thứ cho lỗi lầm của họ, hãy bỏ tất cả, để giữ tâm mình cho thanh tịnh, “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” mà !

Những lời dạy của Ni Sư làm cho bà Ngọc chột tỉnh, bà ta nói :

- Bạch Ni sư ! Nhờ Ni sư chỉ dạy, nay con đã tỉnh ngộ, ngày mai hay một khỏi bệnh, con sẽ đến chùa sám hối.

Khuyên giải được bà Ngọc, Ni sư Tịnh Tâm hoan hỉ từ giả trở về chùa của mình.

Từ hôm bà Ngọc không đến chùa, nhân ông Thanh, Ủy viên nghi lễ, vừa mới nghỉ hưu cũng rảnh rang nên ông phát tâm mỗi sáng đến công quả ở chùa.

Vào buổi sáng, hai hôm sau khi Ni sư Tịnh Tâm thăm bà Ngọc, lúc ông Thanh đang tiếp khách ở văn phòng chùa thì bà Ngọc đến chùa, bà xách theo một giỏ đầy ấp hoa quả và nhang đèn. Nhác thấy bà Ngọc bước vào cửa để vào Chánh điện, ông Thanh vội vàng xin lỗi khách, hỏi vói theo bà Ngọc:

- Chào bà, bà đã khoẻ rồi phải không, lễ Phật xong, mời bà xuống đây dùng nước.

Bà Ngọc dùng bước nhìn về phía ông Thanh đáp :

- Cảm ơn ông Thanh, nay tôi đã khỏi bệnh, xin phép vào lễ Phật trước nghe.

Nói xong bà đi vào Chánh điện, hai hôm nay bà đã suy nghĩ và đi đến phát tâm chí nguyện tự thiêu, để cầu nguyện cho ông Trần Đại Lâm, ông Võ Hữu Hảo và những người khác sớm thức tỉnh để phụng sự tam bảo, làm cho đạo Phật ngày càng hưng thịnh.

Vào Chánh điện, bà mặc áo tràng vào, đem những trái cây dâng cúng đặt vào trong cái đĩa trên bàn Phật, hoa cắm vào bình, rồi dâng hương ở bàn Phật, bàn thờ Tổ, rồi bà xách cái giỏ đến giữa chánh điện ngồi xuống, nhìn không có ai, bà nhanh chóng lấy bình xăng trong giỏ, mở nắp ra rồi đổ từ trên đầu xăng chảy xuống khắp thân thể, trong khi đó bà cầu nguyện “Con xin đốt cháy thân này để cầu nguyện cho những người điên đảo sớm tỉnh ngộ, hồi tâm luôn luôn phụng sự cho đạo pháp” rồi bà bật chiếc quẹt gas.

RỒNG HIỆN

Ngọn lửa bùng cháy, bà Ngọc nhớ tới lời Ni sư Tịnh Tâm khuyên đừng điên đảo nữa, tâm đã bị xao động, bà cảm thấy toàn thân nóng dữ dội, hốt hoảng bà đứng lên chạy về phía văn phòng, lờ mờ qua ngọn lửa, bà thấy ông Thanh và người khách lạ, họ nhanh chóng chẳng ai bảo ai, phóng chạy thoát thân ra đường, mạnh ai nấy chạy, nấy la, bà không còn phân biệt là tiếng của ai với của ai nữa :

- Lửa cháy ! Cứu hỏa ! Lửa cháy ! Cứu hỏa !

Bà Ngọc không cố ý chạy đến chỗ hai người, mà quyết chạy nhanh vào phòng khách Tăng, bà biết rõ trong đó có chăn, có tấm trải giường, những thứ ấy bà cuốn người lại, không có không khí, lửa sẽ tắt, trong khi bà chạy, ngọn lửa tấp vào những tờ giấy thông cáo dán ở tường, bà chạy nhanh quá, không còn nhớ đến cái gạch lót thảm, bà vấp và bị ngã té nhào.

Bà đã kiệt sức, nằm đó nhìn thấy lửa phùng phùng cháy, khói lửa mù mịt khắp phòng. Vừa bị nóng, vừa đau ở chân, vừa sợ chết bà la thất thanh :

- Cứu tôi ! Cứu tôi với ! Bớ người ta !

Bà Ngọc được con gái đánh thức :

- Mẹ ! Mẹ ! Có chi mà mẹ mớ dữ vậy !

Bà vẫn còn sợ hãi, tim đập mạnh, mồ hôi ra ướt khắp người. Định thần lại, mừng như vừa được thoát chết, bà mỉm cười, tự nhiên thốt nên lời :

- Thật là điên đảo không thể tưởng !

HUỲNH ÁI TÔNG

- Mẹ bảo chi ?

Bà Ngọc biết con gái mình nghe nhầm, bà cảm thấy trong người đã khỏe, liền nói tiếp :

- Mẹ nhờ con có rảnh, đi nấu cho mẹ miếng cháo cảm.

- Ăn cháo cho khỏe, rồi con đưa mẹ lên chùa lễ Phật nghe mẹ !

Bà Ngọc không trả lời con, bà nghĩ tới câu “Phật tức tâm”, tìm Phật đâu ngoài tâm, nhưng mà Phật tâm khó đặt !

Memorial Day 1997

Cửa Không Sóng Dậy



Tâm Không

Ông Tư Liên đi nhanh đến chùa, khi ông vừa bước đến mái hiên nhà bếp, cơn mưa to ập đến, trời trở nên súp tối, con chó vện đứng chêm chệ giữa cửa nhà bếp, nó sủa inh ỏi, ông nghe tiếng một phụ nữ, tuy nói to nhưng giọng ôn tồn:

- Vện! Khách mà.

Ông thấy con chó bắt đầu chuyển mình đi vào trong, nó không sủa nữa, một người phụ nữ hiện ra ở cửa, chỗ con Vện vừa đứng sủa khi nãy, trong nháy nhem tối đó, ông thấy người ấy mặc bộ quần áo nâu sòng, nhờ đầu cạo trọc để trần, ông biết đó là một cô Vãi, cô ấy chấp tay vái chào ông trước:

- Mô Phật! Chào chú.

Ông Tư đáp lại:

- Chào cô! Trời mưa bất tử, xin cô cho phép tôi đút mưa một lát?

- Dạ! Mời chú bước lại bàn ngồi nghỉ chân.

Cô Vãi vừa nói vừa lấy tay chỉ bộ bàn ghế, nó ở về phía tay trái, bên cạnh chỗ ông đứng. Ông Tư bước lại bàn, chọn chỗ ngồi lên cái băng dài, lưng quay ra bên ngoài, mặt nhìn về phía cửa nhà bếp, ông nhìn thoáng qua, trên bàn có sáu ly thủy tinh nhỏ, tất cả úp trên cái đĩa bàn bằng sành, bên cạnh đặt một vỏ bình trà, nó được làm bằng vỏ trái dừa khô, loại vỏ bình tích này, ngày nay cũng hiếm có người dùng, đối diện với ông, phía bên kia bàn cũng là cái băng gỗ dài. Cô Vãi bước lại bàn, tay phải đỡ nắp vỏ bình rồi nắm quay bình kéo ra khỏi vỏ, tay trái lấy một cái ly, cô Vãi đưa hai tay lại gần nhau, rót nước vào ly gần đây, một tay cô Vãi để ly nước trước mặt ông, còn tay kia để bình trà vào vỏ, đặt nắp lại rồi nói:

- Mời chú dùng trà, bình vừa mới châm, nước còn nóng uống cho ấm bụng, chú nghỉ ngơi một lát, tôi sẽ dọn cơm lên mời chú ăn, trời mưa này dai dẳng, đến sáng chưa chắc đã dứt hột.

Ông Tư vói tay bưng ly nước, tay chạm vào ly, ông cảm giác nước còn nóng, ông uống một hớp nước ấm, ngoái lại nhìn ra ngoài, mưa vẫn còn nặng hột, ông bắn khuẩng không biết làm sao xuống núi cho kịp với đoàn du lịch của ông, nhìn ra xa, thấp thoáng ánh sáng mờ nhạt sau bức màn mưa, ông tự hỏi ở đó là chân trời hay góc biển?

Khi ông quay lại, cô Vãi đã đi vào trong bếp tự lúc nào, bỗng ông thấy có một người đội nón lá, ven theo hông chùa đi vào

RỒNG HIỆN

phía ông, khi người ấy còn cách cái sân tới nhà bếp, ông Tư nghe giọng lạnh lót, ông mới biết đó là một cô gái:

- Cô Ba ơi! Cô Ba, có tin quan trọng nè!

Tiếng cô Vãi từ trong vọng ra, hỏi dồn dập:

- Tin gì mà quan trọng ! Phải đợi mưa mà đi vậy Lan ? Phải tin của ông Thầy không?

- Dạ phải ! Chú Ba con ra cho hay, nhà thương bảo ngày mai cô phải vào đó, đăng ký giấy tờ gì mà cháu quên rồi!

Rồi cả hai im lặng, Lan đã bước lên bậc thềm nhà bếp, bỏ chiếc nón lá ra, vẫn mặc chiếc áo đi mưa, trời đã tối, ông không còn nhìn rõ màu của nó đen hay xanh, Lan vẫn tiếp tục bước về phía cửa, cô Vãi đã đứng đó, một tay vịn cột cửa, người cô gần như tựa vào đó, Lan đến gần bên rồi dừng lại, hai người vẫn im lặng một lúc, cô Vãi bỏ tay ra, nói giọng bình tĩnh:

- Cháu làm ơn vào trong lấy cây đèn hột vịt, đem để ở bàn nước, có chú khách lỡ đường ngồi kia, rồi cháu dọn cơm cho chú ấy dùng, nếu cháu đói thì dùng trước, còn chưa đói thì chờ cô, cô phải đi lễ Phật, tụng kinh và cầu an cho Thầy.

- Thưa cô, còn chú Minh Thọ đâu?

- Cô nhờ chú ấy đi sang Hang Hồ từ sáng sớm, báo cho Sư cụ hay đã đưa Thầy đi bệnh viện, và biếu cho Sư cụ gói trà, sao lại chẳng thấy chú ấy về !?

- Thưa cô, con nhớ ra rồi, lúc trời mưa, con có thấy một người đi hấp tấp phía trước, hình như chú Minh Thọ, theo sau là một

cô gái, vì trời mưa, con không nhận ra lạ hay quen, họ đi ngược chiều với con, có lẽ ra lộ xe.

Cô Vãi nói như tự hỏi:

- Không lẽ vậy?

Nói xong, cô Vãi và Lan đi vào trong, ông Tư nghe hình như hai cô trau đổi nhau vài câu, rồi Lan cầm chiếc đèn nhỏ, đi ra đặt xuống bàn, cạnh đĩa ly trước mặt ông, nhờ ánh đèn, ông Tư nhìn và đoán chừng Lan trạc tuổi hai mươi, mặc một bộ bà ba đen, tóc uốn, gương mặt tròn hiền hậu. Khi Lan quay lui, đi vào nhà bếp thì cô Vãi đi ra, cô khoác chiếc y vàng, đi nhanh qua sân để tránh mưa ướt, cô bước lên ba bậc thêm vào chánh điện.

Ngồi một mình, ông Tư lại nhớ đến đoàn đi hành hương thập tự của ông, ông cảm thấy ở đây vắng vẻ, cô liêu, xung quanh ông bóng đêm bao trùm, chỉ phía sau lưng, không có cây án ngữ, thấy được một màu trắng đục, mưa vẫn còn rơi lộp độp trên mái chùa, trên những cành lá gần bên. Bây giờ, ông có muốn xuống núi cũng không biết đường mà đi, có đi cũng phải bước trên những phiến đá trơn trượt, nguy hiểm vô cùng, gần hay xa ông nào có biết, ông tự trách mình tại sao lại nằm ngủ không báo cho ai biết, họ đã quên ông hay có nhớ mà tìm không ra ? Sao lại dung rui đến ngôi chùa này, giờ thì chỉ còn có cách xin cô Vãi cho ăn một bữa, ngủ lại một đêm, ông bỗng nhớ tới người bạn già hàng xóm, thỉnh thoảng cả hai phải ngồi nán lại trong quán cà phê đầu ngõ, chỉ vì cơn mưa đã cầm chân họ, ông ta hay đọc câu thơ, không biết ông Tám lấy của ai, có đúng nguyên văn không?

*Vũ vô kèm tảo năng lưu khách,
Sắc bất ba đào dị nịch nhân.*

RỒNG HIỆN

Ông ta còn ghẹo bà chủ quán tuổi ngoài sáu mươi:

- Bà Năm! Chúng tôi muốn về nhưng vì cái đẹp lão của bà nên nán ngồi lại đó nghe!

Bà Năm chủ quán cũng vui tánh, chịu khách nói theo:

- Có phải vậy không đó? Chớ không phải có dịp cho hai ông ngồi nhìn trời, nhìn đất, nhìn thiên hạ qua lại, rồi về nói với bà Tám, đồ thừa cho ông Trời, tại ông mưa hay sao nè!

Ông Tư bỗng cảm thấy vui trong lòng, tự nhiên mỉm cười, ông nhìn đến chỗ cửa nơi cô Vải đã đi vào, chỉ có nơi ấy le lói ánh sáng, chùa lợp ngói âm dương, tường đóng vách bồ kho, những cửa sổ lá lách, cửa ra vào đều đóng kín. Rồi trong ấy phát lần ra tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng ngân nga cô Vải tụng kinh, bên ngoài trời vẫn mưa, đêm tối vây quanh, ông Tư thấy lòng buồn vô hạn, ông chắc lưỡi buông một câu than thở:

- Sao lại lạc đến đây hè!

*

Ở dưới chân núi, mưa vẫn còn nhưng đã nhẹ hột, giọng một người đàn ông nói:

- Xin mời bà con chuẩn bị lên xe, bây giờ còn phải chạy gần hai trăm cây số đó nghe bà con.

Sau khi nghe người chủ xe lên tiếng, mọi người nhao nhao lên, kẻ nọ gọi người kia, họ sắp xếp những đồ tế nhuyễn vào giỏ xách, họ chuẩn bị lại cách ăn mặc cho thơm mát, có người mặc áo trắng, lần lượt họ vào chánh điện chùa Phật Quang để lễ Phật trước khi ra về.

Chùa xây tô, hai mái lợp tôn, bề ngang chừng sáu thước, bề sâu độ bốn thước, mặt tiền ở giữa có thờ ông Tiêu diện, cửa ra vào ở hai bên, trong chánh điện có thờ Hộ pháp, tượng cao chừng tám tấc, ở giữa gần vách sau, thờ tượng đức Bôn sư cao chừng một thước, tôn trí trên bệ đức xi-măng vuông vức, cao chừng một thước, cạnh dài hơn một thước, Ngài đang ngồi an nhiên tĩnh lặng, nét mặt thoảng một nụ cười an lành. Thầy trụ trì Giác Hạnh, tuổi ngót sáu mươi, mặc áo lục bình màu lam, đang đứng cạnh bàn thờ, nét mặt Thầy luôn luôn hoan hỉ, Thầy gióng từng tiếng chuông chậm rãi, cho Phật tử lễ Phật.

Phía sau lưng tượng đức Bôn sư, tôn trí tượng Sơ tổ Đông độ Bồ Đề Đạt Ma, Ngài đang quảy một chiếc dép, tượng bằng danh mộc, màu nâu, cao chừng sáu tấc.

Có người chỉ lễ Phật, có người lễ Phật xong, bước ra sau lễ Tổ rồi mới lui ra.

Ở ngoài sân, trời vẫn còn mưa, hai ngọn đèn típ thước hai, một treo ở trước cửa chánh điện, một treo ở nhà khách, đủ tỏa ánh sáng ra sân, nơi đó có chiếc cột sắt để treo phướn hay cờ, đang để trống, nó được làm bằng cọc sắt áp chiến lược. Chiếc xe đồ lớn đã chạy máy, tài xế ngồi vào vị trí, trong xe mở đèn sáng, nhiều người đàn ông lẫn đàn bà, họ đã lên xe ngồi, những người khác vẫn còn lục tục lên xe, họ đi từ chánh điện, từ nhà khách hay từ trong nhà bếp, trời mưa sân chùa ướt át, ai cũng muốn đi nhanh cho khỏi ướt quần áo, nhưng họ vẫn phải đi chậm chạp vì phải tránh những vũng nước, đàn bà một tay giữ hai ống quần cho bùn sinh khỏi lấm, một tay còn phải lấy tờ báo che đầu cho khỏi ướt vì nước mưa, lại có người xách dép, đi chân đất.

Tài xế vừa dùng khăn lau tay lái vừa nhìn vào kiếng chiếu hậu, nói to giọng:

RỒNG HIỆN

- Bà con sáng ngồi chỗ nào, bây giờ ngồi dùm chỗ đó, xem chỗ nào trống, làm ơn cho biết nghe!

Tiếng một thanh niên, ngồi ở giữa xe, phía tài xế nhanh nhẩu nói to:

- Còn ông Tư ngồi bên cạnh tôi đây, không thấy ông từ hồi chiều đến giờ Bác tài ơi!

Tài xế hỏi tiếp:

- Có ai thấy ông đâu không?

Mọi người im lặng giây lát, người đàn ông ngồi phía trước, bên tay phải tài xế nói:

- Ông có đi tắm ở Suối Tiên, tui với ba bốn người nữa ra về sau cùng không có ông trong đó, tui nghĩ chắc ông đã về trước với mấy người khác rồi.

Tài xế hỏi người bên cạnh đó, giọng vừa đủ nghe:

- Bác có thấy quần áo của ông ở đó hay Bác có gọi to cho mọi người biết, để ra về hay không?

- Hồi đi tắm, ông để quần áo chung với mọi người, khi ra về, tui có cẩn thận để ý xem xét, chỗ đó không còn quần áo ai cả, tui nghĩ mọi người đã ra về nên không có kêu gọi chi hết.

Tài xế lại lên giọng hỏi to:

- Bà con có ai đi tắm suối, rồi về chung với ông Tư hay không?

Mọi người im lặng, người đàn ông ngồi bên cạnh tài xế lại nói:

- Hồng lẽ ông đi mình  n! Mà đi  u?

Một người đàn bà x n x n, mặc nguyên bộ bà ba đen, ngồi sát hồng xe ở cửa lên xuống phía trước, bà ta nói:

- Chắc ông đi lạc rồi! Tội nghiệp, mưa này lạnh chết! Ai chịu khó đi kiếm d m ông đi?

Anh thanh niên hồi n y lên tiến :

-  m tối, trời lại mưa, đường đi trơn trượt nguy hiểm, núi cao, rừng cây um t m biết  u mà tìm?

Tiếng một người đàn bà khác ở cuối xe nói vọng lên phía trước:

- Bây giờ chờ  i ông hay sao Bác tài?

- Biết chừng nào ông về mà  i! Mình phải đi về, từ đây về tới nhà cũng phải mười một mười hai giờ  m, mai tôi còn chạy tài nh t, khởi hành lúc năm giờ sáng. Mình về rồi mai ông về sau.

Anh thanh niên th c m c:

- Rủi ông không mang theo tiền làm sao đi xe về Bác tài?

Tài xế giải  p th c m c của anh thanh niên, cũng để nói cho mọi người an lòng:

- Chắc chắn ông có tiền, nếu không có, ông mượn  r ai  ó, về dưới tôi trả lại cho ông mà, bà con yên tâm.

Giọng một người đàn bà khác ở phía sau xe, nói:

RỒNG HIỆN

- Bỏ ông lại, tội nghiệp quá bác tài ơi!

- Xin Bà con đừng ngại, ông Tư bà con với vợ tôi, tôi biết ông có tiền mang theo trong người mà.

Một người khác nhanh nhẩu nói:

- Coi chừng người ta biết ông có tiền, người ta cướp của giết người, dấu mắt tích đó nghe.

Tài xế nói cho mọi người an tâm:

- Ông Tư có võ Thiếu Lâm tự, cỡ tôi mà hai người, ông chấp đó. Lên đủ hết chưa bà con? Thôi chúng ta đi!

Thầy trú trì tiễn đến người chót lên xe, Thầy vẫn còn đứng nơi hàng hiên của Chánh điện, tài xế rõ ga, xe từ từ lăn bánh, Thầy vừa cười vừa nói với theo:

- Quý Phật tử về mạnh giỏi, rán ăn chay niệm Phật, lâu lâu tổ chức đi chùa lễ Phật nghe!

Xe ra khỏi sân chùa, chạy trên đường đất đỏ, lắc lư trong cơn mưa, tài xế vừa lái xe, vừa suy nghĩ: nếu ngày mai ông Tư vẫn chưa về, chắc phải cho người đi tìm ông ta, lúc nãy anh nói cốt để cho mọi người an tâm. Nhiều người trên xe, tuy họ không nói ra nhưng vẫn còn lo ngại cho ông Tư, họ bị ám ảnh về một ý nghĩ: Ông Tư đã đi lạc hay rủi bị nạn tai rồi?

* *

Lan bung ra một mâm cơm, trên mâm cơm bằng nhôm tròn đó, có một tô canh xiêm lo ở giữa, một đĩa nhỏ món kho, một đĩa nước tương, bên cạnh có một trái ớt hiểm chín đỏ, một chén đã bôi cơm vừa đầy, bên cạnh chén có một đôi đũa tre với một cái

HUỖNH ÁI TÔNG

muỗng, một thỏ còm, và nải chuối sứ chín đã thâm kim, tất cả tồ chén đĩa đều bằng sành.

Sau khi đặt trên bàn nước trước mặt ông Tư, Lan chấp tay lễ phép mời:

- Dạ ! Mời Bác dùng còm.

- Cám ơn cháu!

Lan mời khách xong lại quay vào trong nhà bếp, ông Tư bắt đầu dầm ớt vào đĩa nước tương, thức ăn đều nguội, xiêm lo nấu từ thân cây chuối già xắt lát thật mỗng, món kho xả thì cũng xắt từ lõi cây chuối, chỉ có còm còn hơi ấm, ông Tư ăn rất ngon miệng không phải vì thức ăn ngon mà chỉ vì quá bữa, trời mưa nên bụng đói.

Ông Tư ăn chừng nửa bữa còm, Lan bước ra, tay xách áo mưa, tay cầm nón lá, đi lại gần bàn nước nói với ông:

- Thừa bác! Nhờ bác nói lại với cô Ba, cháu có việc phải về gấp, không thể ở lại được.

- Ủm! để qua nói lại cho cháu, nhưng mà này! Cháu về đâu? Bây giờ chừng mấy giờ rồi?

- Dạ thưa bác bây giờ đã hơn tám giờ tối, nhà cháu ở dưới chân núi, giữa đường ra lộ xe.

Ông Tư ngần ngại hỏi tiế :

- Bác có thể đi theo cháu xuống núi để ra lộ đón xe về hay không?

Lan ngập ngừng trả lời:

RỒNG HIỆN

- Thưa bác! Cháu nghĩ bác nên ngủ lại đây đêm nay tốt hơn, trời vẫn còn mưa nên đường tối mò khó đi, trơn trượt nguy hiểm cho bác.

- Cháu nói có lý, bác đành xin cô Ba ngủ lại vậy. Thôi cháu về đi, mặc áo mưa vào kẻo ướt mình bị cảm.

Lan vừa mặc áo mưa vừa chào ông Tư

- Thưa bác cháu về!

- Chào cháu!

Lan chậm rãi bước xuống thềm, nòng đi ven theo hông chùa, từ từ tiến ra phía cổng trước rồi khuất dạng trong màn đêm, để ông Tư lại với mâm cơm, ông Tư tiếp tục bữa cơm, ông nhớ tới chuyến xe hành hương thập tự hôm nay, không có ông trên xe họ sẽ làm gì ? Họ đợi ông, đang tìm kiếm ông hay xe đang chạy trên đường về, ông cảm thấy mình lạc lõng giữa rừng núi, nơi một ngôi chùa vắng vẻ này, ông lại thắc mắc : Tại sao mình lại đến chốn này? Ông ăn mà không chú ý đến bữa ăn, miên man nghĩ ngợi.

Đến khi tráng miệng, ông Tư ăn đến hai trái chuối, có người thích ăn chuối vừa chín tới, còn ông lại thích ăn chuối chín gần rục, nó ngọt và mềm hơn.

Mưa vẫn còn lất phất rơi, ông Tư vừa uống ngụm nước trà vừa để ý lắng tai nghe, tiếng chuông, mõ và tiếng cô Vãi đã ngưng tự lúc nào, ông đoán thời kinh đã xong, ông nhìn lên chùa, cô Vãi đã đóng cửa, cô đang quay lại bước qua sân vào nhà bếp, cô vẫn còn mặc nguyên chiếc y vàng đi thẳng vào trong.

HUỖNH ÁI TÔNG

Hơn một khắc sau, cô Vãi trở ra với bộ nâu sòng, cô có ôm theo mừng mừng, đi qua chái bên kia rồi quay trở lại bàn nước để dọn dẹp mâm cơm, ông Tư mở lời:

- Thừa cô, cháu Lan đã ra về, cháu có nhắn lại với cô, cháu có việc nhà phải về gấp, không thể chờ cô. Tôi định theo cháu xuống núi, nhưng cháu ấy bảo tôi không nên vì đường trơn trượt, xin cô vui lòng cho tôi tá túc ở chùa đêm nay.

Cô Vãi vui vẻ trả lời:

- Dạ mời chú nghỉ lại chùa, tối rồi chú đi nguy hiểm lắm, cháu Lan ở đây quen rồi, thuộc lòng đường đi ban đêm, cháu ấy cũng ít khi đi lúc trời mưa, có tin của ông Thầy nên cháu Lan mới đi như vậy.

Ông Tư hỏi cho có chuyện nói:

- Cô đã dùng cơm chưa?

- Dạ tôi vừa mới dùng cơm xong, tôi đã giảng mừng và để mền gối ở chái bên kia, chừng nào ngủ mời chú qua bên đó, chú xách ngọn đèn này theo để trên kệ, bên ấy có vách và cửa ngủ đỡ lạnh. Để tôi châm nước sôi cho chú uống, bây giờ nước lạnh, chắc chú uống không ngon.

- Dạ được rồi, phiền cô quá.

Cô Vãi vừa lấy bình trà để lên mâm cơm vừa nói:

- Có chi đâu, lâu lâu chú mới tới chùa một lần mà! Cửa chùa rộng mở, lại có bốn phận tiếp đón khách thập phương chu đáo.

Ông Tư nói đùa một câu:

RỒNG HIỆN

- Cô nói thế, chớ cô mới vừa đóng cửa khi nãy.

- Thời buổi này yên ổn, nhưng có con khi, nó hay vào chùa kiếm thức ăn, có khi nó vào tới trong chánh điện nữa.

Nói xong, cô Vãi bụng mâm cơm đi vào trong bếp, không lâu cô trở ra với bình trà, cô nói :

- Mời chú dùng trà, nước nóng chắc ngon hơn.

Ông Tư có thắc mắc nên hỏi:

- Hồi nãy cô nói có con khi vào chánh điện, sao nó dạn quá vậy?

Cô Vãi kéo một chiếc ghế ở cuối bàn, đem đặt sát vách nhà bếp, cô ngồi xuống rồi mới đá :

- Ở đây có một bầy khi chừng hai mươi con, chúng nhát lấm, chỉ đến chung quanh chùa kiếm ăn, riêng con khi nọ không ở chung bầy, trước có Thầy Sáu ở chùa Liên Hoa nuôi nó, sau con khi ấy làm hỗn với đàn bà, ông ta đánh dạy nó vài roi rồi đem lên đây thả, nó quen với chùa chiền rồi, nó cũng không sợ người.

Cô Vãi nói thêm:

- Tháng trước có một Phật tử lên đây ở vài hôm, một buổi sáng ông ta ra ghềnh đá trước cổng chùa, chọn chỗ ấy thanh vắng khoảng khoát, ông ta ngồi thiền. Khi xả thiền, ông ta thấy nó ngồi một bên, tưởng nó dạn và đã biết tu, nên lấy tay vỗ nhẹ lên đầu nó, để tỏ ý thân thiện, không ngờ nó lại nhảy lên, ôm đầu ông ta, cắn vào trán một cái rồi bỏ chạy, còn ông ta lấy tay bùm trán đầy máu me đi vào chùa, rồi ông ta bệnh có lẽ vì nọc khi, phải nằm dưỡng bệnh cả tuần, sau đó bớt mới đi về nhà.

Ông Tư liên tưởng đến mình nên buông lời tự hỏi:

- Sao vậy hè ?

Cô Vãi không biết ông Tư thắc mắc điều chi nên hỏi lại:

- Thưa chú! Chú thắc mắc điều chi?

- Tôi không hiểu vì sao con khi ấy lại đến đây, để rồi phá phách cửa thiền? Cũng như tôi, tại sao lại lạc đến ngôi chùa này?

Cô Vãi ngập ngừng mới đáp:

- Thưa chú, mọi việc điều có nguyên nhân, con khi ấy vì là khi nuôi, nên không nhập được vào bầy khi rừng kia, nó đã được người nuôi, nên tìm cách gần người để kiếm thức ăn mà sống.

- Vậy còn tôi, vì tôi ngủ quên, vì trời mưa hay vì cái gì mà tôi lại phải đến đây?

- Tôi không hiểu tại sao chú lại có thắc mắc lớn, về nguyên nhân đã đưa chú đến chùa này, chú không chịu vì trời mưa, chú cũng không chịu vì chú đã ngủ quên, hình như chú bị liên quan đến một thắc mắc gì khác, phải không chú?

- Có lẽ đúng như vậy cô à! Có lẽ vì tôi lạc vào ngôi chùa này, nó gọi cho tôi thắc mắc lớn trong đời, mà chắc ai cũng vậy, đó là thắc mắc: Con người do đâu mà có ?

Cả hai im lặng sau câu nói của ông Tư, cô Vãi muốn trả lời nhưng lựa chọn cách trình bày cho ông Tư dễ hiểu, cô hỏi thử ý ông Tư:

RỒNG HIỆN

- Hôm nay đi nhiều chắc đã mệt, chú có cần đi nghỉ sớm không?

- Tôi đã ngủ một giấc trưa, hơn nửa lớn tuổi rồi, ngủ cũng ít mà thôi.

- Vậy để tôi trình bày cho chú biết một chút.

Cô Vãi bỗng ngưng ngang, lại hỏi qua câu khác:

- Xin lỗi, tôi quên hỏi chú theo Đạo chi?

- Không nói dấu gì cô, gia đình tôi thờ cúng ông bà, hồi còn nhỏ chừng chín, mười tuổi thỉnh thoảng tôi theo mấy người lớn tuổi hàng xóm, đi đến chùa lạy Phật. họ đọc kinh gì mà mỗi khi hết câu, ông Thầy tụng chuông một cái bong, mình lạy một lạy, quỳ lạy lên, lạy xuống ở chiếc đệm trải trên nền đất gồ ghề, lạy xong đau cả đầu gối, để bù lại được ăn kiểem hay chè trôi nước.

Ông Tư rót nước, hớp một hớp rồi tiếp:

- Mấy năm trước tôi vượt biên, vợ chồng tôi bị bắt, nhà cửa bị tịch thu, bà nhà tôi mất, tôi buồn nên hay đi đó đi đây, thường theo các đoàn hành hương, như đoàn hành hương hôm nay đi thập tự, tôi lạc đến đây thành ra hơn họ được một chùa, bây giờ cho là theo Đạo Phật cũng được.

- Chú đã quy y, thọ giới chưa?

- Chưa cô à!

Chợt nhớ ra, cô Vãi hỏi tiếp:

- Xin lỗi! Chú thứ mấy?

- Tôi thứ tư .

- Thừa chú Tư, chú nói theo Đạo Phật, tôi đề nghị chú nên sớm quy y Tam bảo và thọ giới cấm, như thế mình mới là người Phật tử.

- Cô nói cũng phải.

- Bây giờ tôi xin trở lại thắc mắc của chú, nó hơi dài dòng. Người ta ai cũng muốn biết cái nguyên nhân đầu tiên, con người do đâu mà có, nhiều tôn giáo giải thích khác nhau, triết học cũng có tham vọng giải thích vấn đề này, nhưng mà đức Phật, Ngài không giải thích, chẳng những vậy, một hôm Ngài Ma Ha Ca Diếp ngồi thiền để tìm nguyên nhân sanh và tử của con người, đức Phật đã hiện ra và dạy Ngài Đại Ca Diếp rằng việc đó chỉ có các đức Phật mới hiểu được mà thôi.

Cô Vãi ngưng một chút như để cho ông Tư có thời gian suy nghĩ rồi tiếp:

- Chú Tư biết không, con người quen đơn giản vấn đề, giả dụ người ta tưởng rằng có một người đầu tiên và tiếp theo là câu hỏi: Cái gì làm ra để có người đầu tiên đó? Nhưng ngay cái đơn giản đó đã sai rồi. Giả dụ có một người đầu tiên, nhưng một người đầu tiên ấy, không thể sanh ra người thứ hai và làm gì tiếp theo có nhân loại ngày nay? Có phải vậy không chú Tư?

Ông Tư như bị một búa bổ thứ hai vào đầu, hỏi người con gái ông học thi Tú Tài toàn phần, đi học về nói với ông : "Hôm nay, ông thầy dạy triết nói về bản chất của vũ trụ, sau đó ông hỏi đồ học sinh trong lớp, cái trứng gà có trước hay là con gà có trước?". Đêm nay cô Vãi lại nói không có Một người đầu tiên. Phải rồi, nếu chỉ có một người đầu tiên, người ấy là bán nam, bán nữ, là nữ hay là nam, một người như vậy không thể sanh ra người thứ hai, rồi làm gì có người thứ ba, thứ tư và cho

đến cả nhân loại ngày nay! Nhất búa này làm cho ông hơi vỡ lẽ, ông hỏi tiếp:

- Thưa cô, vậy Phật dạy ra sao về vấn đề này?

- Thưa chú Tư, Phật không dạy người ta tìm để biết một chuyện không có ích chi hết, Phật dạy cho người ta biết, trần gian là bể khổ triền miên, dạy cho người ta biết nhiều phương pháp tu chỉ để thoát có một cái khổ, Phật lấy ví dụ: Người kia bị một cây tên có tẩm thuốc độc bắn, giống như chúng ta ở trong biển khổ, Phật như ông thầy thuốc đến để gỡ mũi tên ra và trị thuốc độc, người bị thương bảo : Hãy chờ tôi tìm hiểu xem ai đã bắn mũi tên đó? thuốc độc này là loại gì? Ở đâu ra? ? Tìm chưa được câu trả lời, người bị thương đã thấm thuốc độc mà chết rồi!

- Vậy làm sao giải đáp thắc mắc ấy?

Cô Vãi hỏi một hơi và tự trả lời các câu hỏi đó:

- Chú Tư lạc đến đây có phải do trời mưa không? Phải. Có phải do chú ngủ quên không? Phải. Có phải do không có ai gọi chú thức dậy không? Phải. Có phải do chú đi tắm Suối Tiên không? Phải. Có phải do chú đi hành hương thập tự không? Phải. Có phải vì có người mời chú đi hành hương không? Phải. Có phải vì chú đã từng đi chuyến trước, nên họ mời chú đi chuyến này không? Phải. Có phải vì thím mất nên buồn chú đi hành hương không? Phải. Tôi có thể đặt ra hàng trăm câu hỏi, nó đều có liên quan đến việc chú lạc tới đây. Như vậy cái nào cũng là nguyên nhân cả, dĩ nhiên trong đó có một nguyên nhân chánh gọi là nhân, những nguyên nhân phụ gọi là duyên, đầy đủ nhân duyên thì sự vật sanh ra, không có gì tự nhiên một mình nó mà có.

Đức Phật nói có hằng hà sa số thế giới, nghĩa là số lượng thế giới nhiều như số cát ở sông Hằng bên Ấn độ, chúng ta lại đơn giản chỉ có một thế giới, một con người mà thôi, đơn giản chỉ cái đơn giản không có đó. Tôi thích một Thiền sư hay nói: Sự vật có nó do trùng trùng duyên khởi. Xin chú đừng thắc mắc tại sao chú đến chùa này, nó là cái duyên đó chú.

Ông Tư lắng nghe và suy nghĩ, cô Vãi ngừng một chút rồi nói:

- Tôi có một việc nhờ chú, không biết chú có sẵn lòng giúp không?

- Việc chi cần, xin cô cứ nói, nếu làm được tôi rất sẵn lòng.

- Chắc chú đã nghe và biết, ông Thầy của tôi tức là vị trú trì chùa này đây, đã đưa đi nằm bệnh viện, có thể bệnh viện gọi tôi vào đó để đóng tiền hay ký giấy cho bác sĩ mổ ông Thầy cũng nên. Ông Thầy luôn luôn dạy tôi, không nên đi đâu vắng mà không có người trông nom chùa, không nên để cho nhang tàn, khói lạnh, phải luôn luôn đều đặn có những buổi công phu, sáng kinh chiều kệ.

Ông Tư hỏi:

- Vậy ngoài ông Thầy và cô, chùa không còn ai hết hay sao?

Giọng cô Vãi hơi trầm buồn:

- Còn có chú Minh Thọ, như chú Tư đã biết, đến nay chú ấy vẫn chưa về, tôi nghĩ nếu đến ngày mai, chú ấy vẫn chưa về kịp, đã có chú trông nom chùa, tôi khỏi lo.

- Cô đi chừng nào về?

RỒNG HIỆN

- Có lẽ chiều tôi về tới, nếu tôi về trễ, chú sẽ ngủ lại thêm một đêm nữa, rồi sáng ngày mới chú sẽ về.

- Như cô biết đó, tôi đi lạc đến đây, ngày mai chắc nhiều người trông đợi tôi về, tôi mà ở trễ thêm ngày chắc họ không an tâm.

Ông ngập ngừng rồi nói tiếp:

- Tôi đề nghị cô như vậy, nếu ngày mai, bất cứ chú Minh Thọ về chùa lúc nào, tôi giao chùa cho chú ấy, để ra về càng sớm càng tốt, cho bà con họ khỏi phải trông tin tôi. Cô làm ơn cho tôi biết, tôi ở chùa phải làm gì? Gõ mõ, tụng kinh tôi đâu có biết! Làm sao để tôi nhận ra chú Minh Thọ mà giao chùa cho chú ấy?

- Cảm ơn chú Tư đã nhận lời, chú nghĩ như vậy cũng phải, ngày mai chừng nào Minh Thọ về, chú Tư giao chùa cho Minh Thọ để ra về. Còn việc ở chùa, chú không biết tụng kinh thì xin chú thầy nhang tàn thì thấp tiếp ở bàn Phật, bàn hậu Tổ, mỗi lần thấp nhang, chú nên thỉnh ba tiếng chuông và lạy ba lạy. Còn chú Minh Thọ, vào chùa tu từ năm lên mười hai tuổi, nay đã hai mươi, nhỏ con, hơi gầy, nước da ngăm đen, dĩ nhiên là cạo tóc nhưng nay đã lên cao, còn râu tháng cạo một lần nên nay đã lúng phúng vài sợi.

Cô Vãi đứng lên, nói tiếp:

- Thôi chú đi nghỉ, có lẽ cũng gần bước qua canh ba, tôi đi niệm Phật. Ngày mai tôi dậy sớm, nấu cơm và thức ăn để sẵn, đến giờ ăn xin chú vui lòng xuống bếp dọn lấy thức ăn.

- Cảm ơn cô, mọi việc tôi lo liệu được, xin cô nhớ xong việc thì về sớm cho.

Bên ngoài vẫn lát phát mưa rơi.

Cô Vãi bước vào trong nhà bếp, cô đóng cửa lại chừng một khắc sau, nghe tiếng cô niệm Phật thanh thót và chí thành "Nam mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật,".

Còn ông Tư, đi về phía chái bên kia một lát, ông mới trở vào phòng nằm nghỉ, ông nghĩ tới ngày mai ông sẽ ở lại chùa, một mình giữ chùa, có thì giờ cho ông suy nghĩ những gì cô Vãi đã nói về giáo lý đạo Phật. Và sẵn dịp, ông sẽ sắp xếp vài câu hỏi để nhờ cô Vãi giải đáp cho, triền miên suy nghĩ, ông đi vào giấc ngủ nhẹ nhàng, bên tai còn mơ màng nghe tiếng niệm Phật của cô Vãi : ... Nam Mô A Di Đà Phật

* * *

Ông Tư thức dậy, nghe tiếng cô Vãi tụng kinh trên chùa, ông cảm thấy thoải mái và nhận ra mình đang nằm trong chùa, ông đoán có lẽ trời gần sáng, nghe chừng như mưa đã tạnh, nhưng khí lạnh của núi rừng còn vương lại đó, ông vẫn nằm và chú ý lắng nghe tiếng tụng kinh, không nghe rõ được câu nào, ông đoán cô Vãi đang tụng chú, vì tiếng cô nhanh, mõ gõ cũng nhanh.

Nằm một chút rồi ông cũng phải dậy, để tìm nước rửa mặt, súc miệng, mở cửa bước ra bên ngoài, ông thấy trời đã tờ mờ sáng. Lúc ông trở vào, cô Vãi vừa tụng kinh xong, cô đang bước lên thềm đi vào nhà bếp, thấy ông đã thức dậy, cô nói:

- Tôi có châm sẵn bình nước, để chú Tư dậy sớm dùng cho ấm.
- Cám ơn cô, phiền cô quá!
- Dạ không có chi! Thường ngày tôi vẫn làm như thế cho Thầy dùng, nay trở thành thói quen, để tôi nấu cho chú Tư một gói mì ăn điểm tâm.

Ông Tư nói nhanh để thúc giục:

- Đấy lại làm phiền cô nữa, cô hãy lo đi đi, đi sớm để về cho sớm.

- Dạ tôi biết, nhưng tôi phải làm cho xong mọi việc rồi sẽ đi, như thế đi mới an tâm. Chẳng hạn như sáng mà tôi không công phu, tôi có đi đâu, trong lòng vẫn không vui vẻ chút nào.

- Thôi được, cô cứ làm cho xong việc đi rồi đi, có chi cần dặn thêm, cô cứ nói, còn tôi chỉ nhắc cho cô nhớ mà thôi.

Cô Vãi nghe ông Tư nói xong, liền đi vào trong, ông Tư này giờ vẫn đứng ở đầu bàn nói chuyện với cô Vãi, bây giờ ông mới xoay người ngồi xuống chỗ ông đã ngồi hôm qua, ông vói tay lấy bình trà, rót nước ra ly rồi uống từng ngụm nhỏ để thưởng thức hương vị trà trong buổi sáng.

Chừng mười phút sau cô Vãi bước ra, cô mặc một bộ áo quần màu lam và trên đầu cô đội một chiếc khăn màu lam, vai cô có mang một cái dây cũng màu lam, cô đang bụng một mâm thức ăn tiến về phía ông, đến nơi cô đặt xuống bàn, trước mặt ông Tư rồi cô nói luôn một hơi:

- Bây giờ tôi phải đi cho sớm, chú Tư dùng xong bụng bỏ vào bộ ván trong bếp, chiều về tôi rửa, cơm trưa tôi nấu xong với thức ăn để trên bếp, trưa chú Tư chịu phiền dọn ăn dùm, tôi có bới sẵn trên chực thố nhỏ cơm trắng, trưa chú bụng dùm lên chánh điện cúng Phật, mỗi bàn thờ chú để ba thố, nhớ dỡ nắp ra dùm. Thôi xin phép chú tôi đi!

Cô Vãi nói xong, quay gót đi theo hướng cô gái đã đi tối hôm qua, ông Tư nói với theo:

- Chúc cô đi mọi việc may mắn, nhớ về sớm nghe cô Ba!

Mới đó mà cô Vãi đã bước ra mút vách chùa, cho nên ông không nghe tiếng cô trả lời. Nhìn theo cô Vãi, ông Tư nghĩ đến con đường xuống núi quanh co, rồi ông sẽ có dịp bước qua để trở về nhà, ông cũng nghĩ đến ông Tám chắc đang ngồi quán cà phê Bà Năm, đang nhấp nhấp ly cà phê đen, có lẽ ông ta sẽ hiu quạnh cũng như ông đang ở chốn quạnh hiu này.

Ăn xong, ông Tư bung mâm chén đĩa vào bếp rồi bước lên chánh điện, bước lên hai bậc thềm, ông dừng lại, xoay ngang người để nhìn xem áo quần, ông lấy tay nọ vuốt tay áo kia, rồi ông khom người xuống, lấy hai tay vuốt hai ống quần, ông nhớ ngày xưa khi theo người lớn tới chùa, mấy người đàn ông khi đi dọc đường, họ xé hai sợi dây chuối, cột tóm hai ống quần lại trước khi vào chùa, họ cho rằng cẩn thận như vậy, để tránh khỏi tội làm ô uế nhà chùa, bây giờ ông ít thấy ai còn cột ống quần nữa, ông cũng miễn cho mình, vuốt ống quần xong, ông đứng lên và cảm thấy hài lòng, ông xoay người lại, mở cánh cửa bước vào.

Cửa đã mở, ánh sáng chỉ chiếu vào trong có một khoảng nhỏ, bên trong có vẻ âm u. Ông bước vào, chùa có ba gian, cột tròn chừng ba gang tay bằng danh mộc, màu đen nhẵn, gian bên tay trái, cạnh cửa ra vào có một bàn thờ vong nam, gian giữa, bên tay phải của ông có một bàn thờ, trên đó có một bài vị khắc trên miếng gỗ sơn son thếp vàng, dưới chân bài vị đặt những linh vị và khung ảnh, đối diện là bàn thờ, có bức tượng vẽ Tô Bồ Đề Đạt Ma, ông bước lại gần bàn thờ để xem bài vị, ông đọc được chữ nho khắc trên bài vị ấy: "*Lịch Đại Việt Nam Tổ Sư*", có tám linh vị khắc nhỏ hơn, đặt mỗi bên bốn cái, có năm tấm ảnh phóng lớn để thờ, đặt thành một hàng ngang, ở giữa là ảnh một vị Hòa Thượng, mặc Cà Sa nhiều màu, đầu đội mũ Tà Lư; bên trái ảnh hai Hòa Thượng chỉ mặc Cà Sa màu vàng, bên phải ở trong cũng ảnh một Hòa Thượng mặc Cà Sa màu vàng, kế đó là một tấm ảnh, ông Tư không đoán được có phải là Hòa Thượng hay không, vị ấy đang đứng ở cửa cốc lợp lá,

vách bằng phen tre, gương mặt và y phục lộ rõ nét người tu khổ hạnh, râu dài đến ngực, tóc ra dài chừng một phân, mặc áo tràng lơ màu nâu, quần cao trên mắt cá ống thấp, ống cao, chân đi guốc. Ông Tư nhìn kỹ xem đã có lần nào gặp vị ấy chưa, ông thắc mắc tự hỏi đây là vị tu sĩ hay cư sĩ? Ông bước qua gian bên kia cũng là một bàn thờ vong nữ.

Ông Tư lần theo gian nầy đi ra phía trước, ở sát vách giữa gian nầy đặt một bàn thờ, thờ tượng đức Quán Thế Âm, bàn thờ quay mặt vào tượng Phật, ông bước ra phía trước, Tượng Phật chính đặt ngay giữa chùa, đó là tượng đức Bồ Đề Sư Thích Ca Mâu Ni Phật ngồi nhập định trên toà sen, toà sen đặt trên một bệ xây bằng xi măng, trước tượng là một hương án cao chừng một thước rưỡi, trên ấy đặt lư hương, đôi chân đèn bằng gỗ, một cái chuông chừng bốn gang tay, một cái mõ tương xứng sơn màu đỏ, Đồng bình với những cảnh hoa vạn thọ, Tây quả với đĩa to có hai nải chuối sứ và mấy trái mận cầu.

Mặt tiền của hương án chia làm ba khung trạm trổ tinh vi, khung giữa cảnh Phật đang thuyết pháp cho nhóm ông Kiều Trần Như, khung bên phải là cảnh Phật Đản Sanh tay chỉ lên trời, tay chỉ xuống đất, đứng trên một trong bảy hoa sen, khung bên trái cảnh Phật nằm Nhập Niết Bàn, có ngài A Nan quỳ lạy Phật, bên trên hương án, có treo tấm biển đã cũ viết chữ thảo, sơn son thếp vàng "*Vạn Thế Trường Hưng*".

Đối diện với tượng Phật là tượng Hộ pháp, bên tay phải tượng Hộ pháp có một cái giá treo quả đại hồng chung, bên tay trái tượng Hộ pháp lại có một cái giá trống, còn bên tay trái của tượng Phật, một bàn thờ trên ấy đặt tượng Quan Thánh.

Ông Tư thấy một cây nhang lớn bằng ngón tay út, màu đỏ cao chừng bốn tấc, do cô Vãi thấp còn đang cháy, thấy không cần thiết phải đốt thêm nhang, ông bước đến cái chuông đặt ở góc phải hương án, thỉnh ba tiếng thông thả rồi bước thụt lùi lại

mấy bước, ông chắp tay thành kính cầu nguyện cho đất nước được thái bình, người người ấm no hạnh phúc, chùa được hưng thịnh và cầu cho ông được khỏe mạnh, ông lạy ba lạy, sau đó mỗi bàn thờ ông cũng đều lạy ba lạy trang nghiêm.

Sau khi lạy xong bàn thờ Tổ, ông bước ra cửa sau, khép cửa lại rồi đi ven theo hông phía đó lần ra phía trước, ở trước có một cái sân không rộng lắm, bề ngang lớn hơn chùa một chút, bề ra chừng sáu thước. Nhìn mái hiên chùa, các đầu kèo đều có chạm rồng đơn sơ, gian giữa hàng hiên có bàn thờ ông Tiêu, cửa ra vào hai bên, bên trên tượng ông Tiêu có tấm biển gỗ khá lớn đã cũ khắc chữ nho " Linh Thụ Tự ", ông Tư đoán đây là một ngôi chùa cổ, trong thời gian chiến tranh ác liệt vào thập niên sáu mươi, chùa đã bị bom đạn phá hủy, nay người ta sửa sang lại, gìn giữ những thứ xưa kia còn sót lại.

Ông lần bước qua sân, đi theo một con đường mòn quanh co, thoải thoải xuống dốc, cách sân chùa chừng năm mươi thước, ông gặp một Tam Quan, cũng mái lợp ngói âm dương, cột chừng ba gang tay, ở giữa cũng như hai bên, mỗi cổng đều có hai cánh cửa, ở dưới che kín, bên trên có song, mỗi cánh cửa giữa bề ngang chừng sáu tấc, cửa hai bên chỉ bằng phân nửa, cửa khá dày nên chắc chắn, gài then, cánh có chốt xoay chớ không có bản lề, tất cả đều bằng danh mộc, gần như còn nguyên vẹn, chỉ có vài vết bom đạn xây xát mà thôi. Nhìn kỹ, nó là công trình nghệ thuật của những tay thợ mộc ngày trước, ông đoán chùa xưa có lẽ xây cất rất đẹp, nay chỉ còn lại cột kèo chấp vá và hai tấm biển cổ mà thôi.

Bước ra khỏi cổng chừng hai thước là một cái dốc, đường đi khó khăn trên những ghềnh đá, đứng ở cổng nhìn ra xa vẫn còn một ngọn núi nhỏ che khuất tầm nhìn, có lẽ sau đó mới là đất bằng có dân cư ở. Ông Tư đưa mắt nhìn xem khắp nơi, ông muốn tìm thấy ngôi chùa Phật Quang, nơi mà ông đã đến hôm qua, ông không thấy có một mái tranh hay mái ngói ẩn hiện

trong cây, lá và núi non trước mắt, ông nghĩ có lẽ chùa ở một phía nào khác dưới kia.

Ông Tư đứng ở cổng nhìn cảnh vật, lòng cảm thấy nhẹ nhàng, thanh thoát, ông mới hiểu tại sao người ta tìm đến núi non, thâm sâu cùng cốc để mà tu.

Một lát sau ông Tư quay trở vào chùa, đi vào chái chỗ ông ngủ đêm hôm để nằm nghỉ; vào chái, ông thấy ở đằng cuối có một cái võng nhà bình, ai đó đã mắc sẵn vào hai cây cột nhà, ông leo lên đó nằm, ông lại nhớ tới quán Bà Năm, giờ này có thể ông Tám đang đánh cờ tướng với thầy giáo Kiên, cả hai không phải là những tay cao cờ, họ hay đánh cờ ở quán vì còn có những người khác ngồi xem, góp ý, chỉ thế chiếu tướng, chỉ gỡ nước bí. Tuy họ ngồi rất lâu, kéo dài cả hai, ba giờ, giờ ấy lại vắng khách, mỗi người đến chơi đều gọi một ly cà phê đen, nước chanh hay ly trà đá bà Năm cũng vui lây cái vui của họ, nhờ thế quán bà khỏi phải chịu cái cảnh vắng vẻ.

Ông Tư thiêm thiếp ngủ, ông mơ màng nghe hình như có tiếng người nói chuyện, rồi ông nghe rõ tiếng một thiếu niên nói:

- Bạch Thầy hình như không có ai ở chùa!

Rồi có tiếng của người đàn ông:

- Không lẽ vậy sao?

Ông Tư bước xuống khỏi võng, tìm đôi dép da mang vào, ông mở cửa chái bước ra, ông thấy một ông thầy, tuổi ngoài bốn mươi, ăn mặc nâu sòng đang ngồi ở chỗ ông đã ngồi, người ấy đang ngạc nhiên nhìn ông, có một chú tiểu chừng mười hai tuổi, mặc bộ quần áo màu lam, tóc cạo nhẵn, chừa một vá, đứng cạnh phía sau lưng ông thầy. Ông Tư chấp tay lại vái chào ông Thầy:

- Mô Phật, Chào Thầy đi viếng chùa!

- A Di Đà Phật! Chào đạo hữu! Đạo hữu tu ở đây?

- Dạ không! Đêm hôm qua tôi đi lạc tới đây, trời mưa nên xin tá túc một đêm, có tin ở nhà thương nhần, sáng nay cô Ba phải đi xuống nhà thương, chùa không có người nên cô ấy nhờ tôi trông chừng dùm, cô nói chiều sẽ về tới.

- Ủa! Còn Thầy trụ trì hay chú Minh Thọ đâu? Đạo hữu có biết không?

- Thầy trụ trì bệnh, đã đi trị bệnh ở nhà thương, còn chú Minh Thọ sáng hôm qua cô Ba nhờ chú ấy đi sang Hang Hổ, đến hôm nay vẫn chưa về. Xin lỗi, Thầy ở đâu mà biết rành vậy?

Ông Thầy mỉm cười hoan hỷ đáp :

- Tôi trước ở đây, là đệ tử của Thầy trụ trì, nay tôi ở ngoài vùng biển.

Ông Tư bước lại bàn nước, ông ngồi xuống cái băng đối diện với ông Thầy, ông Tư vừa rót nước ra ly cho ông thầy và cho ông ta rồi hỏi tiếp:

- Xin lỗi! Thầy có thể cho biết quý danh?

- Pháp danh của tôi là Minh Trường. Còn đạo hữu?

- Thừa Thầy! Tôi thứ tư tên Hiệp.

- Đạo hữu có biết Thầy trụ trì bệnh chi không?

Ông Tư ngập ngừng rồi mới đáp :

RỒNG HIỆN

- Tôi vô ý quá, tôi không có hỏi cô Ba coi ông Thầy bệnh chi, đêm qua có một cô gái lên đây báo tin, tôi cũng không nghe cả hai nói ông Thầy bệnh chi, nhưng nhà thương nhấn cô Ba xuống ký giấy tờ, theo tôi nghĩ có thể ông thầy bệnh nặng, họ nhấn cô Ba xuống ký giấy cho họ mổ, để họ trị bệnh cho ông Thầy, hoặc ký giấy trả tiền phòng, tiền thuốc men để đưa ông Thầy về.

- Chú nói nghe cũng phải. Tôi có việc, định vào đây trước thăm Thầy, sau xin ý kiến vài việc, rồi về ngay vì tối nay tôi còn phải tụng kinh tuần thất cho Phật tử, nay Thầy đi trị bệnh không có ở chùa, tôi không biết nghĩ sau đây?

- Thầy ráng đợi đi, không chừng chiều nay ông Thầy về với cô Ba về.

- Tôi cũng mong được như vậy lắm!

Ông Thầy quay lại dạy chú tiểu:

- Con đi xuống bếp, lấy một cái đĩa bày trái cây ra, đem dâng cúng Phật đi con.

Chú tiểu dạ rồi đi làm việc Thầy đã sai khiến, ông Tư muốn hiểu biết nên hỏi Thầy Minh Trường:

- Thưa thầy trong chùa thường tổ chức như thế nào?

- Có ba hình thức, chùa ít người thì Thầy trụ trì kiêm mọi việc, còn chùa có nhiều người tu hơn, gồm có một vị Hòa Thượng, một Yết Ma và một Giáo Thọ, vị Hòa Thượng là trụ trì, cai quản mọi việc, vị Yết Ma lo về tổ chức nghi lễ cho đúng phép, còn vị Giáo Thọ thì trông nom dạy bảo Tăng chúng, đó cũng là ba vị để truyền giới cho các đệ tử hay Phật Tử.

Thầy Minh Trường uống một chút nước thấm giọng rồi tiếp:

- Trong những chùa lớn, có đông Tăng, Ni hay các Thiền Viện lại tổ chức đầy đủ hơn, đứng đầu hết là vị Hòa Thượng gọi là Viện chủ hay Giám viện, có một vị Tri Sự đó là Giám Đốc, điều hành, chịu trách nhiệm về tổ chức của chùa, một vị Tri Viên chịu trách nhiệm về đất đai, vườn tược, vị Thủ Khố chịu trách nhiệm về các kho chứa nông sản và tài vật của chùa, vị Tri Tạng chịu trách nhiệm về thư viện, vị Tri Liêu chịu trách nhiệm về quản thủ, phân phối phòng ốc, vị Tri Điện chịu trách nhiệm về Chánh điện cùng với Hương đăng, giữ gìn cho được sạch sẽ, lo nhang, đèn, hoa, quả, vị Tri Khách lo tiếp đãi Tăng khách và Phật Tử đến viếng chùa, vị Duy Na hay Yết Ma hoặc Kiết Ma trách nhiệm hướng dẫn các nghi lễ, vị Thủ Tạng hay Thư Ký chịu trách nhiệm ghi chép các văn kiện hay thư tín, vị Tri Chúng trách nhiệm về các vấn đề liên hệ sinh hoạt giữa Tăng chúng, vị Tri Nhật trách nhiệm những công tác trong ngày như một người trực phiên còn Thị Giả là những vị Tăng mới vào chùa được theo hầu quý Hòa Thượng hay Thượng Tọa, giúp việc trà nước, dọn dẹp liêu phòng để có dịp thân cận mà học hỏi, thấm nhuần phong cách thiền môn.

Ông Tư nghe Thầy Minh Trường giảng một hơi về tổ chức, ông hiểu ra, Phật Giáo có một nền nếp lâu đời, tổ chức, phân công, phân nhiệm khá chặt chẽ.

Thầy chú tiểu đã cúng lạy xong, từ trên chùa đi xuống nhà bếp, Thầy Minh Trường lấy trong đây của Thầy một gói giấy kiếng màu vàng, bảo chú tiểu:

- Con lại đây, lấy gói trà này và bình trà ở đây, mang xuống bếp nấu một ấm nước, pha cho Thầy bình trà đãi Huỳnh Tư.

Chú tiểu đi về phía Thầy, đứng nghiêm chỉnh, đưa hai tay nhận gói trà, lễ phép cúi đầu sau đó mới xách bình trà đi vào bếp.

Thầy Minh Trường hỏi ông Tư:

- Tôi có việc này muốn hỏi ý kiến Huynh.

- Thưa Thầy! Không hiểu tôi có giúp chi được Thầy hay không, nhưng nếu không ngại xin Thầy cứ cho biết.

Thầy ngập ngừng một chút, để xếp đặt ý tứ rồi mới nói:

- Hồi nhỏ, tôi có thường có bệnh, năm tôi lên mười hai tuổi, học xong tiểu học, cha mẹ tôi dẫn đến đây cho tôi ở chùa tu, hồi đó chùa có vị Hòa Thượng trụ trì nhưng tôi được theo hầu ông Thầy đây, chừng ba năm sau, một hôm có Thiền sư Hồng Thảo đến đây, ngài biết tôi bệnh, xem mạch cho tôi xong, ngài nói với Thầy tôi, xin cho tôi theo Thiền Sư để người hốt thuốc Nam, trị bệnh cho tôi, Thầy tôi xin phép Hòa Thượng trụ trì, được Hòa Thượng đồng ý. Hôm sau, tôi xuống núi đi theo Thiền sư từ đó.

Thiền sư Hồng Thảo tu ở một cái hang, trong ngọn núi sát bờ biển, trước kia hang ấy do khí ở nên dân chúng mới gọi là Hang Mai, Thiền sư dọn dẹp hang rồi người ở đó tu Thiền, người đào giếng lấy nước uống, tưới rau, trồng cây ăn trái, xung quanh đó người trồng chuối, mần cầu, mít, khi tôi theo Thiền sư về đó thì cây cối đã có trái.

Năm xưa, một hôm có vài Phật tử vùng đó đến kiếm Thiền sư, họ cho biết có một ngôi chùa không có trụ trì, họ rất khẩn thiết thỉnh Thiền sư đến trụ trì, nếu không có trụ trì, chùa trở thành chùa hoang, Phật Tử không nơi nương tựa, chùa sẽ hư hao hoặc có người tới xin ở tu, rồi người đó đức hạnh không có, Phật Giáo sẽ bị tai tiếng, mai một đi.

Thiền sư Hồng Thảo trả lời với họ rằng, người không thể xuống núi để đi trụ trì, vì tuổi người đã già, sức đã yếu, trụ trì

nơi đó được nhiều bao lâu? Chỉ bằng giao cho tôi trụ trì, năm đó tôi đã thọ Tỳ Kheo giới, tuổi đời được ngoài ba mươi, Thiên sư bảo đảm tôi có đạo hạnh, họ nên về thảo luận lại, nếu họ bằng lòng, Thiên Sư sẽ cho phép tôi đến đó trụ trì.

Ba hôm sau các Phật Tử ấy trở lại, cho biết rằng họ kính trọng Tam Bảo, tuân theo sự chỉ dạy của Thiên Sư, họ xin vào mười hôm sau, nhằm ngày vía đức Quán Thế Âm, mười chín tháng sáu năm đó, họ làm lễ nhập tự của trụ trì, họ thỉnh Thiên Sư quang lâm đến chứng minh lễ và ban cho một thời pháp.

Trước khi tôi đi trụ trì, Thiên Sư có dạy tôi : - Thầy đã già rồi, ở chỗ yên tĩnh nhiều năm đã quen, thuở xưa Thầy cũng đã đi hoằng hóa các nơi, nay Thầy dành cho con chỗ đó, ráng mà hành Bồ Tát hạnh để làm lợi lạc cho quần sinh. Con đến đó với ba bộ y, không mang theo gì hết , rồi ngày nào nếu con rời khỏi chốn đó, cũng phải thanh thân với những bộ y áo mà thôi. Chùa ấy là chùa của thập phương, bá tánh, không phải là chùa của Thầy hay của con, làm việc chi cũng nên hỏi ý kiến Phật Tử trước khi làm, được như vậy, Phật sự dễ thành tựu lắm.

Phải làm sao cho đạo Phật ở đó ngày càng hưng thịnh, quý hồ tinh bất quý hồ đa, từ từ dẹp bỏ các hình thức mê tín nếu có, ráng mà đưa cái tinh túy của đạo Phật đến với mọi người, con hãy làm cho xứng đáng là Trưởng Tử của Như Lai, con phải là Sứ giả của Như Lai, là Pháp Sư tuyên thuyết giáo lý đạo Phật, như trong Kinh Pháp Hoa đã dạy : *Vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai* nghĩa là con phải có lòng Từ Bi đối với mọi người, không phân biệt giàu, nghèo thân, sơ ; con lại phải nhẫn nhục, đã tu rồi không nên tranh danh, đoạt lợi với ai, rủi bị người ta mắng chửi, con phải hoan hỷ mà nghĩ rằng kiếp trước con đã làm, kiếp này con được trả; con cũng phải xem mọi pháp đều là KHÔNG, làm được như vậy con mới là người tu giải thoát. Thầy nói bấy nhiêu đó, con khá ghi nhớ nằm lòng.

RỒNG HIỆN

Sau lời dạy của Thiền Sư, tôi đã đánh lễ ba lạy, tạ thâm ân người đã chỉ dạy, tôi cũng đã hứa sẽ ghi nhớ và làm theo.

Chú tiểu đã pha xong bình trà nóng mang lên, định đặt vào trong vỏ bình, Thầy Minh Trường ngẩn lại nói:

- Để Thầy rót nước mời Huỳnh Tư.

Chú tiểu để bình trà xuống bàn, xá Thầy, định đi vào trong, Thầy Minh Trường bảo:

- Xem tắt lửa trong bếp, xong rồi lên Chánh điện thắp hương, niệm Phật đi con.

Chú tiểu quay lại, vừa xá Thầy vừa dạ rồi đi vào trong, Thầy Minh Trường nói tiếp:

- Hôm Thiền Sư đưa tôi đi nhập tự, Phật Tử ở chùa tổ chức hết sức trang nghiêm, họ đem lộng ra cổng chùa, đứng thành hai hàng, có khai lễ, đón Thiền sư rước vào chùa, lúc đó chuông trống bát nhã rền vang. Phật Tử đón rước già, trẻ, nam, nữ có đủ, tôi để ý thấy chừng đôi ba người mặc áo tràng, tôi nghĩ đó là những vị hộ đạo đắc lực.

Thiền Sư hỏi thăm Phật Tử vài câu rồi lên Chánh điện làm lễ, đây là ngôi chùa mới cất, chưa hoàn thành, chỉ có mỗi tượng Đức Bổn Sư ở Chánh điện, tường chưa tô, cửa nẻo chưa có, những chuông, trống, lộng họ mượn ở chùa khác về để làm lễ, sau khi lễ Phật, đại diện Phật Tử mời Thiền sư ngồi vào ghế ở cái bàn bên tay phải, có trái vải vàng, họ mời tôi ngồi vào ghế ở chiếc bàn bên tay trái, vị đại diện ấy đánh lễ Phật, Thiền Sư rồi mới tới tôi, vị ấy quỳ xin tôi nhận chức trụ trì, tôi đáp lễ rất hoan hỷ nhận, để làm cho đạo Phật ngày càng hưng thịnh lên. Sau đó Thiền Sư giảng cho một thời pháp về bốn phận của

người Phật Tử tu tại gia, rồi thọ trai, mọi người rất hoan hỷ trong buổi lễ hôm đó.

Đoán chừng trà đã ra nước, Thầy Minh Trường với tay lấy ly nước của tôi và của Thầy, tạt bỏ nước cũ, để rót trà mới pha, rót xong hai ly, Thầy mời:

- Mời Huỳnh Tư, trà ướp sen của một đạo hữu mới biểu tôi sáng nay, lúc Thầy trò tôi đi ngang qua chợ để đến bến xe.

- Dạ cảm ơn Thầy.

Ông Tư bung ly trà lên uống một hớp nhỏ, chất đắng của trà tan dần, để lại vị ngọt và thơm hương sen trong miệng của ông, đúng là loại trà ngon. Thầy Minh Trường nói tiếp:

- Từ đó đến nay, trên mười năm, Phật Tử và tôi đã xây dựng thành một ngôi chùa khang trang, chúng tôi đã xây công chùa, cất Đông Lang, Tây Lang, ngoài tôi ra, ngày nay còn có hai ni cô, một Thầy với hai chú tiểu. Hàng tuần đều có khóa lễ vào sáng Chủ Nhật, sau đó có thời thuyết pháp, hai tuần có tổ chức thọ Bát Quan Trai, Ưu Bà Tắc chừng năm bảy người, Ưu Bà Di đồng hơn, tối mười bốn cũng như tối ba mươi hàng tháng đều có khóa lễ Sám Hối, việc tu học có nề nếp, chùa ngày càng sung túc.

Thầy Minh Trường ngưng một lát, Thầy hớp thêm một hớp trà, lại rót thêm cho đầy ly của tôi và của Thầy, như để cho tôi nhập vào câu chuyện rồi Thầy mới tiếp:

- Tuần trước có một người lạ mặt đến tìm tôi, đó là một ông Thầy, ông ấy cho biết chùa đó là chùa của ông ta, ông ta cho tôi coi giấy mua đất, hóa đơn mua những thứ cây, gạch, ngói để cất chùa, ông ta bảo với tôi rằng, ông ta muốn trở lại chùa để có nơi tu hành, mấy năm trước ông đi vùng Thất Sơn để tầm

sư học đạo. Phật Tử có người đồn đãi rằng, họ có thấy ông Thầy ấy ở miệt Hậu giang, ông ta đi với một người đàn bà.

Thầy Minh Trường ngưng một chút rồi hỏi:

- Theo Huỳnh Tư, bây giờ tôi phải làm sao? Thiền Sư tịch cách đây đã năm năm, Thầy trụ trì đây nay lại đi vắng, tôi e mình khó mà giải quyết cho đúng, đừng để chuyện tranh chấp gì xảy ra, người bên ngoài thấy được họ cười chê, họ cho rằng đạo Phật tu là để diệt dục, sao lại còn tranh giành chùa với nhau, ai phải ai quấy, bằng quan thiên hạ, họ đều cười chê cho rằng đạo mình là xấu. Huỳnh Tư thấy có đúng không ?

Ông Tư im lặng, không biết phải trả lời ra sao, thời buổi này, Phật Tử nhiều khi không biết kính trọng Tăng, đôi khi người ta không hài lòng về một việc chi, lại vu oan giá họa cho quý Thầy không có đạo hạnh, phải chăng đây là thời mạt pháp ? Thầy Minh Trường trả chùa lại ra đi, chắc Phật Tử không vui, vì những gì Thầy đã gieo giống Bồ Đề nơi đó, còn ông Thầy kia, nếu muốn lấy chùa lại, tức là Tâm chưa tu, Tâm đã tà vạy thì làm sao có đủ tài đức, để xiển dương đạo Phật nơi đó. Ông Tư buộc lòng phải nói:

- Thưa Thầy, chuyện quả thật rắc rối, tôi không dám có ý kiến, phải chi có Thầy trụ trì ở đây, giúp ý kiến cho Thầy lúc này thì hay quá.

Cả hai người ngồi trầm ngâm suy nghĩ, một lúc ông Tư chợt nhớ lời cô Ba dặn cúng Ngọ, ông nói:

- Xin phép Thầy, tôi vào bếp để dọn cơm cúng Phật.

Thầy Minh Trường bảo:

- Không có ai thì đạo hữu làm, nay có tôi đây, để tôi cúng cho.

Nói xong, Thầy đứng lên đi vào trong bếp, rồi trở ra bưng một mâm toàn là thố nhỏ, Thầy đi cửa sau vào trong chánh điện.

Chú tiểu từ trên chùa đi xuống nhà bếp, chú lục đục trong bếp một hồi lâu mới bưng mâm cơm ra đặt trên bàn nước, cẩn thận chú đẩy lại bằng cái lồng bàn ny lông màu đỏ, ông Tư không biết bữa ăn có chi trong đó. Một lát sau Thầy Minh Trường từ chùa trở xuống, Thầy đi ra sau bếp rửa tay, rửa mặt rồi mới trở lại ngồi vào bàn dùng cơm. Ông Tư dở lồng bàn ra, trong ấy có một tô canh bí đồ nấu với lá sâm đất, một đĩa cháy tàu hũ ki kho, một đĩa nước tương, một thố cơm và vài trái ớt hiểm hươm hươm. Trong khi ăn, Thầy Minh Trường ít nói, chỉ hỏi ông Tư ở đâu và làm gì mà thôi, chú tiểu đứng một bên hầu quạt cho Thầy hay đuổi ruồi.

Ăn xong, Thầy Minh Trường và ông Tư vào chái nằm nghỉ, chú tiểu dọn dẹp rồi ăn sau, tuy chú còn nhỏ, nhưng hầu Thầy rất chu đáo.

Khi ông Tư thức dậy, Thầy Minh Trường và chú Tiểu từ chánh điện đi xuống, thấy ông Tư đã thức dậy, Thầy nói:

- Bây giờ cũng đã hơn bốn giờ chiều, Thầy trò chúng tôi phải về cho kịp, khi cô Ba về, Huỳnh Tư làm ơn nói lại, chúng tôi có vào thăm Thầy trụ trì, nếu có chi cô Ba làm ơn nhắn cho biết tin.

- Dạ được tôi sẽ nói lại với cô Ba.

Thầy Minh Trường trở lại chỗ ngồi cũ, Thầy uống xong ly nước rồi mới đứng lên lấy dĩa ra về, Thầy nói thêm:

- Thôi Huỳnh Tư ở lại mạnh giỏi rồi về, khi nào rảnh ra chỗ tôi lễ Phật, viếng chùa.

RỒNG HIỆN

- Dạ Thầy về, lúc nào có dịp sẽ ghé lễ Phật và thăm Thầy, còn chuyện kia cầu mong Phật gia hộ cho được tốt đẹp.

- Tôi cũng cầu mong như vậy, thôi chào Huynh.

- Kính chào Thầy, chào chú Tiểu, chú ngoan quá!

Chú Tiểu đáp lại:

- Mô Phật! Xin chào ông Tư.

Rồi Thầy trước, trò sau họ đi ven theo hông chùa tiến ra phía cổng để xuống núi, ông Tư đứng trông theo, ông nghĩ tới cảnh chùa lại vắng vẻ, cuộc chia tay nào cũng làm cho ông buồn nhưng cuộc chia tay này, chẳng những buồn mà ông còn bị ray rức trong lòng, bởi không làm sao san xẻ những nỗi khó khăn cho Thầy Minh Trường.

Ông Tư trông đợi, nhưng cho đến chạng vạng cũng không thấy cô Vải về, ông lên chùa thắp nhang các bàn thờ, nơi bàn Phật ông cầu nguyện cho Thầy trụ trì sớm được bình phục, ông tiếp tục trông đợi, đến hơn chín giờ đêm, ông biết là cô Vải không về, ông đi lên chùa thắp nhang thêm một lần nữa rồi đi ngủ.

Đêm ấy ông Tư nằm mơ, ông thấy mình đang quét lá ngoài sân chùa, bỗng có vị tu khổ hạnh mà ông đã thấy trong ảnh, từ phía sau chùa xách một con dao yếm, đi lại phía ông, khi đến gần bên, vị ấy đưa dao cho ông và nói:

- Cầm dao này đi theo tôi ra phía cổng chùa, kiếm mục măng nấu canh ăn trưa nay.

Vị ấy đi trước, ông nối gót theo sau, khi gần đến cổng chùa, ông thấy có một bụi tre Mạnh Tông, chỉ có một cây vươn cao

và vài gốc trơ trọi, đến nơi ông không thấy mục mãng, vị tu khổ hạnh ấy bảo:

- Vạch lá và rác tìm đi, may có một mục đó!

Ông bẻ một nhánh cây khô, bươi những lá tre, lá cây ẩm ướt vì những cơn mưa đã qua, bỗng ông bươi ra được một gói, bọc ngoài bằng một lớp ny-long, vị ấy lại bảo:

- Chi đó, mở ra cho ta coi!

Ông nhặt gói ny-lông lên, mở ra bên trong là một lớp giấy của bao xi-măng, mở lớp giấy bao xi-măng, ông thấy một quyển sách, nhìn kỹ sách có bìa cứng cũng là giấy màu vàng phai nhạt, lật qua, lật lại ở bìa, ông vẫn không đọc được chữ gì, ông đưa cho vị tu khổ hạnh đọc, vị ấy bảo:

- Thì hãy mở ra mà đọc đi!

Ông lật từng trang, từng trang giấy trắng đã chuyển màu vàng, nhưng không có trang nào có chữ cả. Ông quay lại định hỏi, vị ấy đã bước ra ngoài, đóng cổng chùa bỏ ông lại bên trong, còn nói:

- Hãy tự đọc đi!

Ông dọn cửa kêu gọi, la hét, tiếng vang dội cả chùa vì thế làm ông giật mình thức dậy, ông biết mình đã nằm chiêm bao, có lẽ lúc ấy chừng canh tư, ông lại ngủ tiếp.

Ông Tám đi chuyển xe tải nhứt, đến chùa Phật Quang dưới chân núi Bồng Lai cũng hơn mười giờ sáng, ông hỏi thăm Thầy Giác Hạnh về tin tức ông Tư, Thầy cho biết chưa thấy

ông Tư ghé chùa cũng chưa có tin gì về ông Tư. Làm theo lời bà con cũng như tài xế Năm Hình đề nghị, ông Tám nhờ Thầy Trụ Trì cho một chú tiểu, đưa ông đi Suối Tiên tìm ông Tư. Thầy Giác Hạnh cho chú tiểu Huệ Thông đưa ông đi.

Đường lên núi, có chỗ dốc thoải, xen lẫn có những đoạn phải bước từng bước trên những phiến đá để lên dốc, phiến đá nọ chồng lên phiến đá kia, đi một đoạn chừng mười thước đã thấm mệt, phải ngồi nghỉ, có vài đoạn phải trèo lên phiến đá to chừng bằng hai chiếc đệm, không có chỗ bám víu, người nào cẩn thận như ông Tám phải bò mà thôi. Leo lên núi mất chừng một giờ, rồi lại đi xuống một thung lũng, rộng chừng một cây số từ phía nọ sang phía kia, chú tiểu Huệ Thông chỉ dẫn ông đi ven bìa thung lũng, chừng một khắc thì tới chỗ giáp mí của hai mồm núi, nơi đó nước từ các nơi khác chảy dồn về, bị những hòn đá ngăn lại thành suối, đó là Suối Tiên, Huệ Thông và ông phải chui xuống dưới một tảng đá thật to, đi trên những phiến đá nhỏ để qua bờ bên kia, giống như chui vào hang động, nước chỗ sâu, chỗ cạn rất trong, nhìn thấy cả những con cá nhỏ bằng ngón tay út, qua phía bên kia lại rẽ tay phải đi theo dòng suối chừng một trăm thước, có một đường mòn dẫn xuống chỗ Suối chính mà người ta thường tắm.

Ông đứng ở chỗ một hòn đá chặn dòng nước, nhìn về phía dòng suối ông đi qua khi nãy, nó ở trên cao hơn hai mươi thước, bị hai viên đá to ở hai bên mồm núi giáp lại che khuất, trên hai viên đá là bầu trời xanh, gợn chút mây trắng, giữa hai viên đá là một cái khe chừng nửa thước, tạo thành một dòng thác đổ nước từ trên cao xuống, thác đổ ngay trên một phiến đá, nước bắn tung tóe ra trước khi chảy xuống một cái hồ thiên nhiên hình trái xoan, có lẽ đáy hồ sâu nên nước trong xanh, hồ có bề ngang chừng sáu thước, bề dài đầu kia là thác, cuối hồ là nơi ông đang đứng, xa nhau trên mười lăm thước, hai bên là vách đá, ông Tám trông cảnh thác rất đẹp, ông thường thức cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp ấy, quên mình đến đây để làm gì.

Nhìn theo giòng nước, qua khỏi chỗ ông đứng, núi hai bên dang xa ra, con suối nhờ đó trải rộng thêm, chỗ nước cạn, chỗ nước sâu, đến đàng xa kia đá lại chặn dòng suối, thành một cái hồ rộng, nước không sâu, có chỗ để có thể tắm được nhiều người.

Ông Tám nghĩ, lỡ ông Tư bị trượt chân té, nơi đây là nơi nguy hiểm nhất, ông ta có thể bị chìm xuống hồ này không để lại dấu vết gì, tưởng đến người bạn mình nằm dưới đáy sâu kia, lạnh lẽo tắm thân, ông xót xa cho người bạn mình, ông làm thắm khấn nguyện :

- Vái chư vị thần linh ở núi này, cũng như ông Tư, sống khôn, thác thiêng, cho tôi tìm được xác ông để chôn cất tử tế, được âm cúng tắm thân.

Chú tiểu đứng cách ông Tám vài thước, tay chú bức những lá cây dại, vò rồi ném, mắt chú nhìn theo dõi ông Tám, chú cũng đã tới nơi đây nhiều lần để tắm, chưa thấy có rủi ro nào đã xảy ra cho mọi người, chú đưa ông Tám đi nhưng chú không bao giờ nghĩ người ông Tám đi tìm đã bị nạn ở nơi suối này, ông ta mất tích vậy ông ta đi đâu? Cọp tha hay ma bắt? Chú tiểu nghĩ vợ nghĩ vẩn trong lòng mà không nói ra.

Một lúc ông Tám lên tiếng hỏi:

- Gần đây, trên núi này có chùa hay hang động có người tu không chú?

- Dạ chùa thì ở đàng kia có một cái, còn hang động thì có vài cái nhưng ở xa đây, đi phải mất hơn một giờ mới tới Hang Hổ.

- Hay là chú làm ơn đưa tôi tới chùa ấy, hỏi thăm tin tức xem.

- Dạ!

RỒNG HIỆN

Chú tiểu lại đưa ông Tám trở lại đường cũ, đi theo thung lũng, leo lên núi một đoạn rồi rẽ sang tay trái, lại xuống dốc một đoạn nữa mới tới chùa, chú tiểu đưa ông Tám đi theo con đường cấp hông chùa từ phía sau đi ra trước. Bỗng ông Tám thấy lưng của một người ngồi quay về phía ông, ông nhận ra bạn mình đang ngồi uống nước, ông vui vẻ gọi to:

- Ông Tư! Ông Tư! Ông ở đây mà tôi nghĩ ...

Ông Tám kịp dừng lại không nói thêm, trong khi đó ông Tư quay lại nhìn thấy ông Tám, ông chỉ gọi mấy tiếng:

- Ông Tám!

Ông Tư đứng lên rời khỏi băng ngồi, đi nhanh về phía ông Tám, hai người đưa tay ra nắm lấy nhau, cười vui vẻ:

- Sao ông biết tôi ở đây mà tìm?

- Bà con ở dưới với thằng Năm tài xế, bảo tôi lên đây tìm ông.

Ông Tám đưa mắt tìm kiếm, thấy Huệ Thông đã đi vào bàn đang rót nước ra mấy cái ly, ông nói tiếp:

- Nhờ Thầy trụ trì chùa Phật Quang cho chú Huệ Thông này đưa tôi đi tìm ông, chúng tôi đã đi Suối Tiên rồi mới mò lại đây.

- Thôi vào bàn uống nước cái đã.

Hai người cùng đi vào bàn nước, vừa đi ông Tư vừa hỏi:

- Chắc ở nhà bà con trông tôi lắm hả?

Ông Tám ngồi chỗ đối diện với ông Tư ngồi khi nãy, ông Tư ngồi lại chỗ cũ của mình, vừa ngồi xuống, ông Tám vừa nói:

- Ông còn phải hỏi, ai cũng trông chờ ông hết, không biết chuyện chi xảy ra cho ông, mọi người cầu xin cho ông được bình an, có ông thì cũng thế, mà sao không có ông dường như vắng vẻ.

Ông Tám lại thúc dục hỏi:

- Mà tại sao ông lại ở đây?

- Uống nước đi ông Tám, chậm rãi tôi kể ông nghe.

Ông Tám và ông Tư bung ly nước lên uống, nhất là ông Tám leo núi đã khát nước, uống hết một ly, ông Tám tự rót thêm ly khác, chú tiểu đi vào trong chái rồi quay trở ra đứng ở cửa chái hỏi:

- Thưa ông Tư, người ở chùa đi đâu hết mà vắng vẻ vậy?

- Họ đi hết rồi chú! Ông Thầy đi Nhà Thương, cô Vải đi thăm, chú Minh Thọ đi sang hang Hổ từ hôm kia đến nay cũng chưa về.

Nghe xong chú tiểu đi trở vào, có lẽ chú tìm chỗ nằm nghỉ. Ông Tám nhắc lại.

- Đâu nói nghe thử đi ông Tư!

- Hôm đi về, lúc xuống núi tôi đi lạc vào đây, mưa to quá, tôi phải ngủ lại chùa, Thầy trụ trì bệnh, người ta đã đưa đi trị bệnh ở nhà thương trong thành phố, một chú ở đây có việc đi sang dải núi bên kia không thấy về, tối hôm đó có tin từ Nhà thương nhắn về, bảo cô Vải phải đi xuống đó để ký giấy tờ, hôm sau

RỒNG HIỆN

cô Vãi đi, không có ai trông nom nên cô ấy nhờ tôi giữ chùa dùm.

Ông Tám cắt ngang:

- Sau ông lại ở tới hôm nay?

- Cô ấy nói chỉ giữ dùm chùa cho cô ta sáng đi, chiều về, ai ngờ tới hôm nay cô ấy vẫn chưa về! Tôi lỡ hứa đành phải ở lại đây làm Thủ Tự!

Ông Tám nói đùa:

- Cũng không biết chừng nào cô ấy về, vậy ông xuống tóc làm trụ trì cho rồi!

- Ý! Đừng nói chơi nghe, để tôi về với bà con mình chứ, ở đây buồn quá, tôi cũng không biết tụng kinh, gõ mõ gì hết. Chắc ông cũng đã đói, để tôi đi nấu mì cho anh em mình ăn nghe?

- Ông nhắc tôi mới nhớ, thức dậy từ khuya tới bây giờ, sáng sớm chỉ ăn có một tô hủ tíu và uống ly cà phê đen, nên bây giờ bụng cũng đói rồi ông Tư, ông có cần tôi phụ gì không?

- Khỏi! Ông ngồi nghỉ đi, nấu gì khác thì khó chứ nấu mì thì dễ, vả lại chùa cũng không có gì, để đãi ông ngoài mì gói Lá Bò Đề đây thôi.

Ông Tư đi xuống bếp, ông Tám thấy chùa đóng kín cửa liền hỏi với theo ông Tư :

- Cửa nào đi vào chùa lễ Phật?

- Cửa bên trái chỉ móc lại chứ không có khóa, ông mở cửa đó mà vào chánh điện.

Ông Tám theo lời ông Tư chỉ để đi vào chánh điện lễ Phật. Chừng một khắc sau, ông Tám trở xuống bàn nước, ngồi vào chỗ cũ, ông Tư bung mâm thức ăn ra, trên ấy có ba tô mì lớn, ông để mâm xuống bàn rồi đi vào trong chái gọi chú tiểu ra ăn mì.

Ông Tám và ông Tư ngồi bàn ăn mì, còn chú tiểu xin phép bung vào trong bếp ăn, chú cho biết rằng chú không được phép ngồi ăn chung với khách, nhất là ông Tám và ông Tư tuổi đã cao.

Trong khi ăn ông Tám hỏi:

- Ở đây có chi lạ không?

- Cũng chẳng có chi lạ, nghe cô Vãi nói có con khỉ, trước kia người ta nuôi, sau họ thả nên nó dạn lắm hay vào chùa kiếm thức ăn, có khi nó vào cả chánh điện, do đó chánh điện phải đóng cửa luôn.

- Ông Tư biết chùa mà! Luôn luôn chùa mở rộng cửa cứu độ chúng sinh, cho con khỉ đó ăn mới phải chứ!

- Đúng vậy! Nhưng cô Vãi nói nó phá phách và còn cắn người nữa!

- Tại chúng ta chọc, phá, xua đuổi, chắc nó nổi cơn giận lên chứ gì?

- Có thể.

- Mà ông đã gặp nó chưa?

Ông Tư mỉm cười đáp:

RỒNG HIỆN

- Chưa, định có gặp nó, tôi cũng kiếm gì cho nó ăn, đói thì nó cũng chẳng khác chi mình.

Bỗng ông nhớ tới chuyện của Thầy Minh Trường, ông nói:

- Hôm qua, có một ông Thầy trước tu ở đây, nay trụ trì chùa khác, về đây thăm ông Thầy trụ trì chùa này.

Ông Tám nhanh miệng hỏi:

- Sao ông không nhờ ông ta giữ chùa cho, để đi về?

- Ông ta có nhiều việc, không thể ở lại. Chuyện cũng rắc rối.

- Chuyện chi nói nghe thử ông Tư?

- Ông ta được mời trụ trì một ngôi chùa gần mười năm, nay có người chủ cũ, muốn lấy chùa lại.

Ông Tám không rõ câu chuyện, nên có thắc mắc hỏi:

- Sao đã mời người ta làm trụ trì, nay lại muốn lấy lại, hay ông Thầy ấy làm điều sằng bậy?

- Không phải vậy, người cất chùa cũng là một ông Thầy, chùa cất chưa xong, ông ta bỏ đi, Phật tử ở đó mới đi tìm vị chân tu về trụ trì, họ tìm một Hòa Thượng, vị này muốn ẩn tu nên cho đệ tử của mình đi thay, là ông Thầy trụ trì bây giờ, theo tôi đoán, ông Thầy trụ trì có thể bỏ đi nhưng chắc chắn Phật Tử ở đó họ lại không chịu, có thể sẽ thừa kiện nhau, chuyện tranh giành một ngôi chùa, nghe qua mình thấy lòng bất nhẫn rồi, tu mà còn tranh giành làm chi vậy?

Ông Tám nhai mì chậm rãi, ông im lặng chú ý nghe để theo dõi câu chuyện, nay ông đã hiểu, ông nhớ tới ông Thảm phán toà

Thượng Thẩm kia, ông ta có tấm lòng, có chút nghệ sĩ tính, nên ông ta viết kịch, viết những chuyện oan ức ở toà án, bởi vì toà án, nơi cầm cân nảy mực cho mọi người, nó vẫn phải làm những việc bất công do luật pháp đặt ra, nó vẫn vấp phải những trường hợp sai lầm kết án tù đầy, xử tử người ngay, ông nói với ông Tư:

- Ăn xong, tôi kể cho ông nghe một câu chuyện.

Hai ông ăn vài miếng nữa thì xong tô mì của họ, ông Tám trước, ông Tư sau bỏ đĩa xuống mâm, chú tiểu đứng ở cửa chờ sẵn, chú bước lại bưng mâm dọn vào trong bếp. Hai ông thông thả uống nước rồi ông Tám mới nói :

- Hồi trước Đệ nhất thế chiến, ở tại thủ đô Pa-ri, có một ông luật sư danh tiếng, khi ông tranh cãi trước Tòa, lời lẽ phân minh, biện luận sắc bén, bình vực hay kết tội chính xác, ông chỉ đứng về những phía thế cô, bị hà hiếp để làm cho công lý được rọi sáng, vụ nào mà ông nhận cãi, vụ ấy nắm chắc thành công, chỉ có thắng chứ chẳng bao giờ bại. Ông luật sư ấy tên là Lambert.

Một buổi sáng kia, có mấy người đàn bà, đến gõ cửa văn phòng luật sư Lambert, họ nhờ ông đứng ra kiện một ông Linh mục đã dụ dỗ, định cưỡng bức một đứa bé gái trong chung cư của họ, người mẹ kể rằng, bà ta đi làm về, nghe những người chứng sau đây nói, họ đã thấy con gái của bà ta, từ phòng ông Linh mục đáng điệu sợ hãi, khóc thút thanh chạy ra, bốn người chứng đều nói rằng, lúc ấy chừng hai giờ trưa, họ nghe tiếng khóc la và chạy trong hành lang chung cư, họ mở cửa ra nhìn, thấy con gái bà ta từ trong ấy chạy ra.

Luật sư Lambert phản nộ, một người đáng kính mà có hành động như thế thật là đáng bi ối, ông ta nhận vụ án, lập hồ sơ đưa ra Tòa, do những chứng cứ, do những lời buộc tội đanh

thép của Luật sư danh tiếng Lambert, ông Linh mục kia bị tòa kết án 15 năm tù, bị đày ra đảo ở Địa Trung Hải, mọi người đều hài lòng với bản án do Tòa đã phán quyết, họ cho rằng có như vậy mới làm gương cho những người khác.

Ông Tám và ông Tư mỗi người đều hớp một hớp nước, ông Tám để thấm giọng, ông Tư cũng uống cho vui miệng. Tưởng chuyện đã kết thúc, ông Tư nói;

- Thế là phải, những người làm xấu đạo như thế luật pháp cần phải nghiêm trị.

Để cho ông Tư phán xong lời kết tội, ông Tám mới tiếp:

- Thế rồi mười năm sau, một hôm, bỗng có người đàn bà gõ cửa Luật sư Lambert, sau khi luật sư mời bà ta ngồi, bà ta vào đề ngay:

- Thưa luật sư! Ông có nhớ vụ án của một Linh mục, khoảng mười năm về trước không?

Luật sư nhìn bà ta, để xem cho có nhận ra bà ta là ai không, luật sư nhớ hình như bà có liên quan tới vụ án, bà ta là một trong những người chứng, khi đó luật sư trả lời:

- Thưa bà tôi có nhớ, mà tôi cũng nhớ bà là một người chứng, tuy bà có thay đổi đôi chút do thời gian đã qua, nên tôi không nhận ngay ra, lúc bà mới bước vào.

- Cảm ơn luật sư! Quả thật trí nhớ ông rất tài.

Ông luật sư không để mất thì giờ, hỏi ngay:

- Thưa bà! Hôm nay bà đến đây có việc chi cần đến tôi.

HUỖNH ÁI TÔNG

Bà ta ngập ngừng, ông Lambert khuyến khích:

- Xin bà cứ nói, cần chi, tôi sẵn sàng giúp bà.

- Thừa luật sư ! Mười năm trôi qua, đối với ông tên tuổi càng ngày càng sáng chói trên địa hạt nghề nghiệp của ông, còn tôi, tôi rất hối hận về việc làm của mình.

Luật sư hơi bồn chồn, ông nói:

- Việc chi, một lần nữa xin bà cứ nói thẳng, không nên úp mở.

- Thật ra, tôi không nghe thấy đứa bé gái ấy chạy và khóc lóc, la hét chi cả.

- Vậy thì tại sao bà làm chứng, nói dối trước Tòa. Bà có biết tội bà không?

Giọng bà ta nhỏ xuống, nói những lời đầy hối hận:

- Thừa luật sư ! Tôi biết cho nên tôi đã hối hận mười năm nay rồi, lương tâm tôi nào có an ổn khi tôi nhớ đến vị Linh mục kia.

- Vậy động cơ nào đã thúc đẩy bà làm chứng như thế?

- Thừa luật sư ! Như ông đã thấy tướng mạo ông Linh mục đó, mới nhìn ai cũng thấy rằng ông ta có gương mặt lầm lằm lì lì khó ưa, ông ta là người ở tính lễ, cử chỉ và hành động vụng về, chúng tôi chán ghét ông ta, nên muốn thừa dịp để tống khứ ông ta ra khỏi chung cư.

Luật sư Lambert ngã người ra ghế, thở dài, ông ta hỏi không mấy hăng hái như lúc ban đầu:

- Bà có biết mấy người chứng kia thế nào không?

- Họ thì cũng như tôi, Vì ghét ông Linh mục mà dựng chuyện lên như thế, chứ ông ta nào có làm thế đâu, thật thì con bé ấy cũng như những đứa trẻ khác, chúng nó có vào phòng ông ta chơi, ông ta hay cho kẹo hay bánh ăn, họ đều ghét ông Linh mục, nên không muốn trẻ con lân la với ông ta nên làm thế.

Luật sư Lambert suy nghĩ một chút rồi ông hỏi giọng cương quyết:

- Bà có chịu khai y như lời bà vừa nói trước Tòa không?

- Tôi khứng chịu dù có bị tội.

- Bà có thể nói cho những bà kia cũng làm y như bà không?

- Tôi hứa với luật sư, chúng tôi sẽ nói sự thật như tôi vừa nói.

- Cám ơn bà, công lý nhờ bà sẽ được sáng tỏ lại.

Ông Tám tiếp:

- Rồi luật sư Lambert đâm đơn xin Toà xử lại vụ án, trước Tòa những người chứng cũ, nói rằng họ không thấy chuyện gì xảy ra, chỉ vì không ưa vị Linh mục mà làm chứng như thế, bà mẹ như lúc đầu, nói rằng bà chỉ nghe người ta nói lại mà thôi. Tòa phải tuyên bố tha bổng ông Linh mục, báo chí người ta hỏi ông Linh mục, ông ta nghĩ sao, khi đã ngồi tù được mười năm, Linh mục trả lời:

- Đó là ý Chúa, để cho tôi có dịp ở cùng với tội nhân, giúp đỡ họ nhiều hơn, tôi đã phục vụ như Chúa đã muốn. Còn những người đàn bà kia, tôi khoan dung đối với họ từ lâu, bởi vì họ chưa rõ đạo lý nên mới làm như thế!

Còn luật sư Lambert, nhiều người nghĩ rằng vì ông mà Linh mục bị tù đầy, họ xa lánh ông, không nhờ ông tranh cãi nữa, những ngày cuối đời ông sống khốn đốn, ngồi cô quạnh ở công viên, gặm những mẫu bánh mì khô như nhai những đắng cay cuộc đời, những lỗi lầm mà mình đã phạm, nhưng đáng ca ngợi luật sư Lambert, ông biết hậu quả ấy, nhưng làm việc phải làm, nên tác giả đặt tựa cho chuyện đó là *Lương tâm chức nghiệp*.

Cho nên chùa ấy, nếu ra Toà, Toà sẽ phân xử sao đây? Đạo khác đời, đem thế gian pháp mà xử Phật pháp sao nên, phải vậy không ông Tư?

Ông Tư im lặng, chuyện của ông Tám nói, quả thật là đắng cay, quả thật là cao cả của một người hành đạo. Ông tin chắc, đạo nào, thời nào cũng có những người cao thượng như thế.

Nhìn đồng hồ đeo tay, ông Tám thấy đã hơn hai giờ, ông nói:

- Cô Vãi có thể hôm nay về, cũng có thể là ngày mai, nhưng bà con mình muốn biết tin ông, vậy ông ở lại giữ chùa, còn tôi phải xuống núi bây giờ, về cho kịp xe.

- Chắc phải vậy thôi, ông về trước có lẽ mai tôi về.

Ông Tám uống hết ly nước, ông lại đi lên chùa lễ Phật rồi gọi chú tiểu, cả hai xuống núi, họ đi qua ngã phía sau chùa.

Ông Tư đứng nhìn theo bạn, lòng ông cũng nôn nóng muốn đi theo bạn để xuống núi cùng về, ông đã làm thủ tục ở chốn quanh hiu này, ông vẫn nhớ không khí quán Bà Năm, căn nhà nhỏ của ông và ly cà phê đen nóng, uống vào giờ này hay buổi sáng tinh mơ.

* * *

RỒNG HIỆN

Chạng vạng tối cô Vãi về tới chùa, bước lên thêm nhà bếp, cô gọi:

- Chú Tư ơi! Chú Tư! Chú đâu rồi?

Từ trong chái nhà bếp, tiếng ông Tư vọng ra:

- Tôi ở đây nè cô!

Cô Vãi đi luôn vào trong bếp, một lát cô trở ra, bụng theo một ngọn đèn lớn đem đặt giữa bàn nước, ông Tư cũng đi ra ngồi vào chỗ cũ, cô Vãi để một phong thư trên bàn, nói:

- Chú Tư đọc lá thư này đi, tôi đi tắm rửa rồi có việc sẽ bàn với chú. Chú đã dùng cơm chưa ? Nếu chưa tôi nấu mì cho chú.

- Cám ơn cô, tôi cũng đã ăn mì vừa xong, mới đi nằm đó. Cô cứ tự nhiên, tôi đọc rồi ngồi uống nước chờ cô.

Cô Vãi lại đi vào trong bếp, ông Tư với tay lấy phong thư, mở ra trong ấy có lá thư viết tới bốn trang giấy ô vuông, ông phải đi vào trong chái, tìm lấy cặp kính, mang vào để đọc thư.

Kính Bạch Thầy,

Đêm nay con viết lá thư này gửi cho Thầy, cúi xin Thầy xá tội cho con, vì con sẽ không còn trở lại chùa nữa. Con phải trình bày cho Thầy rõ những việc đã xảy ra, khiến con phải viết lá thư này.

Sau khi Thầy đi nhà thương để trị bệnh, cách đây hai hôm, cô Diệu Ngọc có sai con qua Hang Hồ thăm và biếu gói trà cho Sư cụ dùng, con qua đến nơi thì có người cháu gái, gọi Sư cụ bằng ông đang ở đó.

Lúc đó chừng mười một giờ trưa, Sư cụ nói với con rằng: "Con ở lại đây, chiều mát hãy về, đợi ta Thiền rồi ta sẽ nhờ con một việc".

Con phải ở đó đợi khá lâu, rồi con ra chiếc võng nằm nghỉ, con đã ngủ quên ở đó cho tới lúc cháu của Sư cụ gọi con dậy, để ăn khoai lang do cô ấy luộc. Có lẽ lúc ấy đã hơn năm giờ chiều, con tưởng Sư cụ đã ngồi thiền xong, nhưng cháu của Sư cụ nói với con "Lạ quá, sao ông em hôm nay ngồi thiền quá lâu, đến bây giờ cũng chưa xong, hay ăn xong chủ vào trong xem thử". Sau khi rửa mặt, ăn khoai xong, con vào trong hang, đến gần thấy Sư cụ ngồi yên, con tự nghĩ có nên báo cho Sư cụ xả thiền không ? Nhưng con nghĩ trời sắp mưa, con cũng phải về sớm, cần phải báo cho Sư cụ xả thiền vì Sư cụ đã nói, có việc dạy con, Do đó con lấy tay rờ vào bàn tay của Sư cụ, con cảm giác hai bàn tay rất lạnh, con mới rờ tay lên mặt Sư cụ, mặt cũng lạnh như tay, lúc ấy con mới nghĩ rằng có thể người đã tịch rồi, nhưng cũng có thể Sư cụ đang nhập đại định, nghĩ như thế, con ra khỏi hang, cháu của Sư cụ thấy con đi ra liền hỏi xem Sư cụ đã xả thiền chưa, con trả lời chưa, chờ một lát con sẽ báo cho Sư cụ xả thiền, thật ra thì con đang nghĩ làm sao cho Sư cụ xả thiền nếu người đang nhập đại định, làm như vậy có hại chi cho người không ?

Cuối cùng, con quyết định phải báo cho Sư cụ tỉnh thức bằng phương pháp mà các thiền đường đã dùng, con lấy cái chuông lớn đem gần bên lỗ tai Sư cụ, trước con gõ nhẹ để yên một lát, lại gõ to hơn một chút, để cho tiếng chuông ngân đồng thời con theo dõi hành động của Sư cụ, không thấy chi, con lại gõ tiếng to hơn nữa, cứ như thế mà Sư cụ chẳng tỉnh thức, con hiểu rằng Sư cụ đã tịch rồi, con nghĩ có lẽ người bảo với con, người sẽ dạy con là để cho con thấy sự viên tịch đó của người.

Khi con ra khỏi hang, con mới nói với cháu của Sư cụ rằng Sư cụ đã tịch rồi, cô ta khóc và hỏi coi con tính làm sao, con bảo

để con về chùa báo cho cô Diệu Ngọc biết, cô ta bảo cô ta không dám ở đó một mình, nhất quyết yêu cầu con phải đưa về thành phố, báo cho cha mẹ cô ta để lo chôn cất Sư cụ, cô ta bàn rằng Thầy đang nằm nhà thương, cho cô Diệu Ngọc hay càng thêm bối rối, nên về nhà cô ta tốt hơn. Con nghĩ cô ta nói có lý nên đóng cửa hang lại cẩn thận rồi đêm mưa đưa cô ta xuống núi, đón xe cho kịp về thành phố.

Về tới nhà cô ta đã hơn chín giờ, chẳng may ba cô ta đi khỏi, má cô ta chỉ biết khóc và chờ đợi, đến gần mười hai giờ đêm, ông ta mới về, biết được chuyện, hai ông bà ấy bàn tính và cho con biết chờ sáng hôm sau sẽ dậy sớm đi kiếm nhà đòn đem xe lên đó chở Sư cụ về nhà làm đám tang.

Sáng nay, hai ông bà ấy dậy sớm, đi với cô con gái và con đến một nhà đòn rồi cùng họ đi ra Hang Hổ, không hiểu vì sao lại có một vị Tăng, đi lên núi tìm chỗ tu, đang dừng chân tại đó. Con kể chuyện cho vị Tăng ấy rõ, Sư cụ đã viên tịch trong hang, vị Tăng ấy cho biết như vậy là tốt quá, không nên đem về nhà làm lễ, nên để tại đó, hãy thông báo cho các chùa, những người tu ở chung quanh biết, để làm lễ hỏa táng hay nhập tháp cho Sư Cụ tại đó, vì Sư cụ đã đắc quả nên mới viên tịch như thế, lúc ấy cháu của Sư cụ mới nói rằng, cách đó mấy hôm, khi cô mới lên thăm, Sư cụ bảo hãy ở lại chơi, chừng nào ông tịch ở đâu, hãy để ông ở đó, đừng báo mời ai hết, chỉ nội trong nhà lo liệu mà thôi, Sư cụ còn dạy rằng, sống gửi, thác về mà.

Họ bàn tính, rồi vị Tăng ấy lo làm lễ, con với cô gái lại đi xuống núi tìm mua gạch, xi-măng, cát, thuê một người thợ hồ, mướn người vác lên Hang Hổ, rồi họ đã táng Sư cụ ngay trong hang ấy, họ đã xây một bức tường dày hai mươi, sát sau lưng Sư cụ, những gì ở trong đó họ để nguyên, chỉ lấy ra Tượng Phật, Kinh, chuông, mõ mà thôi. Sau khi xây xong bức tường, họ đặt một bàn thờ Sư cụ nơi bức tường đó, Trên bàn thờ, vị

Tăng kia viết bài vị "Hòa Thượng thượng Hồng hạ Liễu chi linh vị".

Sau khi ấy, vị Tăng xin ở lại đó để tu và trông nom hương khói cho Sư cụ, gia đình ấy đồng ý, rồi nhờ con thỉnh vong về nhà họ để thờ cúng, thế là con phải đi theo họ. Trong hai ngày qua, con làm việc như bị sai khiến bởi một điều gì khác, bởi một lý do gì khác, tối nay con mới hiểu rằng, Con ở chùa ngày tháng chỉ có gõ mõ, tụng kinh, niệm Phật, không hiểu chi về giáo lý Đạo mà con tu theo, nay con chọn con đường học hỏi thêm để thấu hiểu giáo lý, con không cam lòng làm một Sơn Tăng.

Đề đầu kính lạy Hòa Thượng tha tội cho con.

Kính thư,

Tiểu Minh Thọ.

Ông Tư đọc xong lá thư mà cô Vãi vẫn chưa ra nói chuyện, ông rót nước uống, suy nghĩ về những gì Minh Thọ đã viết, chú quyết chọn con đường tu hay lòng đã dính chút bụi trần? Chùa ở đây có bao nhiêu người đâu, nay lại còn vắng hơn, sao lại có nhiều chuyện đồn dập, đưa đẩy vào chốn thanh tịnh này? Ông chỉ là người bàng quan đâu có thể giải quyết những chuyện đã xảy ra. Ông nghĩ chùa đâu chỉ có câu kinh, tiếng kệ, ở chốn hẻo lánh này mà những chuyện của bá gia, bá tánh, chuyện nọ chuyện kia cũng có thể mang tới khuấy động chốn thiền môn.

Rồi cô Vãi từ nhà bếp bước ra, cô mặc một bộ nâu sòng, cô kéo chiếc ghế ngồi tựa vách như hôm trước, cô nói:

- Thưa chú Tư! Tôi về trễ vì ông Thầy đã viên tịch rồi!

Ông Tư ngạc nhiên:

RỒNG HIỆN

- Ủa! Ông Thầy đã tịch rồi sao? Thật hả cô?

Cô Vải chậm rãi trả lời:

- Dạ thật! Khi tôi đến nhà thương hỏi thăm thì mới biết, ông Thầy tịch hồi khuya và người nhà thuê ngay xe đưa về quê, tôi lại phải đi tìm đến quê của ông Thầy ở dưới chợ Cần Giuộc, tôi đến nơi thì người ta liệm ông Thầy rồi.

- Tại sao không đưa về chùa mà lại đưa về quê ? Thân nhân ấy là chi với ông Thầy?

- Thưa chú Tư, ông Thầy trung niên mới xuất gia, hồi trước ông ở Lái Thiêu, đi buôn bán đồ gốm nên lập gia đình ở tại chợ Cần Giuộc, ông có vợ và hai con trai, đang hồi buôn bán khá giả, bỗng ông giác ngộ, để lại quán hàng xén, nhà cửa cho vợ con, ông lên đây tu, xuất gia đầu Phật, quy y với Hòa Thượng Hồng Liên trụ trì chùa này, Hòa Thượng đặt pháp danh cho ông Thầy là Nhựt Quang, ban ngày làm lưng cực nhọc, ban đêm chuyên cần kinh kệ, đúng với câu "*Xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo*", chừng gần mười năm trước người vợ ông đã qua đời, khi ông Thầy trở bệnh nặng, con ông lên đây đưa đi nằm nhà thương, ông Thầy đã có bệnh từ lâu, nay đến thời kỳ chót của bệnh ung thư.

Ông Tư nêu thắc mắc:

- Có người nhà, ông Thầy còn nhắn cô xuống ký giấy tờ gì?

- Thật ra thì ông Thầy biết mình không qua khỏi cơn bệnh, muốn nhắn tôi xuống để dặn một điều, phải tìm một vị trụ trì.

- Chớ cô không làm trụ trì ngôi chùa này được hay sao?

HUỖNH ÁI TÔNG

- Thừa chú Tư, vì chùa này bao nhiêu đời nay vị trụ trì là một ông Thầy, đây là một nơi vắng vẻ, trụ trì là một người Nữ thì cũng có những khó khăn.

Ông Tư chợt nhớ đến Thầy Minh Trường, ông nói:

- Hôm qua, có thầy Minh Trường dẫn theo chú tiểu đến đây thăm ông Thầy, cũng định hỏi ý kiến vì chùa thầy có người chủ định lấy lại, trước khi về, Thầy có căn dặn tôi nói lại với cô, có tin gì về ông thầy thì báo cho thầy Minh Trường biết với.

- Tôi đã nhờ người rồi, ngày mai họ sẽ đi ra ngoài ấy báo dùm.

Cô Vãi thở dài rồi hỏi ông Tư:

- Xin lỗi chú Tư, tôi có hơi tò mò một chút, muốn biết chú thím có bao nhiêu con cái?

- Chúng tôi chỉ có một đứa con trai, năm nay ngoài ba mươi, ở nước ngoài, nó đã lập gia đình cũng đã có con trai được tám tuổi và đứa con gái lên năm.

- Vậy chú Tư cũng thông thả, hay là tôi đề nghị chú Tư làm trụ trì đi!

Ông Tư cắt ngang, từ chối nhanh chóng:

- Ý! Đâu có được nè, tôi chẳng biết gì hết làm sao tôi làm trụ trì!?

- Xin lỗi chú Tư, chớ mấy hôm nay chú làm gì?

- Tôi chỉ giữ chùa giữm cho cô mà!

RỒNG HIỆN

- Đúng vậy chú Tư, mấy hôm nay tôi nhờ chú giữ chùa giùm, chú là cư sĩ thì gọi là Thủ Tự, nếu chú xuất gia thì là trụ trì.

Ông Tư một mực biện bác:

- Tôi đến đây chỉ vì đi lạc, đụt mưa phải ngủ lại, cô nhờ tôi phải giữ chùa, tôi có muốn đi tu đâu mà làm thủ tự hay trụ trì!

Cô Vãi nói như van xin:

- Chú Tư! Tình cảnh chùa, xáo trộn chỉ có ba hôm mà thôi, chú lạc đến đây, Thầy trụ trì tịch, chú Minh Thọ bỏ đi không về, một thân tôi ở đây sớm kinh, chiều kệ cũng được, nhưng mà một thân của tôi là nữ, ở chốn quanh hiu này, có bề nào làm sao thanh tịnh để tu đây, cho nên tôi xin chú hãy vì đạo Phật, bảo tồn ngôi Tam Bảo, vả lại chú cũng già rồi, gửi thân nơi cửa Phật, để gieo nhân tích phước cho đời sau.

Ông Tư im lặng suy nghĩ, ông vói tay lấy bình rót một ly nước cầm đưa lên môi uống rất chậm rãi, rồi ông quay lại câu chuyện:

- Sao không đem ông Thầy về đây an táng ở chùa?

- Thừa chú Tư, hai người con xin với ông Thầy, khi ông tịch cho họ đem ông về quê an táng, cho họ làm tròn chữ hiếu, ông Thầy bảo xác thân là giả tạm, cho phép các con ông được như ý nguyện, nhưng đưa về nhà trong vòng bốn mươi tám tiếng phải an táng ông, chớ không được để lâu hơn, cho nên khi tôi về, người nhà đã liệm rồi, có những Thầy và Phật tử các chùa chung quanh đến tụng kinh, sáng nay chôn cất xong tôi về ngay.

- Sao cô về đây trễ vậy?

- Về đến chân núi, cháu Lan nhận được thư có người mang tới trưa nay, cháu Lan đưa tôi đọc, tôi phải đi qua Hang Hồ lễ sư cụ trước khi về đây.

- Cô có gặp ông Thầy ở bên ấy, như trong thư chú Minh Thọ nói không?

- Thưa có!

Ông Tư nói nhanh:

- Sao cô không nhờ ông ta làm trụ trì chùa này?

- Có, tôi có mời ông ta, ông ta đã từ chối, ông ta là Thượng Tọa Chánh Minh đã làm trụ trì chùa Viên Giác ở miệt dưới, nay ông ta muốn làm một sơn tăng, ở tạm nơi hang núi hay chòi tranh, cốc lá mà thôi. Hôm nào tôi sẽ đưa chú Tư qua đó thăm cho biết.

Ông Tư chợt nhớ ra, liền hỏi cô Vãi:

- Hình thờ các vị Hòa Thượng, hình ngoài bìa bên tay phải, đó là ai vậy?

- Thưa chú Tư, đó là Hòa Thượng Hồng Liên vị trụ trì thứ mười ba, ông Thầy mới viên tịch là trụ trì thứ mười bốn, có chi không mà chú Tư hỏi.

- Có! Đêm hôm tôi nằm chiêm bao, thấy vị trụ trì ấy dẫn tôi đi đến bụi tre ở gần cổng chùa để đốt măng, đến nơi, tôi vạch lá khô tìm măng thì gặp một quyển kinh, quyển kinh ấy không có chữ, Hòa thượng ấy bước ra, đóng cổng lại, bảo tôi tự đọc đi, tôi đập cửa gọi mở ra rồi tôi chợt tỉnh.

- Chú Tư thấy không, trong giấc mơ chú đã được Hòa Thượng giao cho chú một quyển *Kinh Vô Tự*, người đóng công lại, giao chùa cho chú, lại còn bảo chú tự đọc đi, có phải là đó là duyên của chú làm trụ trì đã được báo trước rồi, chú còn ngại gì nữa?

Ông Tư xuống giọng:

- Tại sao tôi không ngại, tôi chưa quy y, tôi đâu có muốn đi tu, tôi đâu có thuộc kinh kệ, đương không bảo tôi làm trụ trì, có ai tới hỏi kinh kệ, làm sao tôi biết mà trả lời cho họ đây?

- Thừa chú Tư, ở chốn núi non này không ai đến hỏi chú kinh kệ, miễn chú hiểu được đạo Phật là đạo tu để giải thoát khỏi vòng sanh tử, đối với mọi người mình phải đối xử bình đẳng như nhau, phải có tấm lòng từ bi, đem vui đến để cứu khổ cho mọi người, mọi loài, Phật dạy có tám vạn bốn ngàn pháp môn, như chú tuổi đã cao chỉ cần niệm sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật, đi đứng nằm ngồi đều giữ cho tâm mình, chuyên chú theo tiếng niệm Phật mà thôi.

- Nói thì nghe dễ, nhưng chắc là khó, nếu không ai tu cũng đắc đạo hết rồi!

- Chú nói đúng, luôn luôn lúc đầu là khó, nhưng tập lần rồi quen, nếu chí quyết thì thành thừa chú. Có những người đã đắc quả nhưng chỉ có họ biết, chớ đâu cần phải khoe khoang với mọi người, vả lại có người nói tôi tu đắc quả, đắc kia chưa chắc là họ đã đắc!

- Có lẽ cô phải để cho tôi có thời gian suy nghĩ cái đã!

Cô Vãi nói như ông Tư đã quyết định rồi:

- Tôi định sẽ xuống bịch với Thượng Tọa Giác Hạnh, trụ trì chùa Phật Quang để xin cho chú thí phát quy y, chờ khi nào có giới đàn chú sẽ thọ giới Sa Di.

- Để rồi sẽ tính, còn trường hợp chú Minh Thọ thì cô tính sa ?

- Tôi kể chuyện này cho chú Tư nghe trước đã: "*Lâu rồi, chừng năm bảy năm về trước, tại đây, có một vị khách Tăng đến chùa, nhân bàn chuyện tu hành vị Tăng ấy có kể một chuyện như sau:*

Có một vị Thiền sư kia tu ở trong núi non cùng cốc, trong cửa Thiền của Ngài có một chú tiểu, cha mẹ chú ấy qua đời sớm, người ta đem chú gửi vào cửa Thiền lúc chú ấy lên hai hay lên ba, Thiền sư muốn chú tiểu ấy được nuôi dạy trong thiền môn, nhiều năm không cho xuống núi bao giờ, nên chú ấy không hiểu gì về thế tục, đến năm chú tiểu được 14 hay 15 tuổi, vì có việc cần, vị Thiền sư xuống núi, lại phải dẫn theo chú tiểu.

Chú tiểu ra khỏi chùa, xuống đồng bằng thấy cái gì cũng lạ, thấy con trâu chú cũng hỏi là con chi, thấy cái cày chú cũng hỏi là vật chi, có một thiếu nữ đội nón lá đi ngang qua hai thầy trò, chú tiểu hỏi đó là chi, Thiền sư trả lời: "Đó là cái nón lá".

Trở về núi, vài hôm sau thiền sư để ý thấy chú tiểu có nhiều lúc băng khoảng nghĩ ngợi, để gọi cho chú tiểu nói ra điều u uẩn ấy, Thiền sư hỏi vì sao chú tiểu buồn, nhớ cái chi, chú tiểu trả lời: " - Dạ con nhớ chiếc nón lá !".

Cho nên chú Minh Thọ, tâm chỉ buông lung chột lất, trường hợp này, tôi thấy cần thiết phải đi tìm càng sớm càng tốt, đề đưa chú trở lại chùa.

Ông Tư hỏi ngay:

- Tìm bằng cách nào đây?

- Tôi định ngày mai, tôi trở xuống dưới, tới nhà con cháu sư cụ hỏi thăm, để tìm ra manh mối.

- Nếu thế ngày mai cô đi đi, tôi ở lại trông nom chùa để có thời gian suy nghĩ cho chính chắn.

- Vậy chú Tư đi nghỉ sớm, tôi đi tụng kinh và để cầu nguyện cho Thầy.

Ông Tư đi về phía chái nằm nghỉ, cô Vải trở vào trong rồi lên chánh điện tụng kinh, tiếng mõ của cô gõ đều đặn nhưng lúc nhỏ, lúc to làm cho ông Tư càng thêm khó dễ giấc ngủ, ông trần trọc để chọn lựa nên đi tu hay là không ? Và ông tu để giải thoát hay để làm trụ trì giữ cho ngôi Tam bảo được trường hưng như tám biển gỗ treo trong chánh điện của chùa.

* * *

Cũng đêm nay ở chùa Đại Giác, nơi thầy Minh Trường trụ trì đang tụng kinh Hồng Danh Sám Hối, Chánh điện chùa này có ba gian, gian giữa tôn tượng Bồ đề đang tĩnh tọa, có một hương án để lư hương, chuông, mõ, một bình hoa và một đĩa trái cây, chừa một khoảng trống lại có hương án, mặt tiền có ba khung chạm trổ, sơn son thếp vàng, khung giữa hình bánh xe Pháp luân, khung bên trái cảnh Phật đản sinh, khung bên phải cảnh Phật nhập niết bàn, trên mặt hương án có đặt một bộ lư với đôi chân đèn bằng đồng, có bình hoa và một đĩa trái cây, trước bộ lư còn có một lư hương khá lớn, bên trên có treo bức hoành chữ viết thảo chạm nổi, cũng sơn son thếp vàng Đại Hùng Bửu Điện, gian bên tay trái thờ tượng đức Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, gian bên tay phải thờ tượng đức Phổ Hiền Bồ Tát, mỗi tượng đều có hào quang điện, riêng tượng đức Bồ đề hào

quang lớn hơn, hai bên tường có đèn hồ quang, tất cả đèn cháy sáng làm cho chánh điện huy hoàng.

Trước tượng Bốn sư, sau hương án Thầy Minh Trường chủ lễ, bên cạnh có thầy Từ Thông, hàng sau là hai cô ni Diệu Hòa, Diệu Đức, lại có hai chú tiểu Thiện Đức hầu chuông, Thiện Phúc hầu mõ, phía tượng đức Văn Thù Sư Lợi, Nam xếp thành hai hàng chừng mười lăm người, phía tượng đức Phổ Hiền, Nữ xếp thành bốn hàng chừng hai mươi vị, họ đều mặc áo tràng, kẻ màu nâu, người màu lam, trước hương án, có hai hàng của các em nhỏ, trai xếp thành một hàng, gái xếp thành một hàng, tuổi chừng mười ba, mười bốn ăn mặc sạch sẽ chớ không có áo tràng như người lớn.

Sau khi thầy chủ lễ xướng, mọi người niệm danh hiệu theo, chấm dứt bằng một tiếng chuông thì mọi người lạy một lạy rất nhịp nhàng, chứng tỏ những buổi tụng kinh này trở nên quen thuộc và nhuần nhuyễn đối với họ.

Sau khi hết thời kinh, Thầy Minh Trường bước ra khỏi chỗ hành lễ, quay mặt về phía Phật tử, thầy nói :

- Hôm nay có việc quan trọng của chùa, mời quý Phật tử bước ra hậu Tổ dùng chè, để nghe thầy nói chuyện rồi hãy ra về.

Một vài Phật tử nghe thầy nói xong liền "Dạ!", số khác xá thầy, rồi mọi người lần lượt đi đến hai cửa ở giữa tượng Phật và Bồ Tát, để đi vào hậu Tổ.

Ở hậu tổ cũng có ba gian, mỗi gian để một dài bàn dài, hai bên có băng ngồi, kê sát tường sau tượng Phật là bàn thờ tổ Đạt Ma, bên tay phải một bàn thờ vong nữ, bên tay trái là bàn thờ vong nam, phía sau là tầng phòng, sau nữa mới là nhà bếp, hậu liêu này chỉ chứa chừng một trăm người mà thôi, tuy có thấp

hai ngọn đèn hồ quang song không đủ sáng lắm, làm cho hậu tổ với những bàn thờ vong trở nên âm u hơn.

Mọi người sau khi cởi áo tràng, không ai bảo ai, họ tự động bưng chè, xôi để trên bàn, dãi giữa có ba mâm dành cho hai thầy, hai ni cô và hai chú tiểu, dãi bàn bên tay trái nam phái ngồi và các em trai, dãi bàn bên phải nữ phái ngồi với các em gái, chùa tổ chức có nề nếp, qui củ.

Thầy Minh Trường cũng như cô Diệu Hòa và Diệu Đức đi mời Phật tử dùng chè, sau đó mới trở về chỗ của mình để dùng chè, chờ cho lúc mọi người ăn chè xong, đến khi uống nước, thầy mới bắt đầu nói:

- Hôm nay, thầy muốn báo cho quý Phật tử biết, thầy Chân Quang mấy hôm trước có đến đây, thầy ấy nói muốn trở về chùa để tu, có đưa cho thầy xem những giấy tờ chứng tỏ thầy ấy là chủ ngôi chùa này, cho nên thầy nghĩ rằng thầy Chân Quang muốn lấy lại ngôi chùa này.

Thầy Minh Trường nói chưa dứt lời đã có vài Phật tử xầm xì "Đâu có được!", "Tại sao vậy hè?", "Thầy ấy bỏ chùa này khi cất chưa xong mà!", một người đàn ông cao niên hơn cả, có lẽ chừng bảy mươi, đó là ông Ba Hồ, ngồi ở đầu bàn của phái Nam nói:

- Bạch thầy! Cho phép con nói điều này, mười mấy năm trước, thầy Chân Quang cất chưa xong ngôi chùa này, thầy ấy bỏ đi, chúng con thỉnh thầy về làm trụ trì, ngày đó đến nay chúng ta xây cất thêm nhà tổ, hậu liêu, thỉnh tượng, đúc chuông, nếu không có chúng ta chùa này chắc đã bị hư hỏng hết rồi, ai cũng biết chùa này do công cán, tiền của của chúng ta đóng góp vào xây dựng, nếu thầy ấy nhất định lấy lại thì chúng ta phải đưa ra làng xóm xử mới được.

Cả nam nữ cư sĩ, có mấy người đều nó :

- Huỳnh Ba nói phải đó!

Một người đàn bà ngồi giữa bàn, tuổi trên năm mươi nói:

- Mô Phật, Bạch thầy xin cho phép con nói, thầy Chân Quang không có quyền gì hết, thầy ấy bỏ chùa, thầy trò chúng ta phải ra tay xây dựng, như Huỳnh Ba nói chúng ta bỏ ra nào tiền của nào công cán, bây giờ thầy ấy lấy chùa lại, chỗ đâu cho chúng ta tụng kinh, thọ Bát quan trai? Chúng con cúi xin thầy tìm mọi cách để giữ cho được ngôi chùa này.

Thầy Minh Trường im lặng, bình tĩnh lắng nghe, ghi nhận những phản ứng của Phật tử, thầy hiểu phải rất khó khăn mới có thể làm cho Phật tử hiểu được sự thâm diệu của giáo lý đạo Phật, điều đó không phải nói : Tôi có nghe thuyết pháp, tôi có đọc kinh sách nhưng mà chừng nào gặp trường hợp thực tế, đối diện với vấn đề như chuyện ngôi chùa Đại Giác này, mới biết được sự thâm nhuận lời Phật dạy như thế nào.

Thầy Từ Thông rót hai tách nước trà, chuyển sang cho Thầy Minh Trường một tách, Thầy Minh Trường cầm lấy uống một hớp thông thầy rồi nói:

- Xin quý Phật Tử hãy nghe thầy nói, chùa là ngôi Tam Bảo, có Phật, Pháp và Tăng để cho quý Phật Tử nương dựa vào mà tu, thầy Chân Quang hay thầy đây cũng vậy, đều là Sứ giả của Như Lai, có bốn phận dẫn dắt quý Phật Tử tu hành, thầy Chân Quang có về đây để làm chủ chùa thầy ấy cũng phải làm theo những gì tốt đẹp xưa nay chúng ta đã làm, để cho đạo Phật ngày càng hưng thịnh, Phật tử ngày càng đông đảo hơn.

Thầy Minh Trường uống thêm một hớp nước nữa rồi nói tiếp:

RỒNG HIỆN

- Sở dĩ mà hôm nay thầy nói cho quý Phật tử biết chuyện này, để sự việc xảy ra quý Phật tử khỏi bất ngờ, hơn nữa thầy mong quý Phật Tử đừng nghĩ một chuyện gì không phải cho thầy Chân Quang, chúng ta phải làm những gì như Phật đã dạy, phải để cho những người khác thấy đạo Phật là đạo Từ bi, không bao giờ gieo rắc hận thù, đối xử với nhau trong "Sáu món hòa kính" . Quý Phật Tử nào có ý kiến chi nữa không?

Một Phật tử tuổi ngoài năm mươi, ngồi đầu bàn đối diện với ông Ba Hồ, xin có ý kiến:

- Bạch Thầy xin cho phép con nói.

- Mời quý đạo hữu cứ tự nhiên.

Ông ta tăng hấn giọng rồi mới nói:

- Bạch thầy, theo lời thầy đã dạy, chúng con sẽ làm theo, không biết thầy có tiếp tục ở đây nữa hay không ? Cũng không biết thầy Chân Quang có tổ chức các lớp Phật Pháp, Thọ Bát Quan Trai, khóa lễ sám hối hàng tháng như đêm nay không?

Những suy nghĩ của Thầy Minh Trường mấy hôm nay, trước Thầy định sẽ giao chùa cho thầy Chân Quang rồi trở về Hang Mai, ở nơi an tĩnh đó để dễ bề tu hành, nhưng còn những Phật Tử ở đây thì sao? Cho nên Thầy thấy chỉ có một lựa chọn, thầy phải ở lại đây cho Phật Tử an lòng, Thầy phải cùng với thầy Chân Quang, để lo cho Phật sự ngày càng viên mãn. Quyết định này Thầy đã có từ hôm qua, sau khi ở trên núi trở về, Thầy trả lời cho Phật Tử vừa mới hỏi:

- Huynh Thiện Hữu thắc mắc như vậy cũng phải, thầy sẽ ở đây với quý đạo hữu, có thêm thầy Chân Quang trong nom chùa, thầy sẽ lo việc Phật sự được nhiều hơn, những gì chúng ta đã có, thầy hứa với quý đạo hữu vẫn sẽ tiếp tục, cả thầy Chân

Quang, thầy, thầy Từ Thông và hai cô Diệu Hòa, Diệu Đức, thầy tin tưởng chùa chúng ta sẽ sung túc hơn lên.

Thầy Minh Trường vừa nói xong, có một thanh niên, tuổi gần ba mươi, ngồi gần cuối dãy bàn nói:

- Bạch Thầy! Con có một việc, không biết có nên nói hay không?

Thà rằng đừng nói gì, thanh niên ấy đã nói úp mở như thế, chẳng khác nào như chuyện kín kín, hở hở ai cũng nôn nóng muốn biết, mà nhất là người đàn bà ngồi giữa dãy bàn, khi này đã có ý kiến, giờ lại lên tiếng:

- Anh Long có việc chi thì bạch với quý Thầy và cho Huỳnh đệ biết luôn thể, nếu được thì tiện đây, mọi người sẽ góp thêm ý kiến.

Ngần ngại rồi thanh niên ấy cũng nói:

- Bạch Thầy, thưa quý bác, hôm qua ông anh họ con ghé nhà cho biết, Chi Nhánh Điện sẽ lập một cái Trạm biến thế, chùa ta nằm trong khu vực Trạm.

Người đàn bà ấy nhanh nhẩu cắt lời anh thanh niên, hỏi:

- Như vậy chùa ta ra sao?

- Theo anh cháu nói, chương trình này có dự trù tiền để đền cho chùa và những nhà cửa trong khu vực Trạm. Nhưng họ chỉ đền bù cho những ai là chủ, có giấy tờ hợp pháp.

Người đàn bà ấy lại tiếp:

- Vậy họ không đền cho chúng ta à?

Ông Ba Hồ trả lời:

- Theo nguyên tắc, họ không đền cho chúng ta nhưng theo tôi nghĩ, chúng ta có thể làm đơn yêu cầu họ cứu xét như trường hợp chủ đất có đất cho người khác thuê cất nhà ở, người ta sẽ đền tiền đất bị trưng thu cho chủ đất, còn nhà cửa, hoa lợi của người mướn đất sẽ đền cho người mướn đất.

Thầy Minh Trường nó :

- Cám ơn anh Long cho biết tin này, cám ơn Huỳnh Ba đã giải thích rõ thắc mắc, nếu Điện Lực đã có kế hoạch xây dựng Trạm, ở khu vực chùa chúng ta, việc ấy còn quan trọng nhiều hơn việc thầy Chân Quang, thầy mong rằng tin này sẽ không đúng, nhưng nếu đúng như vậy thì, rồi đây chùa phải dỡ ra. Có được đền bù hay không, chúng ta cũng phải tìm chỗ khác để xây cất lại chùa, công của lại phải đổ ra, việc tu học của quý đạo hữu cũng gặp phải khó khăn.

Đạo hữu Thiện Hữu lại hỏi:

- Bạch thầy! Xin thầy dạy cho, bây giờ chúng con phải làm sao?

- Như thầy vừa mới nói, chưa biết Điện Lực có xây Trạm Biến Điện ở đây hay không ? Đạo hữu nào có quen với Chi Nhánh Điện hay Công Ty Điện hỏi thăm xem, bây giờ thì chúng ta chờ xem như thế nào. Đêm cũng đã khuya, mời quý Đạo hữu về nghỉ, chuyện thầy Chân Quang trở về hay chuyện Trạm Biến Điện xây tại chùa này, hãy xem như có có, không không vậy mà, quý đạo hữu đã biết, đủ nhân duyên thì nó có, không đủ thì nó không vậy.

Các Phật tử chia nhau thu dọn chén bát, lau bàn ghế rồi lần lượt chào quý Thầy, quý ni cô để ra về, họ đi với nhau từng tốp

HUYỀN ÁI TÔNG

đôi ba người, đêm ba mươi trên nền trời xanh có những vì sao, đường họ đi không ánh sáng, tối tăm cũng như viễn ảnh tối tăm về tin thầy Chân Quang trở về và nơi đất chùa sẽ bị xây Trạm Biến Điện, điện chưa thấy sáng mà trong lòng họ lại thấy tối tăm như trên con đường dẫn họ về nhà đêm nay.

Ở trên núi ông Tư Hiền vẫn trần trọc khó ngủ, ông tự hỏi những xáo trộn chốn thiền môn, phải chăng đó cũng là pháp luân thường chuyển, thế gian thường nói tre tàn thì măng mọc, thầy Nhật Quang là cây tre đã tàn, chú Minh Thọ là măng lại không chịu mọc, nếu ông ở lại đây tu để bảo tồn ngôi Tam Bảo này, ông cũng là cây tre già chớ nào phải măng mọc non!

Bên ngoài có gió thổi, những cành lá xạt xào, hình như sắp sửa có một cơn mưa, ông Tư Hiền nghĩ, người ta nói : Sau cơn mưa trời lại sáng, biết đâu đêm nay ở nơi chốn nào đó, chú Minh Thọ lại chẳng hồi tâm, chú nhớ núi, nhớ rừng, nhớ hình bóng đức Phật ngồi trên toà sen, nhớ tiếng kinh tụng ê a, nhớ tiếng mõ nhịp đều của chú, nhớ tiếng chuông vang dội đêm trường, những thứ đó ám ảnh, thúc dục làm cho chú thức tỉnh, nhờ thế ngày mai chú trở về sớm, lúc hừng đông.

